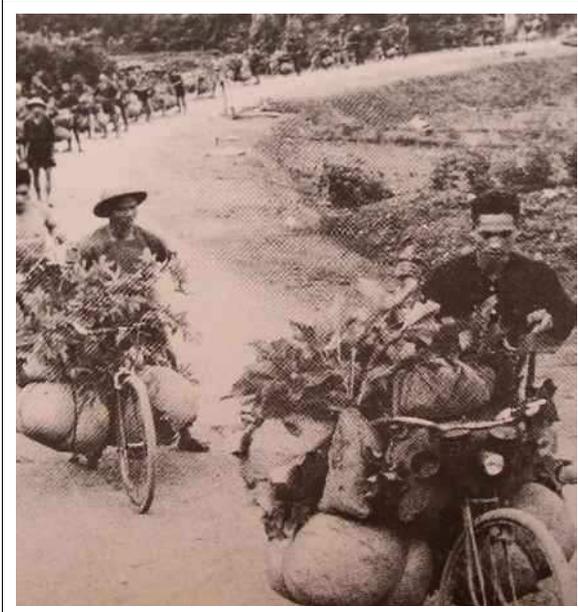


F O R U M



Xe thô trong chiến dịch Điện Biên, sáng kiến lớn của dân công Thanh Hoá. Nhờ đó mỗi người có thể vận chuyển từ 200 đến 300 kg, gấp mười người gánh vai. 300 000 dân công chuyên chở 26 000 tấn lương thực đã góp phần vào chiến thắng lịch sử năm 1954.

MỤC LỤC

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự & Vấn đề

1 Triết lí giáo dục ở Việt Nam Nguyễn Ngọc

4 Tin tức

Hồ sơ đặc biệt :

12 5 khuyết tật của ĐCSVN Đặng Quốc Bảo

Văn hoá, Khoa học, Nghệ thuật

16 30 tháng tư Nguyễn Lộc

17 Thơ Vương Huy

18 Hai bài kinh Bát nhã Cao Huy Thuần

20 Bàn về nguồn gốc con người Nguyễn Văn Tuấn

24 Nghệ thuật 77 000 năm về trước Văn Ngọc

27 Thâm hoạ dioxin Văn Ngọc

29 Lâm thâm nước mắt ngày vui Châu Diên

31 Đọc Niall Ferguson Trần Hữu Dũng

GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY, ĐI RA BẰNG CON ĐƯỜNG NÀO ?

Nguyễn Ngọc

LTS. Mặt báo này, ngoài những bài viết của mình và của các cộng tác viên trong và ngoài nước, cũng đã nhiều lần phản ánh những suy tư, trăn trở của trí thức trong nước về sự xuống cấp trầm trọng của nền giáo dục Việt Nam. Gần đây, một hội thảo độc lập, nhiều kỳ, đã được một số trí thức tên tuổi như gs Hoàng Tuy, tổ chức, với những bài tham luận được đưa lên mạng Internet tại địa chỉ www.ncst.ac.vn/HVGD

Chúng tôi xin giới thiệu với bạn đọc bài dưới đây của nhà văn Nguyễn Ngọc, đề cập tới nhiều vấn đề cơ bản, với cách tiếp cận mà Diễn Đàn hoàn toàn chia sẻ. Các tiểu tựa là của ĐĐ.

Tình hình, vậy mà không phải vậy

Đã ít lâu nay, khi bàn về giáo dục ở nước ta hiện nay, hình như nhiều người thường thống nhất với nhau : Thôi, không nên nói tình hình nữa, tình hình giáo dục, những căn bệnh của giáo dục đang khiến cả xã hội không thể yên tâm, thì ai cũng biết và nhận ra cả rồi. Vấn đề bây giờ là cần tìm giải pháp nào để thay đổi được. Trước đây tôi cũng nghĩ như vậy ; nhưng bây giờ thì tôi thấy có hơi khác. Sau cuộc giải trình và trả lời chất vấn của ông bộ trưởng bộ Giáo dục trong kỳ họp Quốc hội gần đây nhất, chúng ta có thể thấy rõ điều ta vẫn yên trí là vậy hoá ra không phải là vậy. Người đứng đầu ngành giáo dục không hề nhận ra được tình hình nghiêm trọng của giáo dục như ta vẫn tưởng và hy vọng. Theo tinh thần của những điều ông nói trước cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, thì tình hình cơ bản vẫn là tốt, về cơ bản không có vấn đề gì lớn, tất nhiên có một số điều cần thay đổi, sửa chữa, nhưng đó đều là những điều chi tiết, “ báo động ” là sai. Ông còn công khai thách thức những người báo động. Vậy thì, tôi nghĩ trước hết vẫn phải nói lại về tình hình, bởi nếu tình hình không có vấn đề thật sự nghiêm trọng, chẳng qua là báo động giả thôi, thì những công việc, những cuộc họp như chúng ta đang làm hôm nay sẽ là vô nghĩa.

(xem tiếp trang 9)

Bạn đọc và Diễn Đàn

Tháng tư ở Điện Biên

Tháng 4 vừa qua, tôi có dịp về Việt Nam làm việc ở một cơ quan nọ. Đề gọi là bồi dưỡng cho việc tôi làm ‘chùa’, cơ quan định cho tôi lên núi Yên Tử nghỉ ngơi vài ngày. Song thấy tâm mình còn ‘động’ quá, không đủ thanh thân để leo núi đến nơi tu hành yên tĩnh..., và vì được nhìn biểu ngữ giăng đầy đường kỷ niệm 50 năm Điện Biên (ĐBP), rồi thấy Đại Tướng Võ Nguyên Giáp cùng phu nhân lặn lội về thăm lại chiến trường xưa,... tôi chọn theo đoàn người lên Tây Bắc...

Ở Hà Nội đi ĐBP bây giờ thật dễ. Từ Nội Bài lấy máy bay

ATR 72 lên ĐBP chỉ mất hơn 40 phút, khi trời quang đãng không có mây mù ; mỗi ngày có ba chuyến bay trong mỗi chiều, giá vé khoảng 950 000 đồng (50 €) đi về. Khách sạn ăn uống vừa phải (có ai lên ĐBP để ăn ngon đâu nhỉ !...).

Mấy người bạn tôi chọn đi đường xe hơi, mất từ 14 đến 16 giờ, để được nhìn núi rừng Tây Bắc, qua Hoà Bình, Sơn La, Mộc Châu..., những địa danh từng nghe song chưa đến, và nhất là để thử hiểu làm sao thời đó dân quân bộ đội có thể kéo pháo từ dưới lên đến ĐBP... Ít ai hiểu được !

Dù ở HN có hơi bị bội thực vì quảng cáo cho ĐBP, tôi thực sự xúc động khi đứng trên ‘hầm Đờ Cát’. Nhớ lại hình ảnh bộ đội phát cờ đỏ sao vàng trên nóc hầm này vào ngày 7/5/1954, đã được xem bao lần trên TV, phim ảnh..., bao nhiêu lần muốn đến, giờ thấy căn hầm bé tí mà bao nhiêu gian truân.

Càng xúc động lúc đứng trên đồi A1 nhìn xuống cánh đồng Mường Thanh. Tôi nhớ lại cái cảm giác bản thân khi có dịp đi thăm Waterloo, đứng trên đồi sư tử... Quang cảnh hai nơi na ná giống nhau: một trận đánh lịch sử, một bãi chiến trường đầm máu, bao nhiêu oanh liệt, và bao nhiêu người đã chết...

Nhìn những ngôi mộ không tên trong các nghĩa trang, ít ai không khỏi chạnh lòng (tôi nhớ đến câu hát của ai đó : “ ai nhớ tên các anh, những người chiến sĩ vô danh...”). Có hai nghĩa trang bộ đội lớn, nghĩa trang A1 không hay lắm, song có bảng dài ghi tên bộ đội hy sinh, đông nhất từ Thanh Nghệ Tĩnh, Vĩnh Phú... Phải tìm đến nghĩa trang ở đồi Độc Lập, hơi xa thành phố một chút, song ở đó sự yên tĩnh và cảnh quan phù hợp hơn cho những ai đi... hành hương. Nghĩa trang lính Pháp cũng được thường xuyên thăm viếng.

Tôi không đủ thì giờ để đi vào “hầm Đại Tướng”, địa chỉ của những người xe ôm cho đại bản doanh của VNG trong chiến dịch, cách ĐBP 40 km, đường khó đi. Về đây mới hiểu người dân địa phương nhớ/nghĩ gì về ĐBP. Với họ, chỉ có một tên gắn với ĐBP, đó là Đại Tướng !

Có người cho rằng việc ĐT VNG xuất hiện liên tục trong mấy tháng qua trên TV, báo chí... là một cách khôn ngoan để Đảng phân bua với dân rằng Đảng đâu có “ém” ĐT hay “tước đoạt” vị trí của ĐT như tin đồn vẫn truyền đi trong dân từ hai chục năm qua. Thật ra dù có muốn, Đảng cũng khó mà đi ngược lại lòng dân !

Bào tàng viện ĐBP còn quá khiêm nhường, và các điểm di tích khác đang còn là... công trường. Có lẽ cũng sẽ xong cho đúng ngày kỷ niệm 7/5, song kỷ niệm xong, sẽ làm lại ! Vẫn là tác phong VN ấy mà ! Nghe đâu sân vận động Mỹ Đình làm cho SEA Games năm rồi đã xuống cấp !).

Đi vào các bản Thái chung quanh (tỉnh ĐBP có hơn 40 % dân Thái trắng) và nhìn sự phát triển đô thị ở đây, không thể không nghĩ đến tình trạng hiện nay ở Tây Nguyên... ĐBP được tách ra làm tỉnh mới, thị trấn nhỏ ĐBP được nâng lên hàng thành phố, với dự định thay thế Sơn La như là thủ phủ của vùng Tây Bắc. Cách đây không lâu, nhiều bản Thái nằm ngay trong thị trấn, nay cả bản phải dời ra xa. Đối với người Thái, vẫn là vấn đề đất ruộng, trình độ dân trí và tệ nạn xã hội. Câu « Thái đen, Thái trắng không bằng Thái Bình », nói đến sự di dân từ các tỉnh khác đến vùng ĐBP. Người lái xe ôm đưa tôi đi chơi, quê gốc Thái Bình, bày tỏ sự bức tức khi kể lại không khí không vui mỗi khi có trận đá banh giữa Việt Nam và Thái Lan !

L'Association Vietnam les enfants de la dioxine
en partenariat avec l'Alliance Internationale des anciens
résidents de la Cité internationale universitaire de Paris
vous invite à un

Concert de musique traditionnelle vietnamienne

animé par **Phượng ca Dân ca Quốc nhạc**

LE SAMEDI 12 JUIN 2004 à 20h30

Cité Universitaire de Paris / Maison de l'Asie du Sud-Est

59B, boul. Jourdan 75014 PARIS

Les bénéficiaires de la soirée serviront à faire soigner les enfants et à
accorder des micro-crédits aux familles.

Billet de soutien : 20 € / Etudiants : 8 €

Réservation par email : vuthixuan@netscape.net

Nguyễn Lê lưu diễn Châu Âu

xem chương trình cập nhật tại www.nguyen-le.com

Tháng 6 : 5 tại Lisboa Rock in Rio, Hendrix ; **14 San Francisco**, trio với Hương Thanh ; **18 La Défense**, 12h30 Hendrix ; **19 Agde** masterclass ; **23 Basel** Paolo Fresu 6tet ; **24 Luxembourg** Paolo Fresu 6tet ; **25 Hamburg** NDR Paolo Fresu 6tet ; **26 Dusseldorf** Jazzrallye Paolo Fresu 6tet.

Xem lịch sinh hoạt văn hoá cập nhật trong mục *Sổ Tay*
trên mạng internet của báo *Diễn Đàn*

www.diendan.org

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Nguyễn Ngọc Giao,

Bùi Mộng Hùng (1932-1999), Văn Ngọc

Ban biên tập, quản lý, kỹ thuật :

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,

Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Thoại Phong

Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm, Thanh Thanh,

Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thủy, Đặng Tiến, Nam Trân,

Hoài Văn, Kiến Văn, Hải Vân, Hoà Vân

Phải chăng ở Tây Nguyên hiện nay cũng chỉ là một sự lặp lại...

Ở Hà Nội hay Sài Gòn, tôi có « âm mưu » đi tìm hiểu xem là có bao nhiêu người bị chết trong cuộc biểu tình hai ngày 10 và 11/4 của người dân tộc ở Tây Nguyên... Rất ít người biết chính xác. Mỗi nguồn, như quan chức cao cấp, ký giả, phóng viên... đưa một con số khác nhau. Song gộp lại, con số có 3 người chết, gồm 2 người dân tộc và 1 công an... là kết luận tạm của tôi. Còn người bị thương thì nhiều, nhiều nhất là trong sinh viên và công an...

Điều này có thể hiểu được là ngay sau khi biết tin có cuộc biểu tình kéo về thị xã, chính quyền địa phương huy động toàn bộ sinh viên trường đại học Tây Nguyên, cùng với công an không mang súng, ra làm hàng rào cản ở ngã thị xã. Họ đứng chịu trận cây đá do đồng bào dân tộc ném vào. Một đồng bào dân tộc và một công an bị chết vì đá ném. Một đồng bào khác bị chết vì do xe máy cày bị lật đè lên người (đồng bào dân tộc kéo về thị xã với tài sản của họ chất trên các xe nông thôn; đám sinh viên chạy ra tìm cách cắt dây xích xe, nhiều xe bị lật).

Có nhiều điều đáng bàn về chuyện dài Tây Nguyên. Gần đây chính quyền dường như đã hiểu và đã cố gắng mua lại đất đai của người di dân để trả lại cho nhiều người dân tộc, và tặng thêm máy cày để làm ruộng, song cái gốc của vấn đề như Nguyễn Ngọc đã viết sau sự kiện năm 2001 vẫn còn nguyên vẹn. Bây giờ mới biết là chẳng có quan chức địa phương nào nói được tiếng người dân tộc, trong khi đó các mục sư tin lành giảng đạo bằng tiếng dân tộc !

Như thường lệ, chính quyền chặn, ếm nhem mọi thông tin từ Tây Nguyên sau biến cố. Lý do là để xem có âm mưu gì khác ! Các báo VN dường như khá bức bối vì không được đưa tin ngay, thể hiện qua bài viết trên báo Tuổi Trẻ (cuối tháng 4) về quyền được thông tin trong thời đại thông tin này...

Theo tôi, trong sự kiện vừa qua, chính quyền địa phương và công an đã có cách đối phó hòa hoãn, mềm dẻo và thông minh hơn các lần trước... Nếu không, hậu quả trầm trọng hơn nhiều lần.

Tôi có dịp nói với nhiều vị quan chức trong ngành truyền thông là đó càng là lý do để chính quyền đưa tin ngay, cho ký giả nước ngoài lên ngay, để có thông tin chính xác, để chính quyền khỏi phải bị ‘vu oan’ hay phải luôn chạy đi đính chính. Người ta nói sẽ rút ra bài học... Mong lắm thay !

Sự kiện Tây Nguyên vừa qua còn là một bất ngờ cho chính quyền về việc sử dụng điện thoại di động. Cuộc biểu tình được tổ chức và điều khiển từ xa qua điện thoại di động. Nếu nhìn được số gọi, có thể biết được ai thực sự “giật dây”, song đó là chuyện khác !

Từ Tây Bắc đến Tây Nguyên, tôi hiểu thêm một chút vấn đề dân tộc, hết sức tế nhị, không đơn giản chút nào, và đất nước phải sống lâu dài với nó.

Tháng tư, lần đầu lên Tây Bắc thật lý thú. Hà Nội tháng tư còn mát và đẹp ; tháng tư Sài Gòn thì quá nóng, thành phố ngày càng không còn nơi để thở...

Giao Vy (Bruxelles, Bỉ)

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên :

Địa chỉ :

Email :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ tháng (số)

Kèm theo đây là ngân phiếu : €

Giá mua 1 năm báo (11 số)

Pháp (các tỉnh, lãnh thổ DOM TOM) : 40 €

Châu Âu ngoài Pháp : 45 €

Các nước ngoài Châu Âu : 50 €

Bạn đọc ở **Pháp** có thể chuyển thẳng vào trương mục của Diễn Đàn : CCP 4.414.16 W PARIS-DIENDAN (nhưng xin báo cho toà soạn tên và địa chỉ).

Châu Âu thuộc khối Liên hiệp Âu châu UE : có thể chuyển số tiền 45 € vào trương mục của DIENDAN FORUM, số IBAN (International Bank Account Number) đầy đủ là : FR 90 30041 00001 0441614W02076 Bank Identifier Code : PSSTFRPPPAR

Bạn đọc ở **Đức** có thể gửi séc 45 € cho ông Trần, Am Stadtpark 6, D-92237 SULZBACH-ROSENBERG, hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung) DIENDAN-FORUM (Bank: SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto: 380 48 94 76, blz 752 500 00).

Bạn đọc ở **Thụy Sĩ** có thể thanh toán (70FS/năm) vào trương mục JOURNAL DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1. Xin viết thư để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bulletin de versement virement*).

Bạn đọc ở **Ba Lan**, giá đặc biệt 15\$ US, xin gửi ngân phiếu tương đương (bằng zloti) đề tên CHWISTEK và gửi về toà soạn, hoặc chuyển vào trương mục của M. CHWISTEK, Bank : SLASKI - ODDIZIAL GLIWICE,

Numer Banku :10 50 12 85, Numer Konta : 22 55 95 51 85, Pesel : 480 91 64 10 10

Bạn đọc ở **Canada** xin gửi séc 70\$ CND đề tên ông DUNG TRAN và gửi về MR TRAN, 4817 Lalande Blvd, Pierrefonds, QUEBEC H8Y 3H4.

Bạn đọc ở **Hoa Kỳ** xin ký séc 50\$ US đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (DIENDAN, B.P. 50, 92340 BOURG LA REINE, France).

Úc và các nước khác : xin gửi 50 € bằng *money order* đề tên Diễn Đàn về địa chỉ toà soạn :

DIỄN ĐÀN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE)

FAX : 33 1 43 68 91 44 (quốc tế), 01 43 68 91 44 (Pháp)

Email : diendan@diendan.org

Địa chỉ mạng : www.diendan.org

Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức Tin Tức - Tin Tức

Hoàn tất Hiệp định nghề cá giữa VN và TQ

Ngày 29.4.2004, lễ ký chính thức Nghị định thư bổ sung Hiệp định hợp tác nghề cá Vịnh Bắc Bộ Việt Nam - Trung Quốc đã diễn ra tại Bắc Kinh. Nghị định thư bổ sung này là điều kiện để Hiệp định Phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định Hợp tác nghề cá Việt Nam - Trung Quốc đã ký có hiệu lực (xem Diễn Đàn số 130).

Hai bên đồng ý thiết lập một vùng đánh cá chung nằm dưới vĩ tuyến 20°N và có bề rộng khoảng 30 hải lý tính từ đường phân định ra hai bên. Ngoài ra, hai bên cũng đồng ý có một vùng cho tàu thuyền đánh cá loại nhỏ ở cửa sông Bắc Luân với bề rộng 3 hải lý tính từ đường phân định ra mỗi bên và chiều dài 10 hải lý. Hai bên đồng ý sẽ bàn về các giải pháp quá độ trong vòng 4 năm cho hoạt động nghề cá của mỗi bên trong vùng đặc quyền kinh tế của bên kia ở trên vĩ tuyến 20°N trên cơ sở Công ước 1982; Tiến hành hiệp thương về việc sử dụng hợp lý và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật ở Vịnh Bắc Bộ cũng như các công việc hợp tác có liên quan đến bảo tồn, quản lý và sử dụng tài nguyên sinh vật ở vùng đặc quyền kinh tế hai nước trong Vịnh Bắc Bộ. Hiệp định này có hiệu lực 12 năm và 3 năm mặc nhiên gia hạn. Hết thời hạn này, hai bên có thể tiếp tục hợp tác nghề cá trong Vịnh Bắc Bộ thông qua hiệp thương hữu nghị.

Vịnh Bắc Bộ có diện tích khoảng 126.250 km² (36.000 hải lý vuông), chiều ngang nơi rộng nhất khoảng 310km (176 hải lý). Ngoài vị trí chiến lược quan trọng đối với Việt Nam và Trung Quốc cả về kinh tế lẫn quốc phòng, an ninh, Vịnh cũng là nơi chứa đựng tài nguyên thiên nhiên, đặc biệt là hải sản và dầu khí. Về hải sản, đại bộ phận các ngư trường chính là nằm gần bờ biển Việt Nam và Tây Nam đảo Bạch Long Vĩ. Vịnh Bắc Bộ là một trong những ngư trường và nguồn cung cấp hải sản quan trọng cho hai nước. Khu vực giữa vịnh và cửa vịnh có bồn trũng sông Hồng có khả năng chứa dầu khí. Xung quanh khu vực đảo Vị Châu (phía Đông Bắc vịnh) gần bờ biển Trung Quốc đã phát hiện và khai thác một số mỏ dầu nhỏ, ở khu vực Đông Phong cách đường kinh tuyến 108°03'13" khoảng 15 hải lý về phía Tây, Trung Quốc công bố đã phát hiện được mỏ khí có trữ lượng khoảng 80 tỷ m³. (theo VietNamNet 29.4.2004)

Chìm tàu du lịch ở Cà Mau : 39 người tử vong

Chiều ngày 30.4, tàu Viễn Tín chở du khách ra tham quan đảo Hòn Khoai nhân dịp lễ 30/4 đã bị chìm tại địa phận xã Đất Mũi (huyện Ngọc Hiển), cách đất liền gần 10 km. Đây là tai nạn tàu biển khủng khiếp nhất tại Cà Mau từ trước đến nay.

Hành khách trên tàu phần lớn là học sinh, thanh niên, nhân dân của huyện Ngọc Hiển, Năm Căn và TP Cà Mau.

Hay tin chìm tàu, chính quyền địa phương đã tung hết lực lượng, phương tiện để cứu hộ người bị nạn. Công an, quân đội, hải quân cũng điều tàu sắt, ca nô và quần thảo liên tục trên biển. Các bác sĩ từ tỉnh đến huyện tập trung xuống xã Đất Mũi để cấp cứu các nạn nhân may mắn thoát chết.

Sau hai ngày khẩn trương cứu hộ, đến 10 giờ sáng ngày 3.5, số nạn nhân được cứu sống là 108 và tử vong 39. Nếu so với điều tra của các đơn vị nghiệp vụ thì con số này phù hợp với số 147 người được xác định có mặt trên tàu. Tuy nhiên, có thể còn sót nạn nhân là khách vắng lai, người ngoài địa phương không có thân nhân đến báo mất tích.

Theo kết quả xác minh, chủ con tàu là ông Trần Văn Khải. Ông Khải đã ngưng đi biển khai thác cá từ nhiều năm nay, dùng tàu chuyên chở nước biển phục vụ cho các trại sản xuất tôm giống. Vì lẽ đó, phương tiện trên không được sửa chữa, cải tạo từ lâu.

Ngày 30/4, ông Khải tổ chức cho bà con đi tham quan đảo Hòn Khoai bằng con tàu rệu rạo của mình. 12h, tàu xuất bến tại nhà ông Khải, chạy theo sông Ô Rô xuôi ra cửa biển Ô Rô. Khoảng 14h, gần đến Hòn Khoai, tàu bị phá nước. Mọi người hoảng sợ, cảnh hỗn loạn diễn ra trên boong trước khi tàu chìm. Do phao cứu hộ không được trang bị đầy đủ nên nhiều người đã bị chìm xuống biển.

Ông Võ Quốc Việt, phó chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau, người trực tiếp chỉ đạo xử lý vụ đắm tàu, cho biết, vụ án đã được khởi tố. Cơ quan công an tỉnh đã bắt tạm giam vợ chồng Trần Văn Khải, chủ tàu Diễm Tín và những người cùng tổ chức chuyến đi.

Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau Bùi Công Bửu cho rằng “*Đây không phải là vụ tai nạn đơn thuần mà thực sự là một vụ án nghiêm trọng, có liên quan tới chức năng quản lý của nhiều ban, ngành*”. (Theo Thanh Niên, VnExpress 1-3.5.2004)

Sáng kiến luật sư ‘Vi công lý’: có bị cấm hay không ?

Đầu tháng 5 vừa qua, Hà Nội đã chứng kiến một sáng kiến chưa có tiền lệ : đó là việc ra đời « Dự án ‘Vi công lý’ » của một nhóm luật gia nhằm tập hợp kiến nghị về hoạt động tư pháp và gửi đến các cơ quan chức năng của nhà nước xem xét. Thay mặt nhóm sáng kiến, luật sư Trần Vũ Hải trình bày : « Trong thời gian qua, nhiều vụ án có dấu hiệu oan sai, nhiều đơn thư của công dân không được xem xét thấu đáo. Vì vậy chúng tôi muốn tập hợp những kiến nghị để gửi đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết. Việc làm này sẽ tạo tiếng kêu đồng thanh hơn, vang hơn, có lý lẽ rõ ràng và xác đáng ». Hình thành bước đầu ở Hà Nội, nhóm sáng kiến gồm 12 hai luật sư, trong đó có 8 trường văn phòng luật sư (Trần Vũ Hải, Phan Thị Hương Thủy, Vũ Quốc Bình, Nguyễn Văn Đài, Nguyễn Việt Hùng, Lê Thị Thu Hương, Nguyễn Phương Nam, Mai Xuân Hải) và những chuyên gia pháp luật như chủ

tịch Trung tâm trọng tải quốc tế Việt Nam (Trần Minh Chí) và phó chủ tịch Hội luật gia Việt Nam (Trần Hồng Dương).

Dự án Vì công lý quyết định ra mắt ngày 5.5 thì ngày hôm trước Đoàn luật sư Hà Nội lên tiếng phản đối gay gắt. Văn bản của chủ nhiệm Đoàn luật sư Nguyễn Trọng Tỵ cho rằng nhóm sáng kiến « *cả về tổ chức và hoạt động hoàn toàn trái pháp luật* ». Pháp lệnh luật sư chỉ cho phép luật sư hoạt động trong các lĩnh vực tố tụng, tư vấn và dịch vụ, « *hoàn toàn không có lĩnh vực tập hợp ý kiến để kiến nghị lên cơ quan chức năng giải quyết* ». Việc thành lập nhóm vì công lý « *thực chất là một tổ chức, hay nói chính xác là manh nha một tổ chức trái pháp luật* ». Ông Tỵ còn cho biết đang thẩm tra, xác định động cơ, mục đích của việc thành lập Dự án Vì công lý và dọa xoá tên các luật sư tham gia dự án.

Nhóm sáng kiến đã bác bỏ những kết luận « *vội vàng và áp đặt* » đó, và khẳng định rằng, trên cơ sở các quyền công dân, sáng kiến ‘*Vì công lý*’ là một việc làm « *bình thường và phù hợp với quy định của pháp luật* ». Bộ luật tố tụng qui định « *mọi công dân có quyền phát hiện những vi phạm pháp luật trong quyết định của toà án và thông báo cho những người có quyền kháng nghị* ». Hiến pháp thì qui định « *công dân có quyền kiến nghị với các cơ quan nhà nước* ». Luật sư Trần Vũ Hải nhấn mạnh Dự án Vì công lý « *không phải là một tổ chức hay một hội* ». Theo ông, « *nhóm sáng kiến cũng giống như những nhóm công dân cùng nhau hợp tác làm một việc gì đó mà pháp luật không cấm* », như nhóm các nhà khoa học cùng nghiên cứu một đề tài, nhóm kiến trúc sư cùng có sáng kiến về một quần thể kiến trúc hay nhóm nhà thầu hợp tác để thầu một công trình xây dựng. Một cách có ý nghĩa hơn, ông nói đến trường hợp ở Trung Quốc của các nhóm văn phòng luật sư hợp nhau trợ giúp công dân trong những vụ kiện về giải toà đền bù đất đai. Luật sư Hải cũng bác bỏ nguồn tin cho rằng dự án « *được tài trợ từ nước ngoài* ».

Tuy nhiên, sau một cuộc họp với ban chủ nhiệm Đoàn luật sư Hà Nội ngày 11.5, nhóm sáng kiến giải thích quyết định « *ngừng triển khai dự án* » như sau : « *giữa chúng tôi và ban chủ nhiệm có một số vấn đề chưa thống nhất nên cần có thời gian để làm rõ* ». Luật sư Trần Vũ Hải còn cho biết nhóm sáng kiến sẽ có báo cáo cho bộ tư pháp, văn phòng chính phủ và uỷ ban pháp luật quốc hội « *đề nghị được giải thích rõ một dự án như Dự án Vì công lý có trái pháp luật không, có bị cấm không ?* ». Ông cũng đề nghị « *báo chí lấy ý kiến của độc giả và các chuyên gia pháp lý* ». Song , cho đến nay, người ta vẫn không thấy các cơ quan nhà nước hỏi âm mà cũng không còn thấy báo chí phản ánh về sáng kiến luật sư ‘*Vì công lý*’ nữa ! (Vietnamnet 7 và 13.5 ; Thông tấn xã Việt Nam 12.5)

Đóng cửa câu lạc bộ điện ảnh, phòng tranh...

« *Chưa rõ thái độ chính trị thì tạm thời chưa sử dụng tác phẩm* ». Đó là nội dung Thông báo số 5 của Cục Nghệ thuật biểu diễn (32 Nguyễn Thái Học, Hà Nội), ban hành ngày 28/2/1995 về việc sử dụng bài hát của các nhạc sĩ ở hải ngoại.

Nhưng tinh thần của thông báo này, những ai theo dõi tình hình văn hoá, văn nghệ VN đều biết, vượt khá xa ngoài phạm vi của nghệ thuật biểu diễn. Đội ngũ những người gác cổng cần mẫn được nuôi dưỡng là để bảo đảm không xảy ra những lệch lạc. Không chỉ những lệch lạc về quan điểm chính trị, và rộng ra, về những tiêu chí xã hội như “ *đạo đức* ”, “ *truyền thống dân tộc* ” v.v. - tất nhiên theo đánh giá của những người gác cổng ấy. Mà về cả quan niệm thẩm mỹ, về “ *trình độ thường ngoạn của công chúng* ”..., về trăm thứ bả rắn khác mà nền kinh tế thị trường có thể gợi ý cho những người có quyền xác định thể nào là định hướng xã hội chủ nghĩa !

Tiếp theo thông tin về sự tăng cường kiểm soát Internet (xem ĐĐ số 140, và dưới đây), trong tháng vừa qua người ta lại được chứng kiến mấy cuộc ra quân ngoạn mục khác.

Ngày 29.4, ban thanh tra của bộ Văn hoá – thông tin (VH-TT) đã “ *tiến hành kiểm tra* ” và đình chỉ các suất chiếu tại rạp chiếu phim *Hanoi Cinémathèque* thuộc Câu lạc bộ điện ảnh Hà Nội. Một câu lạc bộ với 710 thành viên, trong đó có 540 người nước ngoài và 170 người VN.

Hanoi Cinémathèque, theo báo Tuổi Trẻ ngày 4.5.2004, là một địa điểm “ *chuyên trị* ” phim kinh điển thế giới, đã hoạt động từ mấy tháng nay, với lịch chiếu từ 2 – 4 suất/ngày. Rạp do một công ty Singapore liên doanh với Hãng phim Hà Nội đầu tư xây dựng

Chủ trì dự án, ông Gerry Herman, sống ở VN hơn 11 năm, từng làm trong ngành quảng cáo ở TP.HCM, sau đó ra Hà Nội và chuẩn bị cho dự án này suốt năm năm trời. “ *Tôi mất năm năm để chuẩn bị, bao gồm việc thương lượng về tác quyền, dịch phim, tìm rạp chiếu bóng và rất nhiều việc khác. Các hãng phim đồng ý cho tôi chiếu các bộ phim kinh điển với thỏa thuận đây là một hoạt động phi lợi nhuận. Chính vì thế chỉ có thành viên của câu lạc bộ mới được xem phim. Dĩ nhiên, tôi cũng phải thu một khoản chi phí để trang trải tiền thiết bị, điện, nước, nhân viên phục vụ...* ” - Gerry nói.

“ *Mục đích của tôi là có một điểm chiếu phim giới thiệu những tác phẩm kinh điển của thế giới đến với những nhà làm phim VN, những sinh viên đang học trường điện ảnh và tất cả những ai yêu thích môn nghệ thuật thứ bảy này...* ”.

Không chỉ chiếu những phim nổi tiếng thế giới từ các nước Mỹ, Nga, Pháp, Ý..., Hà Nội Cinémathèque còn chiếu cả những phim VN kinh điển được chuyển sang DVD với phụ đề tiếng Anh như *Thương nhớ đồng quê*, *Gánh xiếc rong*, *Bao giờ cho đến tháng mười...*

Tóm lại, một ý tưởng quá đẹp và “ *đang có tác động tích cực trong đời sống văn hóa* ”, như ông Nguyễn Văn Tinh, vụ phó vụ Hợp tác quốc tế bộ VH-TT, thừa nhận. Tuy nhiên, “ *tất cả phim nước ngoài được chiếu đều chưa qua hội đồng duyệt* ”. Một lý do quá đủ để đóng cửa rạp, trong khi chờ đợi bộ trưởng bộ VH-TT “ *cho phép thay đổi đối tác VN, bổ sung hoàn tất các thủ tục pháp lý để có thể nhanh chóng mở cửa lại Cinémathèque càng sớm càng tốt* ”. Lời hứa của ông Nguyễn Văn Tinh đưa ra với nhà báo Tuổi Trẻ ngày 7.5. Ba

tuần sau, người ta vẫn chưa được biết kết quả của nó ra sao.

Tiếp theo chuyện rạp *Hanoi Cinémathèque* chiếu phim chưa được duyệt, là chuyện phòng tranh cá nhân của họa sĩ Lê Quảng Hà bị đóng cửa vì nhiều bức tranh “*có nội dung không phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam*”.

Khai mạc từ 4-5 tại Trung tâm Văn hóa Pháp, Hà Nội, phòng tranh cá nhân của họa sĩ Lê Quảng Hà đã bị các cơ quan chức năng yêu cầu đóng cửa sáng 11-5. Theo họa sĩ Vi Kiến Thành (vụ Mỹ thuật và Nhiếp ảnh), phòng tranh này chỉ có thể công bố trong giới họa sĩ, chuyên môn, còn sẽ “*phản tác dụng nếu trưng bày trước công chúng*”.

Người viết phê bình phòng tranh trên báo Gia đình và xã hội, được báo Nhân Dân điện tử đăng lại ngày 12.5, hạ bút :

“*Xem những bức tranh được trưng bày, công chúng không thể cảm nhận nổi cái gọi là vẻ đẹp, là nghệ thuật. 16 bức, trong đó có 10 bức khổ lớn hầu như đều khắc họa cái vẻ kinh dị đến... kinh sợ, điều mà thế giới con người, nhất là người Việt Nam (ĐĐ nhấn mạnh) thấy hoàn toàn xa lạ*”. Tiếp theo là câu cất vấn : “*Ai sẽ cảm nhận nổi cái đẹp qua những hố mắt dữ dội, những gương mặt gân guốc trần trụi, xộc xệch và đầy căng thẳng như đang gào thét, vùng vẫy đầy tuyệt vọng trong một thế giới hoàn toàn xa lạ ?*”.

Nhà phê bình đưa kèm theo nhận định của ông Vi Kiến Thành, họa sĩ, phó vụ trưởng vụ Mỹ thuật và Nhiếp ảnh, bộ VH-TT :

“*16 bức tranh của Lê Quảng Hà trong triển lãm đã gây một ấn tượng không tốt đẹp với người xem, phần lớn có nội dung không phù hợp với thuần phong mỹ tục của người Việt Nam. Chẳng hạn, hình ảnh những người phụ nữ vai u thịt bắp, hình hài quái đản ngồi trên những chiếc la-va-bô đầy vẻ thách thức người xem ; hay cái cánh đàn ông chui dưới váy đàn bà..*”

Người đọc có thể không hiểu ông Thành đưa ra những nhận định trên với tư cách người họa sĩ hay ông phó vụ trưởng. Thì đây, nhà báo cho biết thêm : theo ông Thành, phòng tranh của Lê Quảng Hà không được một cơ quan chức năng nào như vụ Mỹ thuật và Nhiếp ảnh, sở Văn hóa - Thông tin Hà Nội cấp phép. Cách làm này đã vi phạm Quy chế Hoạt động triển lãm mỹ thuật do bộ VH - TT đã ban hành. Các bức tranh của Lê Quảng Hà đã “*lách cửa*” *thảm định của các cơ quan chức năng để hiện diện tại một trung tâm văn hóa lớn* (ĐĐ nhấn mạnh).

Chiều ngày 10-5-2004, vụ Mỹ thuật và Nhiếp ảnh đã có công văn khẩn gửi vụ Hợp tác Quốc tế (bộ VH - TT) và sở VH - TT Hà Nội để nhanh chóng có hình thức xử lý đóng cửa phòng tranh này. Ngày hôm sau, phòng tranh bị đóng cửa...

(Theo tin *Tuổi Trẻ online* 4 và 7.5 ; *Nhân dân điện tử* 12.5 ; *VNExpress* 15.05.2004)

Lại tăng cường kiểm soát thông tin trên Internet

Văn phòng Chính phủ vừa có văn bản thông báo kết luận

của phó thủ tướng Phạm Gia Khiêm trong cuộc họp về tăng cường quản lý thông tin trên mạng Internet, theo đó yêu cầu các cơ quan chức năng phải *thường xuyên kiểm tra việc đưa thông tin lên mạng Internet và xử lý nghiêm minh những hành vi vi phạm* (ĐĐ nhấn mạnh). Công việc này sẽ được tiến hành hàng tháng, do bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì, phối hợp với bộ Công an, bộ Tư pháp - Viễn thông (BC-VT)...

Bộ VH-TT cũng được giao nhiệm vụ phối hợp với ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương làm việc cụ thể với các cơ quan chủ quản để *chấn chỉnh và củng cố đội ngũ tổng biên tập các báo điện tử, đồng thời có quy định cụ thể về tiêu chuẩn tổng biên tập báo điện tử* (ĐĐ nhấn mạnh).

Có lẽ để các tổng biên tập hiện nay của các báo điện tử nhận rõ thông điệp này hơn, ngày 5.5, đảng đã ra chỉ thị cho toà án Hà Nội bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Vũ Bình, người đã bị xử án 7 năm tù giam và 3 năm quản chế về tội «*gián điệp*», thực chất là vì đã đưa lên mạng internet một số tin tức và quan điểm mà nhà nước không cho phổ biến, đặc biệt trong vụ ký kết hiệp định biên giới với Trung Quốc (xem ĐĐ số tháng 1.2004). Nguyễn Vũ Bình năm nay 35 tuổi, từng làm biên tập viên của Tạp chí Cộng sản cho tới năm 2001, khi anh bắt đầu đưa ra những kiến nghị vì dân chủ. Anh bị bắt vào tháng 9.2002 và bị đưa ra xử lần đầu vào ngày 31.1.2003. Tới ngày số báo này lên khuôn, anh vẫn đang tuyệt thực để phản kháng bản án vô đạo lý này.

(theo tin VietNamNet 19.5.2004, AFP, Reuters 5.5 và rsf.com 21.5)

Bàn giao đường Hồ Chí Minh

Ban quản lý dự án đường Hồ Chí Minh đã tổ chức nghiệm thu cơ sở và tiến hành bàn giao công trình đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1) đoạn Hà Tĩnh – Kon Tum (nhánh đông Khe Cò - Cam Lộ, Đắc Rông - A Đốt, A Tép - Thạnh Mỹ - Ngọc Hồi và nhánh tây Khe Gát - Khe Sanh) dài 962 km cho các đơn vị quản lý thuộc cục đường bộ VN trước 30-4-2004 để thông xe, đưa vào khai thác trên toàn tuyến trong tháng 5-2004.

Toàn bộ đoạn đường này còn có 24 chiếc cầu lớn, 176 cầu trung, và ba cầu cạn đoạn A Đốt – A Tép mới bổ sung nhằm giải quyết những đoạn đường đèo thường xuyên bị sạt lở nặng.

Ngoài ra, các đơn vị cũng đang đẩy nhanh tiến độ thi công và hoàn thiện công trình đoạn Thanh Hóa – Nghệ An dài 250 km, đảm bảo thông xe vào ngày 19-5-2004. (theo Tuổi Trẻ điện tử 28.4.2004)

Cầu dài nhất qua sông Hồng

Ngày 15.5.2004, thủ tướng Phan Văn Khải đã cắt băng khánh thành cầu Yên Lệnh - cây cầu dài nhất bắc qua sông Hồng, nằm trên quốc lộ 38, nối hai tỉnh Hà Nam và Hưng Yên.

Sau khi thông cầu, xe cộ từ quốc lộ 1 sẽ đi thẳng các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh... và ngược lại mà không phải vòng qua thành phố Hà Nội.

Cầu dài tổng cộng 2,2 km, rộng 15 m, có 42 nhịp, tải trọng chịu được đoàn xe ô tô H30 và xe bánh nặng XB 80. Phần cầu chính dài trên 880 m, kết cấu dầm liên tục bằng bê tông cốt thép kết hợp dự ứng lực trong và dự ứng lực ngoài, được thi công theo phương pháp đúc hẫng cân bằng.

Cầu Yên Lệnh là cây cầu đầu tiên ở miền Bắc áp dụng phương thức đầu tư BOT (Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao). Với tổng mức đầu tư trên 338 tỷ đồng, cầu được xây dựng hoàn toàn bằng vốn "nội lực" qua nguồn ngân sách trung ương, vốn đóng góp của hai tỉnh Hà Nam, Hưng Yên và doanh nghiệp BOT. Cầu Yên Lệnh cũng đạt kỷ lục về tốc độ chuẩn bị và thi công, thời gian hoàn thiện các thủ tục xây dựng cơ bản chỉ trong 1 năm, thi công chỉ trong 2 năm, vượt 10 tháng so với kế hoạch.

Cho tới ngày thông cầu, dân hai tỉnh Hà Nam và Hưng Yên ở hai bên bờ sông Hồng vẫn phải qua lại bằng phà Yên Lệnh. Ngày nay, phà đã ngưng hoạt động, nhưng 113 công nhân viên công ty phà Yên Lệnh vẫn chưa được thu xếp công ăn việc làm mới. (theo VnExpress 12 và 15.5.2004)

Bộ Công an “cho phép” tốt nghiệp ĐH trước THPT ?!

Bộ Công an vừa có văn bản số 771, gửi các tổng cục, công an các tỉnh, TP chỉ đạo việc xử lý số cán bộ, chiến sĩ trong ngành sử dụng văn bằng, chứng chỉ không hợp pháp.

Theo văn bản này : “ *Cán bộ chiến sĩ do sử dụng văn bằng THPT không hợp pháp để đưa vào hồ sơ dự thi và học, tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung cấp, ngoài việc xử lý kỷ luật theo qui định, phải tiếp tục theo học thi lấy bằng THPT hợp pháp để được công nhận trình độ đại học, cao đẳng, trung cấp. Nếu sau 1-2 năm mà không có bằng THPT hợp pháp thì thu hồi văn bằng cao hơn* ”. Đề ra chỉ đạo này, bộ cho biết đã “ *căn cứ tình hình chung của các bộ ngành khác...*”.

Chúng tôi không có được con số thống kê chính xác ngành công an có bao nhiêu người sử dụng bằng THPT giả, nhưng chắc rằng không phải nhỏ vì ngành này đã mở một đợt tổng thanh tra bằng cấp kéo dài từ năm 2001 đến 2003. Đọc qua công văn trên ai cũng có thể hiểu rằng Bộ Công an mặc nhiên thừa nhận giá trị pháp lý của các văn bằng cấp sau bằng THPT, dù rằng để có được các loại văn bằng này, các cán bộ chiến sĩ trước đó đã dùng bằng THPT giả để lừa dối cơ quan giáo dục, hợp thức hóa hồ sơ đầu vào.

Điều đáng nói là những hành vi gian dối như vậy bị cấm tuyệt đối, nếu ai vi phạm sẽ bị luật pháp trừng trị. Hơn ai hết, chính các cơ quan nghiệp vụ của ngành công an đã từng khởi tố, bắt giam những người tham gia làm giấy tờ, bằng cấp... giả, vì họ vi phạm Luật hình sự VN. Tại sao Bộ Công an lại cho phép ngành mình được làm điều ngược lại ? (L.A.Đ., báo Tuổi Trẻ 6.5.2004)

TIN NGẮN

* Cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân tháng 4 vừa qua tại tỉnh Quảng Bình đã ghi nhận một sự kiện chưa có tiền lệ : ông

Đình Hữu Cường, bí thư tỉnh ủy và chủ tịch HĐND đương nhiệm đã thất cử. Tuy được 53 % phiếu bầu nhưng vì xếp thành thứ tư trong khi chỉ có ba chỗ, ông Cường đã bị trượt.

* Từ 17 đến 23.5, chủ tịch Trần Đức Lương đã dẫn đầu một đoàn cao cấp chính phủ VN đi thăm các nước Nga, Hung, Anh và Ireland. Mặc dù Hung trước kia nằm trong « khối xã hội chủ nghĩa », đây là lần đầu tiên một người đứng đầu nhà nước VN đến thăm nước này.

* Nếu không được đầu tư nâng cấp, mở rộng tổng đài thì mạng di động Vinaphone và Mobifone chỉ cầm cự được khoảng vài tháng nữa. Ông Trần Mạnh Hùng, phó tổng giám đốc Tổng Cty Bưu chính viễn thông VN (VNPT), cho biết sau thời điểm đó, sự cố không chỉ là nghẽn mạch mà là nguy cơ mất liên lạc toàn bộ mạng do sập tổng đài.

Vinaphone và Mobifone là hai công ty điện thoại di động số một ở VN, với 1,9 và 1,5 triệu người thuê bao. Hai công ty mới vào cuộc là S-Fone và Cityphone mới chỉ đạt con số 200.000.

LÊ MẠNH THÍCH (1938-2004)

Nhà điện ảnh Lê Mạnh Thích đã từ trần ngày 16.5 vừa qua, thọ 66 tuổi.

Ông là tác giả những bộ phim tài liệu giá trị, trong đó đáng kể nhất là : *Đường dây lên sông Đà* (1981), *Chìm nổi sông Hương* (1994), *Trở lại Ngự Thủy* (1997).

Dài vốn vẹn 10 phút, không một lời nói, không một lời bình (phim tài liệu Việt Nam, kể cả một vài cuốn phim hay, vốn nổi tiếng là nói nhiều, nói dài, nói quá), *Đường dây lên sông Đà* là một bài thơ trữ tình bằng hình ảnh, vận động, ánh sáng. Chưa bao giờ người công nhân mắc dây điện được trân trọng một cách chân thực như vậy.

Chìm nổi sông Hương, 52 phút, cũng không có một lời thuyết minh (minh là *sáng*, hay là *tối*, cũng thế). Lời nói duy nhất là lời nói của những người (ít nói) trong phim. Đó là những người sống trên/ven sông Hương, sống bằng sông nước, bằng những thúng cát vét từ đáy sông. Là những con người bình thường nhất, không nằm trong quan tâm của Nhà nước hay của du khách quốc tế hay quốc nội.

Trở lại Ngự Thủy cho khán giả gặp những phụ nữ trạc 50 tuổi, già hơn tuổi, sống độc thân, sống dựa vào nhau, vài người còn có hi vọng vào đứa con mà họ đã tìm cách có được với cái giá phải trả của những người « không chồng mà có ». 30 năm trước, họ là những cô gái của một đại đội dân quân Quảng Bình đã hạ máy bay, bắn trả tàu chiến Mĩ. Hình ảnh của họ đã lừng danh cả nước, cả thế giới, nhưng chính họ chưa hề được thấy (cho đến khi Lê Mạnh Thích trở lại Ngự Thủy năm 1997).

K.V.

Điện ảnh Việt Nam đi về đâu ?

Cổ phần hoá hãng phim quốc doanh ?

Cách đây hơn một năm, tháng 1.2003, chính phủ Việt Nam ra một quyết định quan trọng cho phép tư nhân thành lập hãng phim, xoá độc quyền sản xuất phim của các hãng quốc doanh, đồng thời cũng chấm dứt tình trạng tư nhân phải núp bóng quốc doanh để làm phim. Tháng 4 vừa qua, chính phủ đã đi bước tiếp theo khi thông báo dự án cổ phần hoá ba hãng phim truyện lớn nhất của khu vực nhà nước — hãng phim truyện Việt Nam, hãng phim Giải Phóng và hãng phim truyền truyền 1 — dự kiến thực hiện trong năm 2005. Theo dự án này, nhà nước sẽ giữ lại 51 % cổ phần, và mỗi cán bộ công nhân viên trong hãng sẽ được mua cổ phần theo số năm làm việc (10 cổ phần/năm) và với giá ưu đãi (70 % mệnh giá).

Khác với quyết định năm ngoái về hãng phim tư nhân, lần này dư luận đã không mấy hưởng ứng dự án tư nhân hoá một phần hãng phim nhà nước. Bình luận về việc nhà nước nắm giữ 51 % các cổ phần, đạo diễn Đặng Nhật Minh cho rằng « nhà nước đã có trong tay Cục điện ảnh, Hội đồng duyệt thì không cần thiết phải có cổ phần áp đảo mới kiểm soát được nội dung các phim », trái lại, nhà nước cần vận động sự tham gia không hạn chế của vốn tư nhân, kể cả vốn nước ngoài. Ông còn cho rằng điều quan trọng đối với nhà nước là bảo hộ phim Việt Nam bằng một chính sách ràng buộc các đài truyền hình phải mua một quota phim Việt Nam cũng như các rạp chiếu bóng phải chiếu một quota phim nội địa. Ông Nguyễn Văn Nam, giám đốc hãng phim truyện Việt Nam, đề nghị thể hiện chủ trương đó trong dự thảo luật điện ảnh.

Còn đối với cán bộ công nhân viên các hãng sắp cổ phần hoá, họ không mấy quan tâm đến khả năng mua cổ phiếu. Hầu hết không màng đến việc trở nên chủ tập thể trong một doanh nghiệp mà họ dư biết là, cũng như hiện nay, họ không thể có tiếng nói gì đáng kể. Duy chỉ có một số ít cán bộ — khoảng 5-7 % theo ông Nguyễn Văn Nam — tỏ ra « hào hứng và sẵn sàng mua tới cả 100 % ». Điều ông Nam không nói tới, mà dư luận đều nghĩ đến, là những người sẵn sàng đầu tư vào các doanh nghiệp sắp cổ phần hoá thật sự không quan tâm đến hoạt động làm phim mà chủ yếu nhắm mắt bằng « vô giá » của hãng phim truyện Việt Nam (phố Thụy Khuê ở Hà Nội) và của hãng phim Giải Phóng (đường Lý Chính Thắng ở Thành phố Hồ Chí Minh). Một vài người đã không ngần ngại cho biết « sẵn sàng mua trọn gói cổ phần 20 tỷ đồng (của hãng phim truyện Việt Nam), sau đó san phẳng hãng phim, xây khách sạn kinh doanh ». Và cũng không ai nghĩ rằng việc nhà nước nắm 51 % cổ phần sẽ cản trở những loại đề án như vậy. Phải nói rằng, các ban giám đốc hãng phim quốc doanh hiện nay đã đi bước trước, khi cho các cửa hàng ăn uống thuê mặt bằng ở cạnh Hồ Tây (hãng phim truyện Việt Nam) hoặc thiết kế đề án xây nhà 14 tầng (hãng phim Giải Phóng)...

« Đại bại » Điện Biên !

Nhằm kỷ niệm 50 năm chiến thắng Điện Biên Phủ, nhà nước Việt Nam đã đầu tư vào đề án phim truyện *Ký ức*

Điện Biên (tên ban đầu là *Người hàng binh*) do Đỗ Minh Tuấn đạo diễn và Hãng phim truyện Việt Nam sản xuất. Với kinh phí khoảng 14 tỷ đồng (gần một triệu USD), đây là bộ phim tốn kém nhất trong lịch sử điện ảnh Việt Nam, gấp 14 lần kinh phí thông thường của một phim truyện, và bằng tổng đầu tư bình quân hàng năm của nhà nước cho toàn bộ các phim truyện Việt Nam. Ra mắt khán giả Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh ngày 7.5, bộ phim ngừng chiếu vài ngày sau đó vì... không có người xem.

Báo *Sài Gòn Giải Phóng* cho biết *Ký ức Điện Biên* chiếu tổng cộng 6 ngày rưỡi tại Thành phố Hồ Chí Minh, tổng số vé bán là 24, bình quân có 4 người xem mỗi ngày và 2 người xem mỗi suất. Tổng doanh thu là 700 ngàn đồng, trong khi chi riêng chi phí quảng cáo đã là 52 triệu đồng. Vào cùng thời điểm đó, *Công nghệ lặn xe*, một bộ phim truyện video chất lượng rất xoàng của một hãng phim tư nhân (chi phí 400 triệu đồng), đã bán được trong 5 ngày chiếu ở Thành phố Hồ Chí Minh 6500 vé, thu 130 triệu đồng. Tại Hà Nội, *Ký ức Điện Biên* chiếu được vón vẹn có 5 ngày rồi xếp vào kho. Mỗi buổi chiếu có từ 5 đến 15 người xem, và phần lớn là người được mời chứ không phải mua vé. Một nguồn tin còn cho biết Cục điện ảnh Việt Nam có ý định đưa bộ phim vào tỉnh Nghệ An với hy vọng khán giả ở « quê Bác » có « tinh thần cách mạng » hơn và đến xem phim nhiều hơn, không ngờ... Nghệ An cũng từ chối chiếu !

Sự thất bại của *Ký ức Điện Biên* trước công chúng (« đại bại » Điện Biên, Người hàng binh « đầu hàng »... theo cách nói trong dư luận) đặt lại vấn đề của loại phim « đặt hàng » nhằm phục vụ yêu cầu thuần tuý chính trị mà trong ngành điện ảnh người ta vẫn gọi là « phim cúng cụ ». Trong những năm gần đây « nền điện ảnh kỷ niệm những ngày lễ lớn » đã hoặc chuẩn bị cho ra đời các phim : *Hà Nội 12 ngày đêm* (7 tỉ đồng, đạo diễn Bùi Đình Hạc), *Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông* (phía Việt Nam hợp tác 12 tỉ đồng, đạo diễn Khắc Lợi), *Đại thắng mùa xuân 75* (6 tỉ đồng, đạo diễn Long Vân làm 4 năm chưa xong), *Câu ông Tượng* (11 tỉ đồng, đạo diễn Phi Tiến Sơn đang triển khai)... Kinh phí khổng lồ của chúng không những cho phép nuôi một bộ máy mà phần lớn ngồi không hầu như quanh năm, mà còn tạo điều kiện cho một số người trong cuộc xà xẻo, rút ruột tương tự như trong các công trình xây dựng cơ bản. Phải chăng nó lý giải điều mà báo *Công An Thành phố Hồ Chí Minh* nêu lên sau khi *Ký ức Điện Biên* được cất vô kho : « Khán giả chỉ tự hỏi tại sao lại tốn quá nhiều tiền như thế cho một cuộc đi dạo lòng vòng trên Điện Biên » ?

Một khán giả có thể tự hỏi vì sao nhà nước không đưa vào lĩnh vực điện ảnh phương pháp áp dụng phổ biến ở các lĩnh vực khác khi muốn đảm bảo có người tham gia hội nghị, hội thảo hay một khoá đào tạo : khán giả đến rạp xem phim, thay vì phải trả tiền mua vé như đến nay, sẽ được phát... « phong bì ». Tại sao không ?

[theo Sài Gòn Giải Phóng 18.5 ; Thanh Niên 18.5 ; Lao Động 12.5 ; Tuổi Trẻ 30.4 ; Talawas 7 và 18.5 – N.H. tổng hợp và bình luận]

GIÁO DỤC Ở NƯỚC TA HIỆN NAY, ĐI RA BẰNG CON ĐƯỜNG NÀO ?

*Nguyễn Ngọc
(tiếp theo trang 1)*

Tuy nhiên, tôi nghĩ cũng có chỗ phải thông cảm với ông bộ trưởng của cái bộ đang thật sự rất khó khăn này. Ông không, ông khó thật sự nhận ra được tình hình (và tất nhiên trách nhiệm của bộ ông trước tình hình đó) là vì quả thật đây không phải là chuyện riêng của bộ Giáo dục. Như nhiều người có lần đã nói, đúng là giáo dục của chúng ta hiện nay đang có vấn đề trong cả hệ thống của nó, hầu như tất cả các lĩnh vực của nó đều có vấn đề, nó hòng có tính chất hệ thống chứ không phải cục bộ. Song đầu sao giáo dục cũng là *hệ thống con* trong *hệ thống mẹ*, *hệ thống con* không thể không có vấn đề khi cả *hệ thống mẹ* có vấn đề. Đây là chuyện rất lớn. Tôi muốn đề cập đến điều này ở đây là với suy nghĩ như sau : không phải tôi muốn ở đây phải nêu ra những vấn đề cơ bản của hệ thống mẹ, mong có thể bàn một cách cơ bản ở đây về những gì đang là vấn đề ở hệ thống ấy. Tôi biết nói và làm việc đó ở đây, bây giờ, là ảo tưởng. Tôi cũng biết, như nhiều người đã nói, tuy giáo dục là hệ thống con trong một hệ thống mẹ bao trùm đang có vấn đề, nhưng không phải khi hệ thống mẹ chưa có chuyển biến thì hệ thống con cứ phải bó tay ngồi đó mà chờ, không thể làm gì được trong hệ thống của mình ; và lại những thay đổi tích cực trong hệ thống con theo một cách nào đó và ở một mức độ nào đó vẫn có thể có ảnh hưởng tích cực đến hệ thống mẹ. Tác động ngược trở lại của hệ thống con, làm chuyển động hệ thống mẹ, thậm chí cả trên những vấn đề cơ bản, cũng là một quy luật của phát triển.

Song muốn như vậy, thì phải tìm ra cho được chỗ chi phối cơ bản nhất mà hệ thống con – tức nền giáo dục của chúng ta hiện nay – phải chịu từ hệ thống mẹ, sự chi phối đó khiến cho toàn bộ nền giáo dục của chúng ta chệch hướng nghiêm trọng, dẫn đến sự xuống cấp, rối ren (nếu không muốn nói là rối loạn) trong hầu như tất cả các lĩnh vực của nó. Sở dĩ phải làm việc này là vì nếu không thì tất cả chạy chữa của chúng ta sẽ không thể có một định hướng rõ rệt và nhất quán, không thể triệt để, sẽ chỉ là chữa cháy, chắp vá, như ta vẫn làm lâu nay, và thường càng chữa thì càng rối, kéo dài mãi một tình trạng xem chừng ngày càng bế tắc. Hoặc cũng có thể nói cách khác, đã đến lúc phải cố tìm, nhận cho ra, và thẳng thắn dũng cảm nói ra nguồn gốc, nguyên nhân đầu tiên dẫn đến khủng hoảng toàn diện trong giáo dục của chúng ta như hiện nay. Nhận ra đúng nguyên nhân cơ bản thì không phải có thể thay đổi ngay được nguyên nhân đó để làm biến chuyển tình hình, nhưng là để mọi sửa chữa dù chi tiết

nhất của chúng ta đều là nhằm hướng đến chỗ dồn sức làm chuyển động nguyên nhân đó, dần dần đi đến chỗ thay đổi cơ bản được nó. Tức là, nói cách khác, có một định hướng chung nhất quán cho mọi sửa chữa, thay đổi.

Độc lập, tự do

Tôi xin mạnh dạn nói rằng, theo tôi, nguyên nhân đầu tiên, sai lầm đầu tiên và bao trùm là ở chính vấn đề quan trọng nhất, cơ bản nhất của giáo dục : ở **triết lý giáo dục**. Nói nôm na ra là chúng ta định xây dựng và thực hiện nền giáo dục này để làm gì ? Tôi cho rằng đang có vấn đề hết sức nghiêm túc ở chỗ này, nơi lâu nay ta tưởng mọi sự đã chẳng còn có chuyện gì phải bàn nữa. Thật vậy, đang có vấn đề, có vấn đề lớn ở ngay câu hỏi cơ bản : bằng nền giáo dục này, chúng ta muốn đào tạo nên những con người như thế nào đây ? Chúng ta định đào tạo nên những con người tự do, biết suy nghĩ và có suy nghĩ độc lập, từ đó là những con người sáng tạo, cho một xã hội tự do và sáng tạo, hay đào tạo nên những con người biết chấp hành, vâng lời, phục tùng, hết sức dễ bảo, cho một xã hội trong đó mọi sự đều được chỉ huy tập trung rậm rạp, một xã hội trong đó có ai đấy, một lực lượng hay một tổ chức, một người hay một số người nào đấy suy nghĩ sẵn mọi điều cho mọi người và mọi người cứ thế học thuộc lòng và làm theo. Đây là xuất phát của tất cả. Thậm chí, theo một cách nào đó, đây là vấn đề sống còn đối với sự phát triển của dân tộc và đất nước. Tôi cho rằng sai lầm đầu tiên và cơ bản của bộ Giáo dục là đã tự coi thường vai trò, chức năng của mình đối với sự phát triển của xã hội và đất nước, tự hạ thấp vai trò đó, coi nhiệm vụ của mình chỉ là cung cấp cho xã hội những con người gọi là “ có học ”, tức là có biết và thuộc những điều đã được coi là chân lý chính thống để mà cứ thế tuân theo cho đúng, chứ trọng trách lớn lao và khó khăn của nó không phải là tạo nên những con người tự do, nền tảng quan trọng nhất của một đất nước tự do. Nhiệm vụ quan trọng nhất của cái bộ quan trọng này, theo chỗ tôi hiểu, không chỉ là những công việc tổ chức cụ thể này nọ, trăm nghìn công việc rối rắm mà họ vẫn làm lâu nay, và hình như càng làm thì càng rối, mà trước hết là xác định được cho đất nước một triết lý giáo dục đúng đắn, tân tiến, từ đó mới tổ chức nền giáo dục của đất nước theo triết lý đó. Có như vậy thì nó mới là một cơ quan đầu não chiến lược về giáo dục, chứ không phải chỉ là một cơ quan thừa hành tầm thường. Trong một bài viết gần đây, giáo sư Hoàng Tuy có nói : “ Để khắc phục khó khăn hiện nay, chỉ có một lối thoát duy nhất là hiện đại hoá giáo dục ”. Tôi hoàn toàn đồng tình với phương hướng đó. Nhưng thế nào là hiện đại hoá giáo dục, thế nào là một nền giáo dục hiện đại ? Tôi nghĩ rằng một nền giáo dục hiện đại trước hết là ở trong tính hiện đại của triết lý giáo dục mà nó đeo đuổi. Và triết lý giáo dục hiện đại là xây dựng một nền giáo dục không phải để nhằm tạo nên những cái máy tinh xảo được nạp một bộ nhớ kiến thức không lồ (như hiện nay ta đang ra sức làm, ngay từ bậc phổ thông, và do đó làm mù mịt đi bao nhiêu đầu óc đáng thương của lớp trẻ chúng ta, khiến họ càng học càng đàn đi, một sự lãng phí sức lực cả về thể chất lẫn tinh thần, trí tuệ của thế hệ tương lai quý nhất của dân tộc, sự lãng phí thậm chí có thể coi như một tội ác), mà là

tạo nên những con người tự do, biết và dám độc lập suy nghĩ, biết cách tự mình chiếm lĩnh lấy kiến thức, tự mình đi khám phá ra chân lý, lẽ phải, và từ đó làm chủ cuộc sống của mình, của đất nước... Về phương diện này, hình như hiện nay giáo dục của chúng ta không giống bất cứ nước nào trên thế giới – tất nhiên ta nói đến những đất nước văn minh và tân tiến. Không giống chút nào cả, hoàn toàn ngược lại là khác, vậy thì chỉ có hai cách giải thích : hoặc là ta vô cùng tân tiến, còn họ thì lạc hậu bê bối cả, hoặc ngược lại.

Hôm nay, tôi xin mạnh dạn nêu vấn đề này lên ở đây, mong được quan tâm và trao đổi, bởi vì theo tôi đây là vấn đề cốt tử nhất của giáo dục chúng ta, nếu không làm rõ và giải quyết được như một định hướng cơ bản, từ đó chỉ đạo tất cả – tất nhiên không thể giải quyết ngay, một sớm một chiều –, thì mọi “cải cách” của chúng ta sẽ chẳng thật sự đi đến đâu cả, mười năm hay mấy mươi năm nữa vẫn sẽ y nguyên tình trạng này và những lời kêu ca này thôi, nếu không nặng nề, tệ hại hơn. Cải cách giáo dục trước hết cần phải được đặt trên cơ sở một triết lý giáo dục đúng đắn. Nếu không thì càng cải cách sẽ càng sai, càng bê bối, như ta đã thấy lâu nay.

Ở trên tôi có nói rằng cần thông cảm với ông bộ trưởng Bộ Giáo dục, vấn đề này ở trên, cao hơn bộ của ông. Nếu cái bộ đó có lỗi thì trước hết là ở chỗ là cơ quan tham mưu cao nhất của Đảng và Nhà nước về giáo dục, nó đã không hiểu được ra và với tinh thần trách nhiệm mà nó cần phải có, đề xuất, bảo vệ được triết lý nền tảng này của giáo dục, do vậy đẩy giáo dục vào con đường sai lầm, chệch hướng cơ bản, tạo nên chính cái tình trạng giáo dục mà một trăm năm trước các nhà duy tân gọi là một nền “hư học”, công kích kịch liệt, thậm chí có người như Phan Châu Trinh còn coi đó là nguyên nhân khiến chúng ta mất nước, dân tộc bị đẩy vào vòng nô lệ khốc liệt (theo Hoàng Xuân Hãn).

Triết lý giáo dục chi phối, chỉ đạo toàn bộ các khâu, các lĩnh vực cụ thể của giáo dục, từ nội dung giáo dục, phương châm giáo dục, phương pháp giáo dục, tổ chức giáo dục, ảnh hưởng quyết định đến tất cả các cấp của nền giáo dục, từ tiểu học, trung học, cho đến đại học, trên đại học. Kiểu triết lý giáo dục nào thì đưa đến kiểu nội dung, phương châm, phương pháp, tổ chức giáo dục đó. Chẳng hạn, hiện nay chúng ta có biết rằng sách giáo khoa của chúng ta là quá nặng nề, bỏ bớt cái gì đi cũng thấy khó, thêm vào bao nhiêu cũng thấy chưa đủ, không? Có chứ. Ai cũng thấy, và tôi tin là bộ cũng thấy. Nhưng vì sao mãi vẫn không sửa được, càng sửa thì càng nặng thêm? Chỉ là vì chương trình và sách giáo khoa ấy được soạn theo cái triết lý cho rằng xã hội cần có những quy chuẩn cứng mà mọi thành viên phải thuộc nằm lòng và cứ suốt đời nhất nhất răm rắp tuân theo, thế giới gồm những chân lý bất biến đã được định sẵn mà mọi người chỉ có việc theo đây mà sống và làm việc. Vậy nên phải dạy cho kỹ hết những quy chuẩn, những chân lý muôn đời đó cho mọi người, có vậy thì xã hội mới thống nhất và ổn định, thế giới mới yên bình. Với một triết lý giáo dục như vậy, thì số lượng sách giáo khoa mà các cháu

ngay từ cấp tiểu học hàng ngày phải vác nặng trĩu còng lưng, số lượng kiến thức ta đang ra sức nhét vào đầu học sinh, sinh viên của chúng ta ở tất cả các cấp đang nặng như thế này, chứ nặng gấp mười, thậm chí trăm lần nữa cũng không đủ, không bao giờ đủ.

Trong khi đó có một cách dạy và học khác hẳn, cơ sở trên một triết lý giáo dục ngược hẳn lại : trang bị cho con người không phải chủ yếu là kiến thức (vì kiến thức thì vô tận, càng ngày càng vô tận, lại luôn biến đổi và phát triển, và trên đời này không ai có thể đọc quyền chân lý cả), mà là trang bị cho họ phương pháp để họ tự biết và dám tự mình chiếm lĩnh lấy kiến thức, tự mình đi tìm lấy những gì mình tin là chân lý, và sống và làm việc theo những chân lý đó. Những con người như vậy là những con người tự do, có năng lực tư duy độc lập, giàu khả năng và ý chí sáng tạo, nền tảng của một xã hội tự do và phát triển.

Ở trên tôi có nói “biết và **dám** tự mình” đi tìm lấy kiến thức, khám phá lấy chân lý. Xin nhấn mạnh lại chữ “**dám**”, theo tôi đây là một từ rất quan trọng. Người dám tự mình đi tìm chiếm lĩnh lấy kiến thức, chân lý là người không tin một cách tiên nghiệm, như một niềm tin tôn giáo, rằng có những chân lý tuyệt đối, bất biến được rao giảng như những tín điều đặc kín trong các sách giáo khoa dày cộp. Con người đó dám tự mình đi khám phá thế giới, với những phương pháp mà nhà trường đã trang bị, gợi ý cho họ. Đó là những con người tự do sâu sắc từ bên trong. Tôi nghĩ đó chính là điều chúng ta tha thiết mong ở lớp trẻ của chúng ta, có được một lớp trẻ như vậy, một lớp trẻ thật sự lành mạnh về tinh thần và trí tuệ, có bản lĩnh vững chắc, đầy tự tin, thật sự độc lập và tự do trong chính mình như vậy, thì có thể hoàn toàn tin chắc ở tương lai tươi sáng của dân tộc.

Con đường nguy hiểm

Một triết lý giáo dục nhằm tạo ra con người tự do, thì cũng tất yếu đòi hỏi một phương pháp giáo dục khác hẳn phương pháp chúng ta đang thực hiện hiện nay ở các nhà trường, buồn thay ngay cả ở cấp đại học và trên đại học. Phương pháp giáo dục này đòi hỏi trước tiên một sự tôn trọng tối đa đối với người học, coi người học không phải là những cái bình vô cảm bị động để cho mình cứ thế rót kiến thức vào, mà là những chủ thể sáng tạo, từng chủ thể sáng tạo, có tiềm năng sáng tạo vô tận, cần được khơi gợi để cho tiềm năng ấy được mở ra và hoạt động, thậm chí khi được khai mở ra rồi thì nó có thể hoạt động rộng, lớn, phong phú, sáng tạo hơn cả điều ta dự kiến, vượt cả thầy, vượt cả sách.

Một cách dạy và học như vậy nhẹ nhàng, và theo tôi điều còn quan trọng hơn, là rất vui. Học như vậy là một hạnh phúc lớn. Đối với người thầy, rất vui vì trước mặt anh ta (hay chị ta) mỗi học sinh là một thế giới đầy tiềm năng bí ẩn mà anh ta hay chị ta phải tìm cho được cách dò tìm, khám phá, khai mở ra, không người nào giống người nào, không thế giới nào giống thế giới nào, cuộc khai mở nào cũng đầy mạo hiểm, pháp phông, cái mạo hiểm, pháp phông của sáng tạo. Đối với người học, rất

vui, vì suốt quá trình học là cả một cuộc đi tìm, một cuộc khám phá bất tận, một cuộc phiêu lưu đầy bất ngờ thú vị, do tự mình làm chủ, những chân lý do chính tự mình khám phá ra – cùng với và được sự hỗ trợ của người bạn lớn là người thầy.

Chúng ta đều biết trong thế giới ngày nay, sống cũng có nghĩa là học thường xuyên, học suốt đời, không còn học nữa thì theo một ý nghĩa nào đó cũng là đã chết, về mặt trí tuệ, tinh thần. Không thể đến trường suốt đời. Nhưng nhà trường cho ta cái quý nhất để ta có thể học suốt đời, đó là ý chí và khả năng tự học, niềm say mê và khả năng tự khám phá thế giới. Tôi có nghe anh Hoàng Ngọc Hiến định nghĩa thế nào là trình độ đại học ? Theo anh trình độ đại học chính là khả năng tự học. Tôi cho nói như thế là rất đúng. Thậm chí còn có thể nói hơn nữa : không chỉ ở đại học, ngay cả ở các cấp phổ thông cơ bản cũng là vậy. Người có học là người biết tự học. Ở rất nhiều nước hiện nay, người ta đã thực hiện một cách phổ biến điều này, coi đó là nguyên lý cơ bản nhất của giáo dục, của việc xây dựng con người nói chung, ở tất cả các cấp học, từ cấp thấp nhất. Người ta coi làm trái, làm ngược lại thì thực chất sẽ là một thứ nô lệ hoá, là nhồi sọ, ngu dân, dù là vô tình...

Đáng tiếc thay, phải nói thẳng rằng nền giáo dục của chúng ta hiện nay đang đi theo chính con đường nguy hiểm này.

Nhân đây tôi nghĩ cũng nên thẳng thắn nói đến một chuyện này : gần đây nhất, ngày 23-2-2004, bộ Giáo dục vừa ra quyết định sinh viên hệ chính quy các trường Cao Đẳng - Đại học toàn quốc bắt buộc phải thi tốt nghiệp ba môn thuộc các phần : Khoa học Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh ; Kiến thức cơ sở của ngành và Kiến thức chuyên môn. Như chúng ta đều biết, những môn học thuộc phần gọi là chính trị, gồm Triết học Mác-Lênin, Chính trị kinh tế học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh hiện nay chiếm một phần năm thời gian học ở các cấp. Xin nói ngay rằng tôi nghĩ học triết học Mác-Lênin là cần thiết, các môn học vừa kể trên cũng có thể là cần thiết. Nhưng tại sao, ít nhất là ở cấp đại học, lại không dạy và học triết học nói chung, lịch sử triết học, cả phương Đông lẫn phương Tây, trong đó có triết học Mác-Lênin. Triết học Mác-Lênin có thể là đỉnh cao của triết học, nhưng chắc chắn không là triết học duy nhất của nhân loại, cũng không phải là triết học cuối cùng trong lịch sử tư tưởng của nhân loại. Không biết một cách cơ bản lịch sử triết học của nhân loại thì ngay để hiểu chính triết học Mác-Lênin cũng sẽ là què quặt, cạn cợt. Và chẳng cũng cần phải nói thật rằng cách dạy chủ nghĩa Mác-Lênin trong các trường của chúng ta hiện nay đúng ra không thực sự là dạy triết học, mà chỉ là dạy chính trị một cách khá thô thiển. Không dạy triết học một cách có hệ thống trong các nhà trường của chúng ta, theo tôi, là một trong những thiếu sót lớn nhất của nội dung và chương trình giáo dục của chúng ta từ nhiều chục năm nay. Chúng ta đã đào tạo ra mấy thế hệ liên tiếp hoàn toàn mù triết học. Lịch sử triết học là lịch sử phát triển tư duy của nhân loại, học triết học không phải là để nhồi nhét một mô kiến thức triết học rắc rối và mênh mông vào đầu học sinh, mà là để học

cách tư duy mà nhân loại đã ra công tìm kiếm, khám phá, phát triển qua hàng nhiều nghìn năm, để có thể trở thành nhân loại trưởng thành như hôm nay. Và như vậy, việc này liên quan trực tiếp đến cái ta gọi là triết lý của nền giáo dục trên kia : học để biết cách độc lập suy nghĩ.

Học như chúng ta đang dạy và học chính trị hiện nay trong các nhà trường, theo tôi, vừa rất tốn thì giờ, rất hình thức, không có ích gì, thậm chí còn có thể phản tác dụng.

Học Lịch sử Đảng cũng là cần, lịch sử Đảng ta quả rất vĩ đại, nhưng cần đặt nó trong toàn bộ lịch sử vinh quang (và biết bao nhọc nhằn, hy sinh) của dân tộc mấy nghìn năm của chúng ta. Thời đại hiện nay của chúng ta là một thời đại thật vinh quang, nhưng tôi không đồng tình với cách nghĩ và nói rằng thời ta là vinh quang nhất, so với toàn bộ lịch sử nghìn năm của cha ông. Tại sao không đặt lịch sử Đảng như một phần trong môn lịch sử dân tộc nói chung ? Hay là chúng ta định cô lập lịch sử Đảng ra khỏi lịch sử dân tộc, đặt nó trên lịch sử dân tộc ?

Theo chỗ tôi được biết, ở hầu hết các nước, hai môn học bắt buộc trong nhà trường là môn Lịch sử dân tộc và môn Tổ chức nhà nước, bộ máy hành chính công (để biết cách làm một công dân bình thường trong một xã hội dân sự). Tôi nghĩ có lẽ đó là cách học hợp lý nhất. Những cái khác, ai muốn học thêm (như những chứng chỉ bổ sung) thì học. Cách làm như quyết định mới đây của bộ Giáo dục về các môn thi tốt nghiệp bắt buộc ở cao đẳng và đại học, thay vì một môn khác chẳng hạn Lịch sử Việt Nam, là theo đúng cái triết lý giáo dục muốn mọi người học thuộc lòng các chân lý tuyệt đối để rồi suốt đời cứ thế mà làm theo như đã nói ở trên. Tôi e rằng tác dụng sẽ ngược lại, người ta sẽ học hình thức, thi hình thức, cho xong, trong khi những người chủ trương yên trí như vậy là họ đã giải quyết được một cách hoàn hảo sự thống nhất tư tưởng tuyệt đối trong toàn xã hội. Chúng ta lại đánh lừa nhau một lần nữa mất thôi !...

Trên đây tôi đã xin thử kể qua đôi lĩnh vực chịu ảnh hưởng trực tiếp của cái triết lý giáo dục mà một nền giáo dục xác định để làm nền tảng của mình. Triết lý nào thì giáo dục theo kiểu đó. Tôi xin phép nói lại lần nữa : tôi không mong trong lần này có thể giải quyết được vấn đề có lẽ là quá lớn này ở đây. Nhưng chắc chắn nếu chúng ta thật sự muốn cứu chữa nền giáo dục đang bị bệnh nặng của chúng ta thì không thể không nghĩ tới việc tiến đến thay đổi cơ bản triết lý giáo dục đó. Con đường đi đến đó như thế nào, theo lộ trình nào, quả thật là vấn đề rất khó. Nhưng phải xác định cho được cái đích đến, đó là điều quan trọng nhất, từ đó mới có thể tính đến những giải pháp cụ thể, tính đến lộ trình (*).

Hà Nội 4-3-2004

NGUYỄN NGỌC

(*) *Chú thích của DD* : Trong phần thứ nhì, tác giả đưa ra một đề nghị cụ thể về chế độ thi cử. Bạn đọc có thể xem toàn văn trên mạng internet : www.ncst.ac.vn/HVGD

5 khuyết tật lớn của ĐẢNG CSVN

ĐẢNG QUỐC BẢO

LTS : Chúng tôi trích đăng dưới đây bài nói chuyện ngày 18.7.2003 của ông Đặng Quốc Bảo tại Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác – Lê và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Trung tướng Đặng Quốc Bảo sinh năm 1928 là em ruột ông Đặng Xuân Thiều và em họ tổng bí thư Trường Chinh (Đặng Xuân Khu). Ông từng làm bí thư thứ nhất Đoàn thanh niên cộng sản, uỷ viên trung ương Đảng (khoá IV và V). Văn bản này viết theo băng ghi âm, chưa được tác giả duyệt lại, nhưng đã được lưu truyền khá rộng rãi trong giới cán bộ.

Bây giờ nói đến những khuyết tật, những vấn đề mà hiện nay đang đặt ra. Có mấy vấn đề lớn.

Thứ nhất : chúng ta phải khắc phục sự chậm trễ và xơ cứng về tư duy.

Những điều tôi vừa nói cũng chứng minh sự cần thiết phải đột phá về mặt tư duy. Nếu không có sự đột phá về mặt tư duy và nếu như tư duy trong trạng thái hiện nay thì cái xu thế e ngại, xu thế muốn làm sống lại những quan niệm cũ sẽ chi phối xã hội hiện nay. Nếu như vậy thì đây là một nghịch lý cản đường Đảng ta và xã hội ta đi lên. (...) Hiện nay về mặt hoạt động xã hội thì đã có sự chuyển động. Nhưng trong nội bộ Đảng mà nói thì chuyển động còn hạn chế, còn có gì đó đang lo lắng. Nếu như Hội đồng lý luận có thể làm được chuyện này giúp cho Đảng đi vào Hội nghị giữa nhiệm kỳ, vào Đại hội X, thì sẽ mở ra nhiều triển vọng. Hiện nay tư duy của một số đồng chí có trách nhiệm thuộc lớp trước của tôi rất hạn chế, không dám đột phá đi lên. Chuyện này ảnh hưởng lớn đến sự phát triển hiện nay. Trong lớp lãnh đạo hiện nay thì như thế nào ? Những yếu tố tiến bộ cũng xuất hiện nhiều. Trong những cuộc trao đổi riêng hầu như nhiều vấn đề đều gặp nhau, không ai phản đối sự cần thiết phải đổi mới tư duy hơn nữa. Nhưng khi vào họp bàn chung thì thấy nó trì trệ. Tôi có điều kiện làm việc với một số đồng chí lãnh đạo hiện nay cũng có điều kiện tiếp cận nhiều. Trong số đó có một số đồng chí làm việc với tôi nhiều như đồng chí Nguyễn Minh Triết, Hồng Anh (1), hay như lớp trong quân đội, trong giới khoa học. Nhược điểm của các đồng chí này là không dám đột phá, biết là có thể như thế, nhưng không dám chịu trách nhiệm. Có một cái là ngại rằng đụng đến vấn đề này thì bị lên án là “diễn biến hoà bình”, một cái gì đó không lành mạnh, nên giữ mình về chuyện này. Tôi nghĩ rằng có yếu tố tiến bộ, bởi vì kiến thức của các đồng chí cũng đã phản ánh kiến thức của thời đại ở mức độ nào đó. Sự chuyển biến của thực tế Việt Nam và thế giới, của khoa học, của thời đại cũng ảnh hưởng đến các đồng chí ấy. Nhưng cũng có một thế lực nào đó hạn chế họ. Việc

này cũng có ảnh hưởng đến hoạt động lý luận của chúng ta. Tôi xin lưu ý về chuyện này.

Một điểm thứ hai tôi cho là nhược điểm, đó là **chưa thành công trong việc tạo không gian dân chủ**. Có thể nói rằng hai cái khẩu hiệu cách mạng nhất là bánh mì và tự do. Đều là hai cái việc của chúng ta. Bánh mì tức là kinh tế, tự do tức là một không gian dân chủ. Chúng ta đương lúng túng rất nhiều. Trước hết tôi xin lưu ý như thế này, có mấy quan điểm ảnh hưởng đến chúng ta. Quan điểm thứ nhất là chúng ta sợ bóng sợ gió gọi là « diễn biến hoà bình », cho nên có một thời kỳ chúng ta đưa ra những luận điểm của giới bảo thủ gọi là luận điểm diễn biến hoà bình của Trung Quốc do Tổng cục 2 cung cấp (2) và đưa ra để hù dọa chúng ta. Tất nhiên bây giờ chuyện đó cũng đã đi vào lịch sử. Đặc biệt là hù dọa giới khoa học. Ở đây điển hình là tài liệu « vạn ngôn thư » của Trung Quốc. Rất nhiều đồng chí của chúng ta thích kiến nghị này, cho cái này là rất hay nhưng không thấy cái này là phản ứng của trào lưu bảo thủ chống lại sự tiến lên của xã hội Trung Quốc. Theo tôi hãy còn một số lực lượng thờ phụng cái này. Tôi đi vào đơn vị cũ ở trong lực lượng vũ trang cũng như thanh niên, thì điều đáng buồn là các đồng chí làm công tác chính trị lại coi việc chống diễn biến hoà bình là công cụ của lãnh đạo chính trị. Tôi xin lưu ý : trước hết là dùng khái niệm, diễn biến hoà bình, để giữ cái ổn định chính trị, qua đó đàn áp các ý kiến khác nhau.

Thứ hai là khái niệm Đảng độc quyền lãnh đạo

- Về Đảng độc quyền lãnh đạo, cần hiểu khái niệm này như thế nào ? Đảng lãnh đạo như thế nào ? Không khéo nó chuyển sang sự chuyên chế của một Đảng. Nếu các đồng chí quan sát các hoạt động của bộ máy Nhà nước, đặc biệt là hoạt động của Quốc hội thì các đồng chí nói Quốc hội là thể chế hoá Nghị quyết của Đảng. Như vậy quan điểm thể chế hoá này phổ biến, cho nên không ai dám nói ngược lại cả, không ai dám kiến nghị, làm cho không khí hoạt động của Quốc hội, sáng tạo hoạt động của Quốc Hội, không khí đề cập tới những vấn đề cơ bản nhất bị tê liệt, vô hiệu hoá.

- Sự hoạt động sáng tạo của các cơ quan có trách nhiệm đụng đến những vấn đề cơ bản thì Chủ tịch đoàn nói rằng : Bộ Chính trị quyết định rồi. Chúng ta bàn trong phạm vi Bộ Chính trị quyết định.

- Như thế những cái quyết định của giới lãnh đạo của chúng ta trở thành một cái cản đường. Ta lãnh đạo nhưng có phải vì quyết định ấy là quyết định cuối cùng không, không ai được góp ý kiến không ? Tôi xin lưu ý mối quan hệ giữa Đảng và Nhà nước ; mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Tôi thấy còn một loạt vấn đề chưa được lý giải. Về căn bản mà nói nguyên tắc tập trung dân chủ bao giờ cũng hạn chế dân chủ. Vì cuối cùng trong hoạt động thực tiễn người ta thấy tính tập trung chứ không thấy tính dân chủ. Xét về lý luận có lẽ phải quay ngược lại lấy nguyên tắc dân chủ là cơ bản trên cái nền ấy ta ghi dân chủ – tập trung chứ không phải trên cái nền tập trung mà thực hiện dân chủ.

- Vấn đề thứ tư nó ảnh hưởng đến dân chủ của chúng ta. Trên thế giới có khái niệm : Nhà nước pháp quyền – xã hội công dân. Ta nói xã hội công dân là dân chủ đích thực, tức là quyền làm chủ của nhân dân. Ở ta quyền làm chủ của nhân dân chỉ là hình thức. Bản thân người dân chưa cảm nhận được quyền làm chủ của mình. Ngay cả các đồng chí kỳ cựu như đồng chí Tố Hữu rất nhiều tâm sự. Anh phát biểu với chúng tôi : mình cảm thấy mình chưa được làm chủ. Có lẽ chỉ được

phép làm chủ khi Bộ Chính trị cho phép phát biểu 20 phút hoặc nửa giờ, chứ còn mình có được làm chủ đâu. Thế thì khái niệm quyền làm chủ của nhân dân quan hệ với Đảng lãnh đạo như thế nào ?

- Vấn đề thứ 5 là Đảng có thừa nhận có những ý kiến trái với nghị quyết không ; trái quyết định của Đảng không. Trong tư duy có cho phép chuyện này không ? Bởi vì nếu cho thừa nhận chuyện này thì một mặt phải thống nhất hành động, nhưng trong tư duy có thừa nhận phải có tự do nhất định, có cho phép đột phá không ? Ở đây nó có 2 cái, một là minh bạch hoá, hai là công khai hoá và cho phép tồn tại những ý kiến khác. Bởi vì không có thì không thể nhạy cảm được những vấn đề mới nảy sinh. Bởi vì nó không minh bạch, không công khai cho phép chuyện này. Tôi lấy ví dụ như bản thân tôi đi lấy tư liệu rất khó. Tất nhiên mỗi người đều có nguồn riêng của mình. Các anh cũng có nguồn riêng của các anh. Ở Châu Âu ta thấy tình hình lấy tư liệu dễ hơn. Ở ta lấy tư liệu rất khó, nhất là tài liệu bí mật. Thể hiện rõ nhất là ở 19 điều cấm, mà người ta không thể hiểu được (3). Tôi nói hôm nay cũng là vi phạm vào 19 điều cấm. Nếu tôi tôn trọng 19 điều cấm thì tôi không nói. Ở đây tôi xin nói một khía cạnh hết sức đáng lưu ý, nhưng tôi nói nội bộ thôi. Kinh nghiệm cổ kim đông tây và kinh nghiệm của cả nhân loại có một điểm : mọi sự độc quyền đều dẫn đến tha hoá, bất kể dưới dạng nào. Trong đó kể cả Đảng ta. Tất cả mọi sự độc quyền đều văng bóng dân chủ. Nhưng cũng có ở một thời điểm lịch sử nhất định phải có một sự độc quyền nhất định thì mới có thể thay đổi được tình huống. Nhưng sự độc quyền ấy nếu kéo dài ra vĩnh cửu thì nhất định dẫn đến tha hoá. Đây là bài toán ta phải lý giải được. Tôi nghĩ rằng sớm muộn sự xuất hiện những lực lượng đối trọng ở dạng này, dạng khác nhất định sẽ diễn ra, đó là cái tất yếu, nhưng là lúc nào thôi, là đối trọng lành mạnh, chứ không phải là đối trọng ác ý. Mọi sự độc quyền đều dẫn đến chuyên chế. Đây là vấn đề hết sức lớn, ta có thừa nhận không. Tôi có kiến nghị cụ thể như thế này, trước hết trong nội bộ Đảng tạo nên một không khí có đối trọng. (...)

Khuyết tật thứ ba : vấn đề chính sách đối với con người.

Tôi xin lưu ý tình hình xã hội hiện nay thực chất như thế nào. Theo tôi quan sát dân tình có tính chịu đựng rất ghê. Nó không như Châu Âu. Nếu tình hình này như Châu Âu thì đã có bao nhiêu chuyện đứng lên có yêu cầu của mình rồi. Có sự chuyển biến về mối quan hệ giữa người dân với Đảng. Tình cảm ấy cứ nhạt dần. Mối quan hệ giữa người dân với mục tiêu của chúng ta là chủ nghĩa xã hội, đặc biệt là tầng lớp trẻ cũng nhạt dần, nó mang tính hình thức. Cái mất lòng tin ở mức độ khác nhau, xuất hiện và trở thành phổ biến. Triết lý của người ta là mỗi người hãy tự cứu lấy mình. Cách sống của xã hội hiện nay do tình hình lòng tin bị tổn thương như thế nên người ta phải sống thực dụng, tự cứu lấy mình. Tôi hết sức lưu ý đến chuyện ta tự cứu lấy mình. Cái thực dụng này nó khác khi anh em mình đi hoạt động. Quá trình trưởng thành của chúng ta tin tưởng tuyệt đối và không nghĩ rằng mình được hưởng cái gì, mà nghĩ rằng mình đóng góp vào tương lai ấy hoàn toàn mình làm chủ được. Đảng tạo điều kiện cho mình làm chủ. Đó là tư duy của chúng ta thời kỳ đi hoạt động và cả gần hết cuộc đời của chúng ta như thế. Bây giờ con cháu của chúng ta không có tư duy như vậy. Chúng ta cũng phải giúp chúng nó trở thành, tự lập lấy chứ không phải phóng số phận của mình cho tổ chức được.

Bây giờ triết lý của xã hội đã thay đổi khác. Nó đi theo hướng thực dụng, từ thực dụng nó đi tới những tiêu cực xã hội dưới những dạng khác nhau. Tiêu cực lớn nhất là đánh mất mình. Ở đây chúng ta kết luận cái gì. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, chúng ta chưa thành công trong việc xây dựng con người mới. Con người thực tế mà chúng ta xây dựng lại là con người thực dụng. Có phải như thế không ? Nói thế này nếu mà kết luận nó tuyệt đối thì sai lầm. Nhưng nếu không thừa nhận nó thì cũng là một sai lầm. Đây là xu thế đã xuất hiện, đang xuất hiện, đang đi tới và chưa có phương hướng nào giải quyết được chuyện này. Nó khác hoàn toàn trước, và ai chịu trách nhiệm chuyện này. Đây là một cái đáng lưu ý thứ nhất.

Đáng lưu ý thứ hai là con người chúng ta dựng lên, đội ngũ chúng ta dựng lên phải nói là không thiếu gì con người tâm huyết và có trình độ. Nhưng vì những người tâm huyết đều có thắc mắc là mình không được sử dụng, không được tạo điều kiện để phát triển và đều nghĩ rằng mình phải tròn trĩnh hoá, tròn trĩnh thì mới đứng được, mới tồn tại được. Nếu có góc cạnh, nếu có tâm huyết, nếu có ý muốn làm mới hơn, khác hơn thì không thể tồn tại được.

Có phải đây là một tình hình thực tế hiện nay không ? Phải chăng cách sống tốt nhất hiện nay là im lặng. Có một câu rất buồn cười, hay và tiếu lâm : hãy đi theo con cái các cụ. Còn đối với các cụ thì hãy tôn thờ các cụ. Các cụ vĩ đại lắm. Nhưng đi theo cách đó thì con người mà chúng ta sử dụng ở tất cả các cấp có một trạng thái là không nói thật được với nhau. Họ phải điều chỉnh ngôn ngữ, điều chỉnh tư duy, điều chỉnh đến mức tự đánh mất mình. Không điều chỉnh thì chết ngay, không đứng được. Người ta nói rằng : “ Anh nào điều chỉnh thông minh, hợp thời đại thì có thể có tương lai, có triển vọng ”. Hệ quả của nó thì rất tai hại. Anh nào cũng phải tự điều chỉnh, chỉ khác nhau ở mức độ thôi.

Một hệ quả mà chúng ta cần lưu ý là trình độ trí tuệ của xã hội tăng lên rất nhiều so với trước. Ngược lại thì chính khách xuống cấp. Trong xã hội chúng ta có bao nhiêu tư duy mới, bao nhiêu ý kiến mới. Nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng các chính khách của chúng ta, đặc biệt là chính khách chiến lược, không phải là họ kém, thiếu lương tâm, nhưng mà do họ đã tự điều chỉnh quá nhiều để thích ứng với tình hình đến mức vai trò cá nhân của họ cứ mờ nhạt ra đi và phải tròn trĩnh đi. Như vậy là đội ngũ chính khách mà chúng ta đào tạo ấy nếu so với lịch sử thì cứ ngày càng thấp xuống. Tất nhiên tôi không nói là không có những người giỏi. Tôi nghĩ rằng trong số những người hiện nay nếu có chính sách khác thì họ xuất hiện, họ làm được ngay, nhiều người có khả năng. Nhưng với cơ chế, với quan niệm như hiện nay thì trong xã hội có 2 khủng hoảng lớn nhất. Thứ nhất là khủng hoảng chính khách, hai là khủng hoảng lý thuyết phát triển. Hai cái liên quan với nhau vì nếu không có chính khách tâm cỡ thì không hướng cho xã hội phát triển được, và mâu thuẫn với trình độ xã hội đi lên. Thời đại văn minh trí tuệ đang xuất hiện. Nếu so sánh với trình độ xã hội đi lên. Thời đại văn minh trí tuệ đang xuất hiện. Nếu so sánh với thế hệ các nhà lãnh đạo Trung Quốc thì phải nói rằng chúng ta cũng có những con người như thế. Nhưng những con người có bản lĩnh lại không phải là những người chúng ta chọn. Tôi nói với những cơ quan có trách nhiệm về môi trường tạo ra những chính khách tức là vườn ươm đã bị hỏng từ cơ bản. Tôi nói rằng môi trường của Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, đáng nhẽ 2 nơi này phải là nơi tạo ra những chính khách. Nhưng than ôi trong một vài thập kỷ vừa qua thì các môi trường này không tạo ra được chính khách.

Môi trường thứ hai phải đào tạo chính khách là môi trường Chính phủ và hoạt động của Nhà nước, hoạt động của xã hội. Môi trường hoạt động của Quốc hội chưa đào tạo được chính khách.

Môi trường thứ ba tạo ra chính khách đó là các ban của Đảng. Thế nhưng “tiên vi bộ, thoái vi ban” (4). Đây là nơi chứa những người không dùng được thì đưa về các Ban của Đảng.

Môi trường thứ tư là các đoàn thể. Đảng lẽ đây là nơi lựa ra các chính khách. Nhưng than ôi, chính khách của Đoàn thanh niên, chính khách của Hội phụ nữ, chính khách của công đoàn thì vắng bóng : tư duy thiếu tầm cỡ. Tại sao ? Tôi nghĩ đoàn thanh niên của Trung Quốc tất cả những người tào bạo đều ở đó.

Hồ Diệu Bang, Triệu Tử Dương, Hồ Cẩm Đào, đều ở Đoàn thanh niên cả. Thanh niên Thượng Hải, khu vực ấy tạo ra ngay chính khách. Nhưng môi trường của chúng ta không tạo được.

Môi trường nữa là giới khoa học. Những chính khách của chúng ta trưởng thành từ giới khoa học hầu như vắng bóng. Tôi xin lưu ý về việc dùng người. Vậy sự kết thúc của chúng ta là hệ thống chính khách từ cấp cơ sở cho đến cấp trung ương đang là bài toán của hệ thống tổ chức của Đảng. Vừa rồi nhân mạnh đến việc luân chuyển cán bộ, coi đó là một biện pháp tuyệt đối để tạo nên các chính khách. Không phải. Phải chuyên môn hoá cán bộ. Một số tinh uý lên gặp tôi, dân thanh niên lên gặp tôi nói : “ Chúng em không tưởng tượng được, người ta cứ ép chúng em phải nhận. Thôi thì cứ phải nhận. Phải chịu đựng ông ấy một hai năm, tạo điều kiện không phê phán gì cả, ông ấy làm rồi ông ấy đi thôi ”. Nhưng khi tổng kết thì đã với kết luận là chính sách luân chuyển ấy là một biện pháp chiến lược thành công

Một hiện tượng nữa, quan niệm về tiêu chuẩn cán bộ là cái gì ? Tôi xin nói mấy điểm : nhấn mạnh quan điểm giai cấp trong việc lựa chọn cán bộ đã làm tê liệt quan niệm của chúng ta. Tráng một tí công nhân, tráng một tí đào tạo, thì các anh cho đó là các nhà chiến lược, cho nên người ta tự hào rằng những người lãnh đạo hiện nay xuất phát từ giai cấp công nhân. Đó là thành công. Có thật môi trường công nhân tạo ra các nhà chiến lược không ? Đi vào công nhân, đi vào đào tạo là cần thiết, nhưng có phải đây là môi trường đào tạo ra các nhà chiến lược đích thực không, đây là vấn đề.

Thứ hai, sự trung thành với học thuyết, trung thành với đường lối có phải là tiêu chuẩn cao của cán bộ chiến lược không ? Nếu như cái học thuyết ấy, đường lối ấy tiến bộ thì đúng thật. Nhưng nếu nó sai, nó khủng hoảng, nó đòi hỏi cần phải đổi mới theo yêu cầu của lịch sử, thì sự trung thành lại trở thành không đúng.

Một tiêu chuẩn nữa là tham gia cuộc đấu tranh để bảo vệ chủ nghĩa, bảo vệ đường lối. Vậy khái niệm thế nào là bảo vệ ? Theo tôi bảo vệ là phải phát triển. Phát triển sao cho phù hợp với thực tiễn chứ không phải là hô khẩu hiệu. Có những cái lấy ý kiến đa số chưa chắc đã đúng. Tôi xin lưu ý rằng kinh nghiệm của bản thân tôi những thắng nào dám vào cuộc, chưa chắc lúc đầu đã được chấp nhận, nhưng cuối cùng khi ta vào cuộc thành công thì người ta tin nhiệm. Đây là thực tế tôi quan sát được.

Một điểm nữa là hệ thống quan điểm thế rồi, nhưng cơ chế đào tạo, cơ chế tuyển chọn cán bộ, một cơ chế và một cơ quan

độc quyền không cạnh tranh, không có đào thải làm thế nào có nhân tài được. Hiện nay chỉ một số người độc quyền thôi, mà cuối cùng là mấy ông trợ lý tổ chức chi phối. Một số không công khai bí mật bên trong nhận định thế thôi. Không có đào thải thì làm thế nào đào tạo được. Cho nên chính sách dùng người ở đây có những vấn đề cần phải xem từ gốc, mà hệ quả của nó đi tới là tạo một vườn ươm của chủ nghĩa thực dụng, làm tê liệt khả năng sáng tạo. Đất nước và Đảng cũng không thiếu nhân tài, không thiếu cán bộ lãnh đạo, nhưng với chính sách hiện nay, người ta nói rằng – tôi nói nội bộ thôi – hai cánh giúp cho Đảng, tức cánh Văn Hoá Tư Tưởng nắm tư tưởng, chi phối mặt trận tư duy của con người và cánh Tổ chức chi phối số phận con người.

Nếu như chúng ta nắm lấy đào tạo để tạo nên tầng lớp sẽ vào cuộc cao hơn tầng lớp hiện nay, theo một quan niệm mới, có khả năng mới đột phá để làm lực lượng xung kích đột phá vào khu vực mà chiến lược của ta bị yếu. Tạo ra những con người năng động, độc lập, sáng tạo, có tiềm lực khoa học, có tiềm lực hành động. Than ôi, nền giáo dục của chúng ta bị băng hoại. Có 4 nhược điểm cơ bản của giáo dục mà không thoát được. Đảng không lãnh đạo thoát được thì ảnh hưởng đến toàn bộ lớp trẻ chúng ta đào tạo. Thứ nhất là nền giáo dục tạo nên sản phẩm giả và lưu hành sản phẩm giả từ cấp cơ sở đến ông tiến sĩ, đến ông giáo sư, lưu hành và trộn lẫn với nhau. Cuối cùng thì chết thảng thật. Không phải không có thảng thật. Trộn lẫn như vậy thì thảng giả chi phối. Hiện nay có bao nhiêu tiến sĩ giả, giáo sư giả. Ông Vũ Đình Cự (5) nói với tôi : theo tôi ước lượng vào khoảng 70 %. Tôi không có số liệu cụ thể về chuyện này. Nhưng nhiều người có trách nhiệm nói về hiện tượng đáng lo ngại. Đua nhau và theo 2 hướng : một là, mua danh ; hai là để kiếm chút địa vị và biến nó trở thành một thứ hàng hoá để lưu hành. Tất cả chuyện này trộn lẫn với nhau.

Hiện tượng thứ hai : Hệ thống giáo dục trở thành thị trường không lành mạnh. Tất cả các thành phần của giáo dục trở thành một thứ hàng hoá mang giao bán, tất cả các kỳ thi, các chứng chỉ. Mười năm rồi nhưng tất cả các hiện tượng này chưa được khắc phục, mỗi ngày một nghiêm trọng hơn.

Hiện tượng thứ ba : hệ thống thầy giáo rất thiêng liêng, tuy không phải là tất cả, nhưng có xu hướng là người kinh doanh, mà kinh doanh rất tàn nhẫn.

Hiện tượng thứ tư : đào tạo theo mẫu và không có trách nhiệm. Cho nên báo chí đưa ra đầu vào rất khó, nhưng đầu ra rất dễ. Đào tạo thế thôi, tức là một giáo trình có thể tồn tại 10 năm, 15 năm mà không thay đổi. Tôi có thằng cháu được vào Bách Khoa một cách ưu tiên, nhưng nó không vào, nó đi ra nước ngoài để học. Một cậu ở Bách Khoa nói với tôi : may mắn là cháu đi học, bởi vì tôi là Hiệu phó phụ trách về giáo dục thì thấy không kiểm soát được, vì có tiền là có điểm thôi. Ngô Việt Trung là nhà toán học, gặp tôi và nói : cháu phải cho con đi ra nước ngoài, vì nó học ở Tổng hợp thì mua được điểm. Thằng nhóc nhà tôi nói : chỉ ở Tổng hợp có bộ phận của nó được hưởng tốt, nhưng lệch lạc là đội tuyển đi thi quốc tế, bị thành một anh thợ làm toán chứ không phải đào tạo nhà toán học. Số tiến sĩ rất nhiều, có lẽ tỷ lệ tiến sĩ của mình cao lắm, một trong những tỷ lệ cao ở khu vực này.

Hiện tượng thứ 5 : nội hàm của trí thức thì nội hàm hiện đại rất yếu, mà kiến thức cổ cách đây 50 năm. Đây là lực lượng gọi là con người, mạnh nhất phải vươn lên để dẫn đầu

khu vực. Nhưng con người nằm trong hệ thống đào tạo thì đang khủng hoảng giống như thầy phù thủy triệu âm binh nhưng không điều khiển được âm binh. Nền giáo dục của ta có điều khiển được không? Hệ quả tai hại không phải là con người Việt Nam đang thiếu trí tuệ. Hệ thống điều hành làm cho nó tê liệt đi. Nhưng nếu cùng con người ấy cho ra ngoài thì nó nên người. Nhưng than ôi, ngay ra nước ngoài cũng thế. Tôi theo dõi bên đoàn thanh niên thì 15 % rất giỏi. Nói chung về xây dựng con người, tạm thời chúng ta chưa thành công. Vấn đề con người đáng lẽ là chỗ mạnh nhất của chúng ta thì chúng ta lại chưa thành công. Chúng ta đã có thời kỳ thành công, đó là thời kỳ cách mạng Tháng Tám. Từ một gia tài đế quốc để lại, chúng ta xây dựng lên sự nghiệp, tiến hành cuộc đấu tranh. Xây dựng tất cả các mặt đều giữa những hạn chế. Chúng ta đều có những chuyên gia, đội ngũ chuyên gia có tầm vóc. Nhưng than ôi, cái này hiện nay đang tha hoá. Đáng lo lắng, lo nhất là thiếu người có tầm cỡ cầm chịch. Không phải là lo ở một con người cụ thể, mà lo cả về mặt quan niệm và cơ chế của chúng ta. Nó cản đường cho lớp trẻ, có người giỏi cũng không được dùng.

Vấn đề thứ tư của Đảng có nguy cơ rất lớn, tức là trong Đảng hình thành một tầng lớp giàu có và có lợi ích riêng.

Ngành nào cũng thế, địa phương nào cũng thế. Xã hội hiện nay có 2 lực lượng. Một là lực lượng xã hội đen (Năm Cam cũng như Lã Thị Kim Oanh là một biểu hiện của xã hội đen, đang mọc lên như nấm), chúng ta thấy được một chùm mục nào. Nhưng xã hội đen này lại nằm ngay trong nội bộ của chúng ta – không phải là tất cả – nhưng ngành nào cũng có và ở ngành quan trọng. Tôi xin lưu ý qua vụ Năm Cam, người ta nói ngành công an, ngành kiểm soát bị tổn thương nặng. Dự luận xã hội lưu ý đến ngành tổ chức. Tại sao những tội phạm như thế lại đưa vào Trung ương và có phải chỉ có 2 người ấy không, hay là còn ai nữa. Những người có trách nhiệm nói với tôi rằng trong ngành công an hiện nay ở cấp cao cũng còn nằm, nhưng ngại không đưa ra. Hạn chế thôi. Ngành nông nghiệp hiện nay không phải chỉ có 2 ông Thứ trưởng. Trong Quốc Hội, ông Dũng tuyên bố ở cấp nào cũng có. Tôi hỏi ông Vũ Mão là nói ai đấy. Vũ Mão có nói tên cụ thể với tôi. Huy Ngọ cũng nói tên cụ thể (6). Nhưng tôi không tiện nói ở đây. Như vậy hệ thống tổ chức có vấn đề. Trong cơ cấu lãnh đạo chủ chốt hiện nay có người đặt vấn đề như vậy. Bây giờ nói nội bộ, các đồng chí cũng đừng ghi làm gì. Cột trụ có đứng được không? Nếu cột trụ không đứng được thì Hội nghị giữa nhiệm kỳ có xử lý không? Tức là phải chuẩn bị cho có sự thay đổi. Như vậy rõ ràng ở cấp cao có một sự khủng hoảng nào đó. Sự khủng hoảng biểu hiện 2 cái. Thứ nhất là biểu hiện có một tầng lớp giàu có và có quyền lực trong tay. Một số người nói hơi quá là có hiện tượng buôn bán quyền lực. Quyền lực trở thành thứ tư bản, người ta kinh doanh và bắt nó phải đẻ ra lợi tức. Có hay không, tôi chưa rõ. Đây là hiện tượng xã hội, người ta đặt ra vấn đề, người ta quan tâm và nhiều người đến trao đổi với tôi.

Thứ hai là có sự tha hoá ở cấp cao chiến lược. Đấu tranh nội bộ lẫn nhau và kích cá nhân chi phối đến mức tố cáo nhau. Đến mức biến những cơ quan như Tổng cục 2 trở thành một công cụ cá nhân, diệt nhau. Do vậy có phải hiện tượng không lành mạnh không? Tôi đã phát biểu với Bộ Chính trị một bản chính thức (tôi có mang đây) dưới dạng đánh giá Đại hội 9 và những vấn đề tôi nói hôm nay phần lớn là ở trong bản kiến nghị. Riêng vấn đề nhân sự cấp cao tôi nói một ít. Đây có phải tổng kết rút kinh nghiệm không? Tôi cũng may mắn được liệt vào loại các đồng chí cũ (lão thành trẻ) được sinh hoạt với các cụ thì thấy được. Ở đây có vấn đề lớn của Đảng là sự khủng hoảng nhân sự ở cấp

chiến lược, khủng hoảng về quan điểm, khủng hoảng về cơ chế, về sự giám sát. Chưa làm cho lòng tin có thể đạt được, dẫn dắt được.

Điều thứ năm là tính thụ động của các tổ chức.

Đảng viên tốt là chủ yếu, chi bộ tốt là chủ yếu. Nhưng không một tổ chức Đảng nào có khả năng tự mình nêu được vấn đề và khắc phục những nhược điểm cơ bản. Ví dụ như về vấn đề tham nhũng thì không có chi bộ nào có sức đấu tranh chống tham nhũng. Về dùng người thì không một chi bộ nào không có ý kiến, nhưng ý kiến đó trôi đi. Khi về hưu thì chi bộ đường phố xuống cấp kinh khủng. Tôi nói thế này, người ta dọa : ông Bí thư chi bộ dưới sự lãnh đạo của Bí thư phường đưa ra một thông báo về vấn đề có 8 đại tá ở Ba Đình có liên quan đến Phạm Quế Dương và sẽ đưa ra xử, tức là 8 đại tá có thể làm gián điệp... Tôi hỏi các đồng chí 2 vấn đề : thứ nhất là họ đã có kết luận là gián điệp chưa mà ta đã công bố. Khi toà án chưa tiết lộ thì họ vẫn là người không có tội. Nếu một khu có 8 đại tá làm gián điệp thì đáng nghiên cứu lắm. Tại sao người vào sinh ra tử như thế mà bây giờ làm gián điệp, tay sai, thế thì chết. Minh chỉ dám hỏi ông Bí thư chi bộ thôi, không dám nói công khai. Tôi hỏi Bí thư phường thì bảo đây là chi thị của Quận.

ĐẶNG QUỐC BẢO

Chú thích của Diễn Đàn

- (1) Hai uỷ viên Bộ chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Ông Nguyễn Minh Triết hiện là bí thư thành uỷ TP Hồ Chí Minh, ông Lê Hồng Anh bộ trưởng bộ Công an.
- (2) Tổng cục 2 thuộc Bộ quốc phòng, trên nguyên tắc, phụ trách tình báo quân đội. Trong thời kì chiến tranh, từ 1946 đến 1991, là Cục 2. Sau năm 1991, tướng Lê Đức Anh nâng « cục » này lên « tổng cục » và dùng nó để theo dõi chính trị nội bộ. Từ mấy năm nay, TC2 bị dự luận trong ĐCS phản đối khá mạnh. « Âm mưu diễn biến hoà bình » là sáng tạo của các thể lực bảo thủ Trung Quốc, nhằm đàn áp mọi ý kiến chủ trương dân chủ hoá. Chịu ảnh hưởng của giới bảo thủ Trung Quốc, từ năm 1991 đến nay, ĐCSVN vẫn coi « diễn biến hoà bình » là một trong « 4 nguy cơ », có khi là « nguy cơ số 1 ». Gần đây, văn bia chính thức bớt nói tới tới nguy cơ này, nhưng chưa hề có văn kiện nào « khai tử » nó.
- (3) 19 điều cấm đoán các đảng viên ĐCSVN. Chẳng hạn một uỷ viên Trung ương được nhắm làm bộ trưởng ngoại giao, có con gái lấy chồng là nhà ngoại giao một nước Tây phương, thì mất chức trung ương, sau đó đi làm đại sứ. Xem thêm bài *Những ý kiến nội bộ* (Diễn Đàn số 139).
- (4) Lên thì làm ở các bộ (bên chính quyền), xuống thì trở về các ban (của bộ máy đảng).
- (5) Cán bộ khoa học, trong thời kì chống Mĩ đã phụ trách các chương trình phá bom từ và thủy lôi. Nguyên phó chủ tịch Quốc hội.
- (6) Vũ Mão là một cán bộ phụ trách Quốc hội. Từng làm chánh văn phòng, nay làm trưởng ban đối ngoại. Xem thêm bài *Những ý kiến nội bộ* (Diễn Đàn số 139). Huy Ngọ : có lẽ là Lê Huy Ngọ, bộ trưởng Bộ nông nghiệp – phát triển nông thôn. Tháng 5.2004, sau vụ Lã Thị Kim Oanh, ông đã xin từ nhiệm, song Quốc hội chưa « xét ». Qua trả lời phỏng vấn của báo Lao Động (9.5.2004), người đọc có thể hiểu rằng Lã Thị Kim Oanh có một « ô dù » cao hơn ông Ngọ.

30 tháng tư

Nguyễn Lộc

TK và các bạn thân mến,

Nếu không có người nhắc, có lẽ tôi cũng không nhớ hôm nay là ngày 30-4. Đã vài năm nay, hình như tôi không còn *nhớ* ngày 30-4 nữa (?). Vì tôi ở vào nơi mà ngày này chỉ gọi nhớ những chuyện người ta làm nhằm (lại) đến nhằm chán, từ gần 30 năm nay, trên radio, *tivi* tiếng Việt chẳng ?

Hay tại vì, rồi ra 30-4 cũng chỉ là một ngày (dù không hẳn là *như mọi ngày*). Nó chỉ có thể là một cái mốc, một ghi dấu, một điểm chuyển mà chính những gì xảy ra sau đó mới thật sự làm cho ta có cái ấn tượng (lớn hay nhỏ, đậm hay nhạt) về cái ngày mốc ấy ?

Dù sao, đã nhắc đến, cũng xin có vài cảm nghĩ (và tâm sự với bạn bè vậy). Và để tạ lòng TK đã viết cho bạn bè, tâm sự về ngày 30-4.

*

Ở tuổi vào đời, tôi phải làm một quyết định : nhận một tỉnh nào đó trong địa giới VNCH để làm nhiệm sở. Tôi thi tốt nghiệp với kết quả làng nhàng, vì vốn không giỏi và cũng vì chán đời nên vô tâm, thờ ơ. Tôi là đứa sinh viên thứ năm được chọn nhiệm sở, theo thứ tự ưu tiên. Trong danh sách các tỉnh cần thầy giáo tất nhiên không có Sài Gòn. Thấy giáo *cần* SG, SG không cần thầy giáo. Thanh, một cô bạn rất thân và rất mến, sẽ phải chọn sau tôi một người, đã tỏ ý e ngại, vì cô nàng sinh ra và lớn lên ở Sài Gòn, chưa hề đi xa nhà, v.v. Thanh nói với tôi – lúc cả bọn cùng lớp dẫn nhau đi ăn bữa ăn "tạm biệt" ở khu chợ cũ Sài Gòn – nếu tôi không quan tâm chuyện xa gần, lại có vẻ quen thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long, thì tôi có thể chọn tỉnh N., và sau đó, khi đến phiên, Thanh sẽ chọn tỉnh R. (mà có lần tôi tỏ ý thích) ; sau đó, hai đứa đổi nhau. N. cách Sài Gòn chừng hơn 70km, dù sao cũng gần "nhà" hơn cho Thanh. Thanh là chị cả, đầu đàn một đám em.

Cần nhắc, hôm ấy trời mưa lất phất ; thời tiết hơi lạnh lạnh như có bão rớt. Thanh lại hỏi tôi trong lúc hai đứa đang đi bên nhau dưới cây dù của Thanh. Thanh luôn "rất con gái". Con bão rớt khiến tôi gật đầu. Và, trong các bạn cùng lớp, tôi thương Thanh hơn nhiều bạn khác. Tôi cũng là con đầu trong gia đình.

Sau này, nghĩ lại, tôi vẫn thầm cảm ơn Thanh. Tỉnh R. là một chọn lựa không tệ. Cha tôi cũng đã móm ý về R.. Thêm nữa, nhờ chọn lựa đó, tôi đã được sống lại gần gũi hơn với vùng quê Nam Bộ một thời gian. Đó cũng là quãng thời gian (nhìn lại, quá ngắn ngủi) tôi nhiều lần xuôi ngược con đường Sài Gòn - R. dài vài trăm cây số. Có dịp gần hơn với (cái rìa của) chiến tranh, dù không thật sự ở trong chiến tranh. Chuyện quốc lộ bị "đắp mìn" là chuyện cơm bữa. Cai Lậy, Trung Lương thì có xa xôi gì ? Vậy mà, chỉ cần ra đến các nơi ấy... Và những xác chết VC, lưng trần, không đập điệm, *vứt* ven lộ. Du kích địa

phương ? Thân nhân, mẹ, chị, vợ của họ có trong đám người đang tụ tập nhìn, ngó từ một quãng cách an toàn ?

Nhưng, có lẽ ấn tượng chiến tranh vừa sâu xa, vừa mờ hồ, lảng đãng hơn cả nơi tôi lại là cái cảm tưởng bất an của những buổi chiều trên xe đò (từ Sài Gòn về lại R.) chạy như ma đuổi cho kịp trước khi đêm xuống. Chiến tranh, trong những giờ khắc ấy "chưa" là hiện thực, mà là một đe dọa lớn, bám riết, bám riết những người còn phải dong ruổi trên con đường liên tỉnh. Âm ảnh của chiến tranh hình như đậm nét hơn khi ta *chờ* nghe tiếng súng.

Bên cạnh nỗi lo sợ kia là một cái gì chua xót lắm cho tôi. Nhất là khi xe chạy trong vùng không xa quê nội tôi một con sông, qua một con đò. Cái thiết tha, kêu gọi (dù âm thầm) của một chỗ quê nhà và cái thôi thúc (thật hơn, ồn ào hơn, "tốc độ" hơn) phải mau mau tránh xa, rời bỏ.

Và mãi nhiều năm sau này, khi đã sống yên thân nơi xứ người, tôi vẫn có những giấc mơ đứt nối, lộn xộn, trong đó nỗi lo và nỗi xót xa kia vẫn trở lại, đan chen, dằn vặt.

**

Những ngày tháng 3 và tháng 4 năm 1975, tôi đang ở Berkeley. Có Nhã, có Jay, có Văn, có Mỹ, và nhiều bạn khác. Chỗ ngủ của tôi là tấm nệm một người, vất trên sàn trong một góc phòng. Các bạn khác cũng ngủ quanh đầu đó. Trên vách, phía "đầu giường", tôi dán một bản đồ hành chính VNCH cắt ra từ tờ New York Times. Theo dõi tin tức hàng ngày, tôi lần lượt tô màu (đỏ) các tỉnh "roi" vào tay quân giải phóng [đó là nói theo tin tức các đài radio]. Mỗi ngày, Nhã còn hay rủ tôi đi sang cơ sở làm báo của mấy người bạn Mĩ trong phong trào chống chiến tranh, để xin tin tức sốt dẻo. Các anh chị ấy có máy teletype nhận tin của các hãng tin quốc tế. Miền Nam Việt Nam không được giải phóng trên World Wide Web. Nhiều người đã không phải mất nước trên Internet. Dù vậy, sau này tôi mới biết, nhìn từ xa, chúng tôi đã có thể hình dung toàn cục tương đối rõ hơn những người dân đang nháo nhác, hoảng hốt trong những ngày tháng ấy, trong cuộc.

Như một tầng tuyết tuột dốc, chiến dịch HCM to dần, vùng giải phóng to dần. Và trong cái náo nức (vì biết mình đang nhìn một biến cố lịch sử, mang nhiều dấu hiệu của một chung cuộc, sau những dằng dai rất "vô định hình" trong các cuộc cãi nhau, buộc tội nhau "vi phạm Hiệp định Paris") là những nỗi lo âu không tránh khỏi.

Đa phần bạn bè quanh tôi ai cũng có gia đình ở Sài Gòn hoặc vài đô thị lớn của miền Nam. Hình ảnh người ta chen nhau, giết nhau để tranh một cơ hội sống trong cuộc chạy loạn, một cuộc di tản (không) chiến thuật đồng thời là (vô) chiến lược, nhận được bên này TBD đủ làm lũ chúng tôi lo âu nhiều nỗi. Chỉ thầm cầu mong gia đình mình không có ai đang chạy loạn trong ấy. Riêng phần tôi có ba đứa em đang là lính (một thiết giáp, hai bộ binh SĐ18, Long Khánh). Lại còn vài người trong họ, rất thân, đang là lính ở SG. Còn một đám bạn cũ đang "trụ" ở một thành phố cao nguyên. Mấy thằng bạn đồng khoá Thủ Đức có lẽ đang "chờ giặc đến" đâu đó quanh 4, 3 hay 2 vùng chiến thuật.

Trong bối cảnh và tâm cảnh đó, mong sao mọi việc "xong sớm về sớm" trở thành mong mỏi hợp lý nhất (và khả thể nhất với kẻ ngẩn nhìn lịch sử, từ xa). Và, ngày qua

ngày, mong ước kia trông ra càng gần với hiện thực hơn.

Cô đúc trong vòng vài chục ngày ấy, hình như chúng tôi có dịp ôn lại địa danh và một số chi tiết địa lí của đất nước một cách sát sao nhất. Tám bản đồ to chừng nửa trang giấy vở học trò của tôi đã tô màu gần hết miền Trung, đang lan sang vùng đông Nam Bộ. Tin tức quân sự và chính trị dồn dập, đến độ chi tiết gần như không còn giá trị, mọi việc thay đổi quá nhanh. Theo không còn kịp. Trong cái dồn dập ấy, tôi còn cố gởi vội một bức thư, khuyên gia đình đừng bỏ chạy. Không phải là một thái độ chính trị ; chỉ là nỗi lo về mọi bất ổn của cuộc xáo trộn lớn. Tôi biết, gia đình tôi thì không thuộc loại có một thứ "ưu tiên" nào cả, dưới con mắt "nhân đạo" của Mĩ.

Còn nhớ, lúc ấy là buổi chiều. Đột nhiên nghe ồn ào ở khu nhà phía dưới mấy căn phòng trọ của bọn chúng tôi trên gác. Rồi Fred, một anh bạn Mĩ, lao lên từ phía thang gác. Anh hét to một câu gì đó, những câu gì đó. Nhiều người nhón nháo ; hỏi, đáp chen nhau. Tôi nghe lồm bồm, câu được câu mất. "Sài Gòn được giải phóng", "Big Minh đầu hàng", "..."

Tôi không còn nghĩ. Tôi không còn nhớ. Hình như mỗi người gân cổ lên, tranh nhau nói, la, hét một điều, những điều gì đó chôn giữ trong ngực, trong lòng mấy ngày nay, mấy tuần, mấy tháng, mấy năm nay... Mọi người "hug" nhau, vỗ vai nhau, bắt tay nhau, gởi cho nhau những cái nhìn, nụ cười... Rất nhiều bạn bè Mĩ từng chống chiến tranh với nhau kéo đến. Càng lúc càng đông.

Cùng với họ, chúng tôi trôi xuống đường, trôi theo những con phố quen thuộc của "vùng giải phóng" Berkeley. Phía kia, ai đó đã tung ra một lá cờ xanh-đỏ-sao vàng thật to. Phất phới trong gió. Lại thêm nhiều lá cờ. Một lá cờ đỏ sao vàng đi bên lá cờ kia. Và có những biểu ngữ, bích chương giơ lên. "We Won", "The War Is Over", "Long Live ..." và "Long Live ..."... Đoàn người nhìn theo hướng các lá cờ mà tuôn theo. Các con đường quen thuộc, Telegraph, Shattuck, College... ngập người ; xe cộ nhường đường cho đoàn người. Lại ôm hôn, lại cười, và lại rơi nước mắt. Các bà mẹ Mĩ – trắng, đen, gốc châu Á, châu Âu – lâu nay vẫn gặp, vẫn giúp nhau, động viên nhau, bây giờ cũng vỡ òa trong một nỗi mừng lớn. Rất lớn. Đường đi vừa dẫn tới một chỗ đến.

... (Xem tiếp trang 26)

Thơ Vương Huy

Vương Huy sinh năm 1974 ở Cai Lậy, Tiền Giang. Được nhà thơ Đỗ Trung Quân phát hiện từ cuộc thi thơ Bút Mới của báo Tuổi Trẻ năm 1995, tên tuổi Vương Huy đã mau chóng lan truyền trong giới thơ trẻ Sài Gòn như một người viết có giọng điệu riêng. Có lẽ mang trong mình một tính cách lạ lùng không giống ai nên cõi thơ của Vương Huy cũng cô biệt, lạnh lẽo và quái dị, không giống ai. Tự "lưu đày" vào cõi thơ thần bí này, Vương Huy đã nhiều lần rơi vào những trận trầm nhược kéo dài. Hiện Vương Huy về dưỡng bệnh tại quê nhà Mỹ Tho...

(Nguyễn Hữu Hồng Minh, evan.vnexpress.net)

Thơ

Bất ngờ
Nhoi
Từ đêm sâu tàn mạt - hố mộng du - nơi ý thức lò phờ vùi hốc ngủ miền man bóng tối mù đờ áo choàng đen
Không khóc không cười chúng câm lặng nhìn đốm sao nháy múa
Rồi ngạc hồn thờ theo vũ điệu ma trôi
Những thằng thơ bất trị
Câu dựng ngược tóc chân trời tiền thế
Vẫn mê man tay chân úa xuôi dài
Mộng mơ tả lót bọc chúng trong nỗi buồn tươi sáng
Ngủ ngủ ngủ giấc bập bênh trong chiếc nôi tội lằm treo hai đầu nhật nguyệt

Chúng từ chối mọi con sứa của đời
Chúng phập phều nguồn suối tự thân
Chúng không là người không là quý không thiên thân mà cả ba và sự vật
Chúng sống cuộc đời mờ mịt cõi hư hao

Đôi khi chúng như mây lấp lửng miền trời
Đôi khi chúng là nắng cháy nhiệt tình trên thì giờ mở ngực thấp soi
Đôi khi chúng oặt mềm như nước mồi mê trôi
Chúng gồm thể không xương và tan lạc
Cũng như đời

Bay lượn tự do như ánh sáng
Đậu nhanh ngày hót lời mộng vang mơ
Những con chim của không khí và mùa

Bơi lội tự do trong nước thẳm
Biển - hơi thở của những linh hồn cuộn sóng
Những con cá của hư vô sự thật

Mọc tự do trên tám cõi bốn miền
Đất dạt dào xa ngái vô biên
Những cộng cỏ của niềm chi tịch diệt

Tôi đã mất chúng như mất những tia nhìn liên tiếp
Tôi là ngục để chúng vượt thoát tìm đường thất lại
mối cộng sinh
Người ơi người dù sao chúng cũng là niềm đau tôi tượng
Đừng chối từ đừng giam cầm lẫn nữa
Những đứa con buồn tủi
Đọa
Tự hành

HAI BÀI KINH BÁT NHÃ

CAO HUY THUẬN

Tuần vừa qua, một cuốn phim Đại Hàn ra mắt khán giả Paris, được khen ngợi. Báo Mỹ cũng khen. Tên của phim là : *Xuân Hạ Thu Đông ... rồi Xuân* ⁽¹⁾. Không phải là người sành điện ảnh, đọc tên phim là tôi muốn đi xem ngay vì nên thơ quá. Xuân hạ thu đông thì chẳng có gì lạ, nhưng xuân hạ thu đông ... rồi xuân thì cái duyên đã phát tiết ra ngoài. Huống hồ, ở trong phim, xuân rồi lại xuân trên một ngôi chùa nhỏ ... trên một ngôi chùa nhỏ chênh vênh giữa núi non.

Thơ và đẹp là chuyện của phim. Bằng im lặng, cảnh nói thay người, vì người chẳng có gì để nói. Chẳng có gì để nói giữa ông thầy và chú tiểu. Chẳng có gì để nói giữa chú tiểu và cô gái. Giữa ba nhân vật là một chiếc thuyền, có khi có người chèo, có khi không có người chèo vẫn trôi, trôi từ bờ bên này qua bờ bên kia, từ thế giới bên ngoài không hiện diện qua thế giới ngôi chùa không ai cần nói với ai. Chiếc thuyền là nét động duy nhất giữa tĩnh lặng mênh mông, là vùng vẫy giữa lắng đọng. Nói gì ? Có gì để nói ? Nói gì giữa chú tiểu và cô gái ? Chuyện xảy ra là chuyện tất nhiên, bình thường như xuân hạ thu đông, bốn mùa trôi qua trên mái chùa.

Mới hôm qua, mùa xuân, chú tiểu hãy còn là búp măng, *con ai đem bỏ chùa này*, ngây thơ đùa nghịch với cóc nhái, rắn rít. Hôm nay, khi cô gái đến, tuổi đời của chú đã bắt đầu vào hạ. Đất trời ấm mùa hạ, cô gái ấm mùa hạ, chú cũng vậy. Chuyện gì xảy ra tất phải xảy ra, chú tiểu hay ai cũng vậy thôi, đất đá cũng biết, nói gì, có gì để nói, bình thường như xuân hạ thu đông, bốn mùa trôi qua.

Cô gái đến chùa để ở lại chữa bệnh. Khi đến, cô u sầu. Dưới mặt trời mùa hạ, trời ấm, người ấm, cô rạn rỡ. Ông sư nói : “Cô lành bệnh rồi đây, về nhà được rồi”. Ông biết hết, nhưng thân nhiên, như không, có gì để nói ? Cô gái xuống thuyền, thuyền đưa cô từ bờ bên này của núi non qua bờ bên kia của một thế giới chẳng ai biết. Đó là thế giới chú tiểu sắp bước vào, bởi vì, sau khi cô gái đi, chú tiểu cũng khăn gói rời chùa, làm con bướm đuổi theo mùi hương. Trong khăn gói, chú cẩn thận nhét thêm tượng Phật. Nằm trong gói, chắc tượng Phật nói thầm : “chú tiểu ơi, chẳng sao đâu, chú đi như thế cũng tốt như ở, bình thường thôi, xuân hạ thu đông”.

Chùa hai người, bây giờ chỉ còn một. Một ông sư già và một con mèo con. Mặt trời dịu lại, mùa hạ cũng ra đi. Mùa thu dần đến, núi non vàng rực một màu.

Nhưng chẳng mấy chốc, chú tiểu trở về. Chú về với râu, với tóc, với tướng mạo hiên ngang của thanh niên đô thị. Và

với con dao ! Con dao mà chú đã thọc vào cổ của người yêu bây giờ là người phẫn. Chú vào chùa, giận dữ bốc cháy người chú. Trong tay chú, con dao như muốn thọc vào cả núi non. Thân nhiên như không, ông sư càng già càng ít nói. Chỉ nói : “Chú khổ thì người khác cũng khổ”. Nghe chừng như chuyện khổ cũng tất nhiên, nói gì, có gì để nói, chỉ là xuân hạ thu đông.

Cũng tất nhiên, cảnh sát đến chùa bắt kẻ sát nhân. Cảnh sát có súng. Sát nhân có dao. Dao ấy hươi lên trước súng. Máu sẽ đổ chăng ? Đổ trên sân chùa ? Đổ trên lưng ông già đang lom khom nắn nét viết chữ trên sân ? Đâu có ! Không rời bút, cũng chẳng nhìn lên, ông bảo chàng thanh niên buông dao. Dao buông xuống thì dao hết là dao. Dao hết là dao thì súng cũng hết là súng, cảnh sát hết cảnh sát, thanh niên hết râu tóc. Chỉ còn chữ viết trên sân. Với con dao đã buông, ông bảo chú thanh niên tiếp tục khắc chữ trên nền sân, khắc theo chữ ông viết. Chú khắc suốt ngày và suốt đêm. Khắc rách da tay, khắc kiệt sức. Khắc : *sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị sắc, thọ tướng hành thức diệc phục như thị...* Bài kinh Bát nhã.

Sáng hôm sau, cảnh sát dẫn chú lên thuyền qua bên kia bờ. Mọi chuyện xảy ra như chẳng có gì để nói, chẳng có gì để nói nhiều, tất nhiên như thế. Trừ bài Bát nhã .

Mùa thu trôi qua, tuyết mùa đông phủ trắng núi non. Một mùa tuyết, hai mùa tuyết, chẳng biết bao nhiêu mùa tuyết trôi qua, chỉ biết ông sư già đã tịch. Giữa băng giá phủ kín mặt hồ, bỗng một hôm, giữa mùa tuyết như thế, một người đàn ông đứng tuổi hiện ra, đi từ bờ bên kia qua bờ bên này của ngôi chùa bỏ hoang. Cũng một người ấy thôi, mãn giác bướm, mãn tù, mãn cuộc đời, quay về chùa cũ. Cũng một người ấy thôi, nhưng không phải người ấy nữa. Người ấy bây giờ là sư.

Có sư, chùa sống lại. Tượng được đặt trên bàn thờ, bệ lên núi, ngự trên chóp đỉnh, tạc cả vào băng. Giữa băng giá, sư mình trần leo núi, thách đố với trời đất, thách đố với cả chính mình. Sư thắng. Sư đã từ già bờ bên kia. Sẽ không còn ai biết sư là ai nữa, kể cả con thuyền khi hết băng giá sẽ nổi lại hai bờ, kể cả chính sư. Nhưng từ già cuộc đời bên kia đâu có phải là diệt nó. Trái lại, phải sống với nó. Mà cuộc đời ở bên kia cũng chẳng để cho sư quên sư đâu. Nó nhắc nhở hành trình của sư ở chính cái chỗ bắt đầu : ở tiếng khóc khi bắt đầu sự sống. Cho nên, giữa giá băng như thế, một buổi sáng, chùa chưa mở cửa, bỗng vang dội tiếng khóc sơ sinh trước sân. Một thiếu phụ, chẳng biết ai, dấu nước mắt, *đem con lên bỏ chùa này*, giao cho chùa giọt máu chắc hẳn là kết quả của một hạnh phúc không bền hơn sương tan đầu cỏ. Tiếng khóc ! Trê thơ ! Câu chuyện của chính ông sư, có lẽ của cả mọi người, sẽ lặng lẽ diễn ra hàng ngày trước mắt ông. Câu chuyện đó, ông đã quá biết rồi, cho nên có gì xảy ra chắc ông đều sẽ thân nhiên, chẳng nói một lời, nói gì, có gì để nói, bình thường như xuân hạ thu đông trôi qua trên mái chùa của ông.

Đấy, băng giá tan rồi, mùa đông đã trôi qua, một mùa đông, hai mùa đông ...Rồi mùa xuân ! Trẻ sơ sinh đã thành chú tiểu nhỏ, ngây thơ đùa nghịch với cóc nhái, rắn rít đang bò ra khỏi hang. Chỉ chừng mươi mùa xuân nữa thôi là chú tiểu

sẽ vào tuổi hạ. Coi chừng, chú sắp rút dao. Sắp khắc trên nền gạch : “*có chẳng khác không, không chẳng khác có...*” Nói gì nữa, có gì để nói ?...

Đáng lẽ người kể chuyện chấm dứt ở đây. Nhưng xem phim mới lại nhớ phim cũ. Nhớ quá, không cắt hai phim ra được, cho nên phải thêm. Cũng tại bài kinh Bát nhã, *năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư*. Dứt trừ hết khổ ách, chân thật không hư. Tại sao bài kinh Bát nhã có công năng như vậy ? Tại vì kinh nhắc chữ *có* cho ai mê muội về *không*, nhắc chữ *không* cho ai mê muội về *có*. Cứ thử mê muội rồi thăm Bát nhã.

“*Xuân Hạ Thu Đông ... rồi Xuân*” được sáng tác giữa thời đại mà dục tính phơi tràn trên màn ảnh. Ái dục là đề tài của phim, vẩn nạn của nhân vật. Tôi không biết đạo diễn có lấy hứng từ phim cũ không, nhưng tôi liên tưởng đến một phim nổi tiếng của Nhật, *Quái Đàm* (Kwaidan) ⁽²⁾, chiếu cách đây trên 35 năm, rút từ một chuyện thiền, chẳng có gì giống phim mới ngày nay, trừ bài Bát nhã. Chuyện như sau, tôi kể theo trí nhớ.

Một chú tiểu mù sống trong một ngôi chùa vắng với một ông sư già. Chú chơi đàn tỳ bà rất hay, tiếng đàn ai oán, ai nghe cũng rơi lệ. Một buổi tối mùa hè đầy sao, chú tiểu đang ngồi trước sân tư lự với sao trên trời, bỗng nghe bước chân lạ của ai đến bên cạnh. Tiếng áo giáp khua. Rồi giọng một võ sĩ : “*Chú đừng sợ. Nữ chúa của ta nghe danh cây tỳ bà của chú nên bí mật tới đây cùng với cả triều đình của ngài để mời chú đến đàn cho nghe khúc nhạc kể lại trận thủy chiến ngày xưa xảy ra trong vùng này. Ta đưa chú đi*”.

Chú tiểu ngần ngại quá, sợ kẻ lạ, sợ đêm khuya, thầy quở, nhưng võ sĩ nắm tay chú kéo đi. Chú được dẫn đến trước một cung điện nguy nga, tráng lệ . Cả một triều đình bá quan văn võ, quý tộc, công nương, lễ phục oai vệ, uy nghiêm, ngồi lặng yên chờ chú. Trên ngai, chủ trì một nữ chúa, trang phục cực kỳ lộng lẫy. Chú tiểu so dây, lựa khúc, gảy bản đàn nổi tiếng, rồi cất tiếng ca náo nùng kể lại trận đánh. Cả triều đình thương cảm, rơi lệ.

Gần sáng, võ sĩ đưa chú về lại chùa, hẹn tối mai sẽ trở lại, sẽ đàn, sẽ yến tiệc, sẽ trả công, sẽ gả người đẹp cho chú, nhưng cảm chú tuyệt đối không được hé miệng kể cho ai nghe chuyện này.

Tối hôm sau. Lại tiếng khua của áo giáp. Lại võ sĩ đến tìm. Lại triều đình oai vệ. Lại đàn hát, ni non, ai oán. Trận thủy chiến hiện ra qua bài hát, giáo mác, lửa đạn, thầy người, máu chảy, cả triều đình thất trận nhảy xuống sông, nữ chúa gieo mình xuống nước, tự vẫn ...

Đêm hôm đó, đêm hôm sau, đêm sau nữa, cứ đến đêm là ông sư già để ý thấy chú tiểu ôm đàn ra khỏi chùa, đến gần sáng mới về. Ông thầy lo quá, thấy chú tiểu tái xanh, ngớ ngẩn, xa vắng; Chẳng lẽ chú tới nhà gái ? “*Này, tiểu, nhỏ nào hợp*

hồn chú vậy ?” Chú tiểu lắc đầu, câm miệng, khiến thầy càng nghi. Tối đó, sư cho người theo dò, nhưng lạ quá, tiểu đi như lướt trên đất, chẳng đường sá gì cả, vừa mới theo bóng chú đã lạc đầu rồi, mất hút. Quay về lối cũ, bỗng nghe thoảng ra, từ nghĩa trang gần chùa, tiếng tỳ bà. Vào nghĩa địa thì chú đấy, đang ngồi đàn một mình trước mộ hoang của phe thất trận thủy chiến ngày xưa. Mưa dầm ướt áo, chú vẫn đàn say mê . Gọi, chú chẳng nghe. Lay, chú vẫn ngồi. Vẫn đàn, như không biết gì khác. Phải lôi chú, kéo chú về chùa.

Thế này thì tiểu bị ma bắt rồi - sư nói. Thất trận mấy trăm năm, oan hồn vẫn chưa tan. Vẫn triều đình, vẫn bá quan văn võ, vẫn nghi vệ oai phong, vẫn lộng lẫy nữ chúa. Vẫn thủy chiến. Dưới trời sao. Trước nắm đất hoang. Ông sư mài mực, chấm bút, bảo chú tiểu cởi hết áo quần, viết trên toàn thân kín mít chữ, từ chòm đầu đến mút chân. Chú tiểu bây giờ chỉ còn là bài kinh biết đi, *sắc bất dị không, không bất dị sắc ...* Sư nói : “*tối nay nó lại đến tìm chú nữa đấy ; cứ tỉnh tọa chú Bát nhã*”.

Tối, võ sĩ lại đến, nhưng chẳng thấy chú tiểu đâu cả, chỉ thấy cây tỳ bà vẫn gác nơi vách. Nhìn quanh cây đàn, trống không, chẳng bóng ai, nhưng ô kia, sao lại có hai cái tai vểnh lên trước mắt, đúng là tai của chú tiểu. Võ sĩ kéo tai ; chú tiểu nhin đau, chú Bát nhã. Không làm được gì hơn, võ sĩ rút gươm, cắt tai, mang đi. Sư phụ ơi, sư phụ ơi, người đã tuyệt vời *năng trừ nhất thiết khổ, chân thật bất hư* kín mít toàn thân, từ chòm đầu đến mút chân, chỉ quên khuấy *yết đế* trên hai tai !

Không mắt, không tai, *vô nhân nhĩ tỷ thiệt thân ý*, chú tiểu bây giờ chỉ còn là cây đàn, tai mắt chú là cây tỳ bà, cây tỳ bà là tai mắt chú, người và đàn là một. Trong chuyện thiền mà cuốn phim lấy hứng, chú tiểu trở thành danh cầm bậc nhất thiên hạ.

Hai phim, hai chuyện chẳng giống gì nhau, chỉ cùng mượn hứng từ bài Bát nhã. Sự đời ! Trăm vạn chuyện khác nhau đến mấy, rốt cuộc rồi cũng một chữ ấy mà thôi, không *ngộ* thì *mê*, không *mê* thì *ngộ*, nói gì, có gì nữa để nói ?

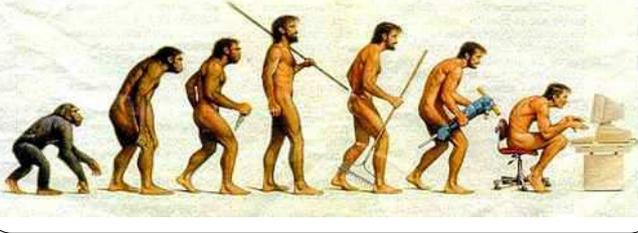
Cao Huy Thuần

(1) *Printemps, été, automne, hiver... et printemps* (tên Hàn ngữ là *Bom, yeorum, gaeul, gyeowool, geurigo, bom*, 2003), đạo diễn : Kim Ki-Duk

(2) Phim của Masaki Kobayashi, Nhật Bản (1964). Câu chuyện tác giả kể lại là một trong 4 chuyện hợp thành cuốn phim *Kwaidan*.

Nhân năm khí : Bàn về nguồn gốc con người hiện đại

Nguyễn Văn Tuấn



Có thể nói rằng trong 12 con vật được dùng làm biểu tượng cho chu kỳ 12 năm, khi là con vật quan trọng nhất, thông minh nhất, và gần gũi nhất với con người. Từ điển Tiếng Việt giải thích rằng khi là “*thú cao cấp gần với người, biết leo trèo, bàn chân bàn tay có thể cầm nắm được*”. Giải thích như thế không sai, nhưng cũng không đầy đủ [1]. Quả thật, trong tất cả động vật, khi là loài động vật giống con người nhất. Chữ « khi » ở đây bao gồm những động vật như *ape* (mà chúng ta thường gọi là “khi không đuôi”), tinh tinh (*chimpanzee*), vượn (*gibbon*), khi đột (*gorilla*), và đười ươi (*orang-utan*). Cùng với con người, khi được các nhà động vật học xếp vào loại động vật linh trưởng, cao nhất trong các loài vật có vú.

Ngày nay, càng ngày càng có nhiều bằng chứng khoa học có tính thuyết phục cao cho thấy một loài khi nào đó, gần với con tinh tinh hiện nay, chính là tổ tiên của con người hiện đại. Nói cho cụ thể hơn, tất cả chúng ta – dù là người da vàng, da đen, da đỏ, hay da trắng – đều có chung một tổ tiên : khi. Tuy nhiên quá trình tiến hoá cụ thể ra sao là điều cần nghiên cứu, và đã có nhiều phát kiến cũng như tranh cãi trong vòng vài chục năm gần đây.

Trong nghiên cứu khoa học, những tranh luận giữa hai hay nhiều giả thuyết là chuyện rất thường. Trong lĩnh vực nghiên cứu về nguồn gốc con người hiện đại, những tranh luận ngày càng trở nên gay gắt. Tình trạng này xảy ra một phần vì những bất đồng ý kiến trong việc diễn dịch các bằng chứng liên quan đến giả thuyết về nguồn gốc con người. Những dữ kiện và hiện vật trong bộ môn nghiên cứu *cổ nhân chủng học* (*paleoanthropology*) thường rất hiếm. Việc truy tìm các hài cốt và bộ xương hóa thạch (trong bài này tôi sẽ gọi tất là *thạch cốt*) đòi hỏi một kiến thức rộng và một nỗ lực lớn, cộng với khả năng tổ chức, tiền bạc, và quan trọng hơn hết là ... may mắn. Các giả thuyết mới thường đến với công chúng rất dễ, nhưng qua những bằng chứng mới nhất, chúng cũng ra đi cũng rất nhanh.

Thành ra, theo dõi và chứng kiến những cuộc tranh luận giữa các nhà nghiên cứu nhân chủng học về nguồn gốc con người hiện nay là một điều thú vị và ... bổ ích. Cuộc tranh luận “nóng” hiện nay xoay quanh một câu

hỏi quan trọng: Con người hiện đại xuất hiện từ lúc nào, từ đâu, và tiến hóa ra sao? Tôi dùng cụm từ “*con người hiện đại*” ở đây là để chỉ chúng ta – bạn đọc và tôi – trong đại gia đình con người đang sống hay mới qua đời cách đây vài trăm năm.

Darwin là người đầu tiên lí giải rằng loài tinh tinh là những người anh em họ gần nhất của con người. Bởi vì tinh tinh chỉ sinh sống ở Phi châu, cho nên con người có nguồn gốc từ Phi châu.

Theo thuyết này, tổ tiên con người và tổ tiên loài tinh tinh tách rời khoảng 5 triệu năm trước ở Phi châu. Khoảng 2,5 triệu năm sau đó, con người phát triển thành giống người *Homo habilis*. Giống người *Homo habilis* có khả năng làm những dụng cụ thô sơ bằng đá, và có hai chân. Dung lượng não của *Homo habilis* cao hơn loài tinh tinh, nhưng thấp hơn so với con người hiện đại. Khoảng 2 triệu năm trước, *Homo habilis* tiến hóa thành loài *Homo erectus* (loài người đi đứng thẳng lưng), và chính giống người này tán rớt khỏi Phi châu và đi khắp thế giới. Đến khoảng 500.000 năm trước *Homo erectus* tiến hóa thành *Homo Sapiens* (loài người thông minh). Người *Homo Sapiens* có dung lượng và hình dạng não giống với con người hiện đại ngày nay.

Trên đây là những hiểu biết đã đạt sự đồng thuận. Thế nhưng quá trình tiến hoá từ *Homo Erectus* đến *Homo Sapiens* lại là trọng tâm của cuộc tranh luận.

Nói một cách ngắn gọn, Giả thuyết Phi châu (“*Out of Africa hypothesis*.”) phát biểu rằng con người hiện đại chỉ có mặt khoảng 100.000 đến 200.000 năm trở lại đây, và đã lại xuất phát từ Phi châu một lần nữa. Một giả thuyết “*kinh địch*” khác là *Giả thuyết Nhiều vùng* (*Multiregional hypothesis*) lí giải rằng con người hiện đại tiến hóa trong nhiều địa bàn trên thế giới từ *Homo erectus* (tức người đứng thẳng) khoảng 1 đến 2 triệu năm trước đây.

Theo trường phái này, các sắc dân đồng thời tiến hóa theo một chiều hướng song song đến thời kì hiện đại. Bởi vì các sắc dân sống cô lập với nhau, họ phát triển những đặc tính cơ thể và sinh lí riêng cho từng vùng, mà ngày nay được ghi nhận như những khác biệt mang tính “*chủng tộc*”. Giả thuyết Nhiều vùng tiên đoán rằng các thạch cốt của con người hiện đại sẽ được phát hiện khắp các vùng thuộc Thế giới Cổ (Old World) và độ tuổi của chúng cũng sẽ tương đương nhau. Giả thuyết này còn tiên đoán rằng các sắc dân cổ sẽ có nhiều đặc tính cơ thể, như xương chằng hạn, mang tính liên tục và giống với các sắc dân hiện đại trong vùng. Chẳng hạn như, theo đó, giống người *Neandertals* [2], một sắc dân cổ ở Âu châu, sẽ có nhiều đặc tính di truyền giống như người Âu châu hiện nay.

Vấn đề còn lại là thu thập bằng chứng một cách khách quan để xem giả thuyết nào đáng được tin cậy hơn. Trong vài mươi năm gần đây, với sự phát triển phi thường của bộ môn khoa học di truyền và công nghệ sinh học, việc nghiên cứu nguồn gốc con người đã chuyển từ việc thu thập các bằng chứng ngôn ngữ học và cơ thể học sang việc thu thập bằng chứng di truyền học. Kết quả của

nhiều nghiên cứu quan trọng về di truyền học trong thời gian gần đây có vẻ không phù hợp với Giả thuyết Nhiều vùng, nhưng có vẻ nhất quán với Giả thuyết Phi châu hơn. Hiện nay, có 4 nhóm bằng chứng độc lập “yểm trợ” cho Giả thuyết Phi châu (nếu kể cả lần đầu tiên toả ra từ Phi châu).

Bảng chứng 1 : Mối liên hệ huyết thống giữa khỉ và con người

Một giả thuyết được phân đồng giới nhân chủng học chấp nhận là khoảng 10 triệu năm trước đây, có ít nhất là hai giống khỉ sinh sống ở Phi châu. Một giống là tổ tiên của loài khỉ đột ngày nay, và một giống là tổ tiên chung của tinh tinh và con người. Khoảng 5 triệu năm sau, giống khỉ tổ tiên của tinh tinh và con người tách ra hai giống khác nhau: một trở thành tổ tiên của loài tinh tinh, và một trở thành tổ tiên của con người.

Giả thuyết trên được xây dựng bằng các dữ kiện di truyền học. Trong bất cứ gen nào hay dãy DNA nào được khảo sát, con người và tinh tinh có cấu trúc gen và DNA giống nhau hơn là giữa tinh tinh với khỉ đột. Nếu so sánh DNA của con người và DNA của tinh tinh, sự trùng hợp lên đến 98.4%, tức chỉ khác biệt 1.6%. Phân tích chuỗi DNA trong hệ thống máu globin, mức độ trùng hợp giữa con người hiện đại và tinh tinh là 98.76%, tức chỉ khác biệt trên dưới 1%. Những khác biệt về chuỗi DNA và đột biến này giúp cho các nhà khoa học ước tính được thời gian mà con người và khỉ tách rời ra thành hai nhóm độc lập.

Chính vì sự trùng hợp di truyền này, nhiều nhà nhân chủng học đề nghị xếp loại tinh tinh thành 3 nhóm : nhóm 1 gồm *Pan troglodytes* (hay những tinh tinh ‘thường’), nhóm 2 gồm *Pan paniscus* (còn gọi là *bonobo* hay *pygmy chimpanzee* – tinh tinh nhỏ), và nhóm 3 là ... chúng ta, tức *Homo sapiens*, người thông minh.

Tuy nhiên, con người có 23 cặp nhiễm sắc thể (chromosomes), còn tinh tinh (và ngay cả khỉ đột, đười ươi) có đến 24 cặp nhiễm sắc thể. Nghiên cứu kĩ cho thấy hai cặp nhiễm sắc thể trong tinh tinh nhập thành nhiễm sắc thể số 2 trong con người. Không ai biết tại sao có sự khác biệt nhỏ này, nhưng nó có thể là là yếu tố quyết định sự khác biệt giữa con người và loài tinh tinh mà chúng ta thấy ngày nay.

Thời điểm mà con người và loài tinh tinh trở nên độc lập nhau (tức khoảng 5 triệu năm về trước) cũng phù hợp với những dữ kiện khảo cổ nhân chủng học. Năm 1995, một nhóm nghiên cứu thuộc Trường đại học California tại Berkely và đồng nghiệp ở Ethiopia công bố một công trình nghiên cứu cho thấy, qua phân tích sọ và xương đùi phát hiện ở Ethiopia, con người và loài tinh tinh bắt đầu tách riêng ra khoảng 4,3 triệu năm về trước.

Bảng chứng 2 : Bà Eve

Tháng Tư năm nay, Một nhóm nghiên cứu thuộc Đại học Maryland (Mĩ) do Nhà nghiên cứu Sarah Tishkoff dẫn đầu công bố một phân tích di truyền học trên hơn 600

người Tanzania (hiện đang sống) trong 14 bộ lạc thuộc 4 nhóm ngôn ngữ khác nhau [3]. Họ phân tích khuynh hướng phân bố của các mảng DNA nhỏ có tên là *mitochondrial DNA* (hay còn gọi tắt là mtDNA) [4]. Đây là một phương pháp phân tích đáng tin cậy nhất và chính xác nhất để truy tìm nguồn gốc con người, bởi vì các mảng DNA nhỏ này chỉ hiện diện trong buồng trứng, và vì thế chỉ di truyền trong giống cái. Tỷ lệ đột biến (tức những biến đổi mtDNA) là một thước đo khoảng thời gian từ khi có con người trên trái đất. Chủ nhân của mảng mtDNA (đĩ nhiên là một phụ nữ) thường được gọi là Bà *Eve*. Cố nhiên, vào thời đó có thể có nhiều phụ nữ cũng có thể là chủ nhân hay có cùng mảng mtDNA với Bà Eve, nhưng theo thói quen, người ta gọi Bà Eve cho gọn.

Tiến sĩ Tishkoff và đồng nghiệp của bà chọn các sắc dân Đông Phi châu để làm nghiên cứu vì lí do ở đây mức độ khác biệt về ngôn ngữ, văn hóa, và thể chất con người, rất lớn. Có bộ lạc người Đông Phi châu rất cao, nhưng cũng có bộ lạc mà phần lớn có chiều cao rất thấp ; có bộ lạc da rất đen, nhưng cũng có bộ lạc da chỉ ngăm đen ; có bộ lạc mặt tròn, nhưng cũng có bộ lạc mặt nhỏ và hẹp, v.v... Những khác biệt về đặc tính nhân trắc và văn hóa này trong cùng một vùng là một đặc tính lí tưởng cho việc nghiên cứu cổ nhân chủng học và di truyền học. Nói theo ngôn ngữ của di truyền học, Đông Phi châu là nơi có gen rất đa dạng, và càng đa dạng thì việc phân tích và phân loại càng dễ dàng hơn. Thực vậy, các bộ lạc trong năm sắc dân tại đây có quá nhiều đột biến gen so với các sắc dân khác, đó là một dấu hiệu cho thấy vùng Đông Phi châu là một vùng đất mà con người từng có mặt rất lâu đời. Lâu đời hơn cả người Kung San ở vùng Nam Phi châu, mà trước đây chúng ta tin rằng họ có mtDNA lâu đời nhất.

Nếu nhận dạng theo bộ lạc, 5 sắc dân này là : người Sandawe, nói tiếng “click” có liên hệ với người tóc rậm (còn gọi là người rừng, hay Bushmen chuyên sống gần vùng sa mạc) của dân tộc Kalahari ; người Burunge và Gorowaa, họ di dân từ Ethiopia đến Tanzania chỉ trong vòng 5.000 năm trở lại đây ; và người Maasai và Datog, những người có thể xuất phát từ Sudan. nỗ lực của nhóm nghiên cứu của Tiến sĩ Tishkoff còn góp phần xây dựng nên một ngân hàng chứa các dữ kiện về mtDNA. Qua đó chúng minh được rằng 5 sắc dân này có mặt lâu đời nhất trên thế giới hiện được biết. Điều này có nghĩa là Bà *Eve* là một người gốc Đông Phi châu hay Đông Bắc Phi châu. Có thể vùng đất thuộc Ethiopia hay Sudan ngày nay là nơi mà con người hiện đại khai sinh.

Nếu tỷ lệ đột biến mtDNA không thay đổi theo thời gian (một giả định được xem là đáng tin cậy), và bằng một phương pháp thống kê học, các nhà khoa học có thể ước đoán rằng tổ tiên lâu đời nhất của con người hiện đại khai sinh khoảng 170.000 năm về trước. Nên nhớ rằng chỉ “có thể” thôi. Nhưng điều quan trọng là ước tính này nhất quán với bằng chứng từ các thạch cốt.

Bảng chứng 3 : "Trường lão" Idaltu

Tháng 6 vừa qua, một nhóm nghiên cứu liên quốc gia

gồm Tim White và F. Clark Howell thuộc Đại học California tại Berkeley, và một nhóm nghiên cứu do Berhane Asfaw thuộc Rift Valley Research Service ở Addis Ababa, công bố khám phá liên quan đến 3 sọ người hóa thạch trong vùng Herto Bouri của Ethiopia [5]. Một điểm đáng chú ý nhất của 3 sọ người đó là tất cả đều là phái nam ; trong đó có một sọ có lẽ của một em bé 6 hay 7 tuổi. Ngoại trừ một vài trường hợp mất răng, và vài thiệt hại phần trái của sọ, những sọ hóa thạch này đều có đầy đủ đặc tính của con người hiện đại. Dùng phương pháp quang tuyến isotope, các nhà nghiên cứu ước tính ba sọ người này có độ tuổi từ 154.000 đến 160.000 năm.

Khi các nhà nghiên cứu rửa sạch và ráp nối những mảnh sọ với nhau, họ có thể cho ra một câu chuyện hoàn chỉnh. Cũng giống như con người hiện đại, những chú nhân của 3 sọ này có khuôn mặt nhỏ, hơi dài. Dung lượng sọ của một người có mã số BOU-VP-16/1 là 1.450 cm³, tức là rộng hơn dung lượng của một con người hiện đại. Mặc dù sọ của người Herto (một sắc dân Phi châu) lớn và dài hơn con người hiện đại, các nhà nghiên cứu cho rằng người Herto có lẽ là một giống người thông minh hiện nay, *Homo sapiens*, đầu tiên vừa được phát hiện, tức là tổ tiên trực tiếp của chúng ta ngày nay. Cũng như nhóm nghiên cứu Đại học Maryland, qua 3 sọ người này, Tim White và đồng nghiệp ông ta kết luận rằng nguồn gốc của con người hiện đại quả bắt nguồn từ Phi châu.

Bởi vì sọ người Herto vừa được phát hiện không đồng dạng với các hài cốt con người cổ xưa từ bất cứ một vùng nào trên thế giới, các nhà nghiên cứu phải xếp 3 sọ người này vào một nhóm mới và đặt tên là *Homo sapiens idaltu*. Chữ *idaltu* xuất phát từ tiếng Afar ở Ethiopia, và có nghĩa là “trưởng lão.”

Ngay cả các nhà nghiên cứu không tham gia vào công trình nghiên cứu trên cũng đồng ý rằng 3 sọ người Herto là một bằng chứng thuyết phục nhất về con người hiện đại, và phù hợp với Giả thuyết Phi châu về nguồn gốc con người hiện đại. Sọ người Herto còn cung cấp một bằng chứng nhất quán với sự chuyển tiếp về niên đại trong các sắc dân Phi châu được khám phá trong vài năm qua. Chẳng hạn như : các sọ người và thạch cốt thuộc giống người đứng thẳng (*Homo erectus*) từ Daka, có niên đại khoảng 1 triệu năm về trước ; sọ người cổ Bodo với niên đại khoảng 500.000 năm ; một vài thạch cốt được khám phá gần Omo Kibish vào năm 1967 có niên đại khoảng 125.000 năm ; và một số thạch cốt từ Qafzeh thuộc Do Thái – tức là một hướng di dân từ Phi châu – có niên đại khoảng 92.000 năm.

Tất cả những phát hiện trên đây cho thấy Phi châu là nơi mà con người xuất hiện sớm nhất. Nhưng những phát hiện này không loại trừ khả năng các giống dân cùng tiến hóa một lượt trong các vùng khác trên thế giới, như những người theo Giả thuyết Nhiều vùng đề nghị. Một cách thử nghiệm đáng chú ý nhất của các nhà khoa học theo *giả thuyết nhiều vùng* là nghiên cứu trên giống dân cổ Neandertals, một giống dân chỉ tìm thấy ở Âu châu. Theo họ, giống dân Neandertals (sống vào khoảng 200.000 đến

27.000 năm trước đây) thể hiện một sự chuyển tiếp từ người Âu châu *Homo erectus* đến người thông minh ngày nay (*Homo sapiens sapiens*). Thế thì câu hỏi được đặt ra là: Có phải sọ người Herto chỉ đơn thuần là tổ tiên của những người Phi châu mà thôi (cũng như giống dân Neandertals là tổ tiên người Âu châu ngày nay ?)

Câu trả lời là "Không." Lí do đơn giản là những sọ người Herto cho thấy người Phi châu đã phát triển bộ xương của một con người hiện đại, còn các thạch cốt của giống dân Neandertals vẫn chưa thể xem là con người hiện đại.

Bằng chứng 4 : Giống người Neandertals

Năm 1997, Svante Paabo thuộc Viện nghiên cứu tiến hóa nhân chủng học (Max Planck Institute for Evolutionary Anthropology) tại Leipzig, Đức, là người đầu tiên chiết mtDNA từ giống dân Neandertal [6]. Công trình nghiên cứu này được đánh giá là công phu, độc đáo, là “tour de force” về phương pháp nghiên cứu trong tiến hóa học. Mảng mtDNA của giống dân Neandertal được so sánh với mtDNA của 2.000 người hiện đang sống vòng quanh thế giới. Kết quả cho thấy mtDNA của giống dân Neandertals không đồng dạng với mtDNA của người Âu châu. Nói một cách khác, qua bằng chứng di truyền học, giống dân Neandertals không phải là tổ tiên của người Âu châu ngày nay. Đây là một khám phá quan trọng, vì nó loại bỏ vai trò của người Neandertals trong việc suy luận về nguồn gốc con người hiện đại. Đó là một khám phá đánh một “đòn chí tử” vào Giả thuyết Nhiều vùng.

Nhưng các nhà khoa học theo Giả thuyết Nhiều vùng vẫn chưa chịu thua. Giáo sư Milford Wolpoff thuộc Đại học Michigan và Giáo sư Alan Thorne thuộc Đại học Quốc gia Úc châu ở Canberra, chất vấn kết luận của công trình nghiên cứu trên. Họ đề nghị nghiên cứu thêm các mảng mtDNA từ một số người Neandertals khác, vì họ nghi ngờ rằng mẫu mtDNA của nhóm Paabo dùng còn quá nhỏ và có thể quá cá biệt, không đại diện cho tổng thể giống dân Neandertals được. Họ còn tiên đoán rằng mtDNA của giống dân Neandertal sẽ đồng dạng với người Âu châu cổ hơn là người Âu châu đang sống ngày nay. Đó là một phê bình công bằng.

Để khắc phục nhược điểm mà Wolpoff và Thorne nêu lên, một số nhóm nghiên cứu khoa học trên thế giới bèn tiến hành nhiều nghiên cứu để thử nghiệm giả thuyết của Milford Wolpoff và Alan Thorne, bằng cách dùng phương pháp nghiên cứu của nhóm Max Planck. Kết quả của tất cả các nghiên cứu này đều nhất quán một điều : mẫu mtDNA của giống dân Neandertal khác xa với mẫu mtDNA của người Âu châu cổ hay người Âu châu hiện nay. Chẳng hạn như công trình nghiên cứu của Giorgio Bertorelle và đồng nghiệp thuộc Đại học Ferrara (Ý) cho thấy mẫu mtDNA của hai nhóm người Âu châu cổ (Cro-Magnons ở Ý) có niên đại 23.000 đến 24.720 năm rất khác với 4 mẫu mtDNA của giống dân Neandertals có niên đại từ 42.000 đến 29.000 năm [7]. Mức độ khác biệt giữa hai mẫu mtDNA khá cao : 22 đến 28 trong số 360 đột biến nghiên cứu. Điều quan trọng là các mẫu mtDNA

của người Cro-Magnon, như dự đoán, rất tương đương với mẫu mtDNA của người Âu châu ngày nay, với tỉ lệ đột biến chỉ khác nhau có 1 trong số 2.566 mẫu mtDNA !

Nói một cách khác, mtDNA của người Âu châu hiện nay cũng chính là mtDNA của người Cro-Magnons, và do đó, giống dân Neandertals không phải là một giống người nằm trong quá trình tiến hóa từ *Homo erectus* sang người *Homo sapiens* hiện đại. Giống dân Neandertals không phải là tổ tiên của người Âu châu hiện đại.

Bằng chứng và tính thuyết phục

Giả thuyết Phi châu về nguồn gốc con người hiện đại càng ngày càng trở nên thuyết phục, vì hầu hết các nghiên cứu, nhất là nghiên cứu di truyền học, đều cho ra một câu trả lời kiên định, trước sau như một. Câu trả lời này phù hợp với giả thuyết rằng con người hiện đại, dù là ở Á, Âu, Mĩ châu đều có tổ tiên xuất phát từ Phi châu, đặc biệt là từ Đông Phi châu nói chung, và Ethiopia hay Sudan nói riêng, bởi vì nơi đây là quê hương của những thạch cốt con người cổ nhất thế giới. Các nghiên cứu này cũng loại bỏ khả năng về mối liên hệ giữa người Neandertals và con người hiện đại, và do đó, không nhất quán với Giả thuyết Nhiều vùng.

Mặc dù sức thuyết phục của các nghiên cứu này rất cao, chúng ta cần phải cảnh giác rằng những thạch cốt dùng trong nghiên cứu chỉ nói cho chúng ta biết hình dạng của tổ tiên chúng ta ngày xưa, và nơi và thời gian mà họ từng sinh sống. Công trình nghiên cứu của White-Howell-Asfaw cho thấy thạch cốt khám phá từ Ethiopia có niên đại khoảng 160.000 năm. Các nhà khoa học theo Giả thuyết Phi châu đang ăn mừng.

Nhưng các nhà khoa học theo Giả thuyết Nhiều vùng chưa đầu hàng, hay ít ra là họ cần một thời gian để tuyên bố đầu hàng. Hiện nay, họ bị mất rất nhiều cảm tình viên. Giáo sư Wolpoff vẫn kiên trì bảo vệ Giả thuyết Nhiều vùng mà ông từng đề nghị nhiều năm trước đây. Có thể nhiều khám phá sắp tới sẽ làm cho cán cân khoa học nghiêng về phía Giả thuyết Nhiều vùng, nhưng họ cần phải có nhiều – rất nhiều bằng chứng – để bác bỏ Giả thuyết Phi châu.

Tàn mát ra khỏi Phi châu

Nếu tổ tiên con người hiện đại xuất phát từ Phi châu, thì một câu hỏi được đặt ra là sau đó họ đi đâu, vào lúc nào? Bằng chứng khảo cổ học cho chúng ta nhiều thời điểm mà con người di dân ra khỏi Phi châu, và những thời điểm này có thể đối chiếu với bằng chứng di truyền học để cho ra một câu chuyện di dân tương đối hoàn chỉnh. “Bằng chứng di truyền” ở đây là những phân bố DNA và gen trong các sắc dân hiện đại trên khắp 5 châu. Qua những phân bố DNA và gen, chúng ta có thể ước tính những khoảng cách di truyền giữa các sắc dân [8]. Khoảng cách di truyền càng gần có nghĩa là hai sắc dân càng giống nhau. Kết quả phân tích này có thể tóm gọn như sau [9]:

	Khoảng cách di truyền	Thời điểm định cư đầu tiên (x 1000 năm)
Phi châu – Á châu	0.206	100
Á châu – Úc châu	0.100	55
Á châu – Âu châu	0.097	43
Âu châu – Mĩ châu	0.089	15 – 50

Theo kết quả phân tích khoảng cách di truyền giữa các sắc dân và các hiện vật cổ, chúng ta có thể khẳng định rằng con người hiện đại di dân ra khỏi Phi châu và đến Á châu vào khoảng 100.000 năm trước đây. Có thể trong đợt di dân đầu tiên họ đến vùng Trung Đông, nhưng không thể định cư được vì thời tiết khắc nghiệt, sau đó có thể họ phải làm thêm một hành trình thứ hai từ Trung Đông đến tận vùng Đông Nam Á châu. Cũng có thể họ đi thẳng từ Đông Phi châu, dọc theo đường biển Ả Rập ngày nay bằng ngang qua Ấn Độ, và đến định cư ở Đông Nam Á.

Từ Đông Nam Á, họ lại di cư một lần nữa : nhóm một đi về hướng nam ra Úc châu và Tân Guinea ; nhóm hai đi về hướng bắc đến Trung Quốc và Nhật Bản, và cuộc di dân này xảy ra vào khoảng 55.000 năm trước đây. Điều này cũng phù hợp với các dữ kiện di truyền gần đây cho thấy người Trung Hoa ngày nay, nhất là người Trung Hoa ở phía nam Trung Quốc rất gần và có tổ tiên ở vùng Đông Nam Á châu [10-11]. Ngoài ra, gần đây, một nghiên cứu mtDNA [tuy chưa đầy đủ] còn cho thấy người Việt có thể là một dân tộc cổ nhất trong vùng Đông Nam Á [12].

Cuộc định cư ở Âu châu có lẽ xuất phát từ ngả Tây Á châu và Bắc Phi châu, vào khoảng 43.000 năm về trước. Thời điểm di dân từ Đông Bắc Á châu vào Mĩ châu là khó đoán nhất. Dựa vào bằng chứng khảo cổ, giới khảo cổ học cho rằng cuộc di dân đó xảy ra vào khoảng 15.000 đến 50.000 năm trước đây, nhưng đây chỉ là một ước tính rất “thờ”, và sự nhất quán với bằng chứng về khoảng cách di truyền không mấy cao.

Nói tóm lại, một số nghiên cứu quan trọng gần đây cho thấy con người hiện đại như chúng ta có nguồn gốc từ Đông Phi châu. Từ đó, tổ tiên chúng ta di cư đến Á châu, và từ Á châu họ tàn mát đi khắp 4 châu còn lại, kể cả các hòn đảo vùng nam Thái Bình dương. Tất nhiên, đây chỉ là câu chuyện mới được phác họa, nhiều chi tiết vẫn còn trong vòng nghiên cứu thêm. Một trong những chi tiết mà chúng ta cần tìm hiểu thêm là mối liên hệ giữa người Việt hiện nay và các dân tộc trong vùng Đông Nam Á châu. Tổ tiên gần nhất của chúng ta xuất phát từ đâu, họ đến Việt Nam bằng cách nào, vẫn còn là những vấn đề khoa học “nóng”, đòi hỏi nhiều nghiên cứu về di truyền học, khảo cổ học, và ngôn ngữ học. Tuy nhiên, với sự tiến bộ phi thường về khoa học di truyền và công nghệ sinh học trong khoảng mười năm qua trở lại đây, tôi tin rằng việc nghiên cứu quá trình lịch sử di truyền của người Việt chúng ta sẽ đem lại nhiều kết quả thích thú và làm sáng tỏ hơn về nguồn gốc tổ tiên của chúng ta.

Nguyễn Văn Tuấn

Chú thích và tài liệu tham khảo

- [1] Thực ra không phải loài nào cũng hái lượm bằng bàn tay hay bàn chân. Trong số hơn 200 loài khỉ, giới khoa học phân biệt hai loài khỉ chính: một loài sinh sống trong vùng Nam và Trung Mỹ (còn gọi là *New World monkeys* – tức *khỉ thế giới mới*, còn một loài sinh sống ở các vùng Á châu và Phi châu (còn gọi là *Old World monkeys*, *khỉ thế giới cũ*). Khỉ ở Phi châu và Á châu có 32 răng (như con người), nhưng khỉ ở Mỹ châu có đến 36 răng. Khỉ Phi châu và Á châu không có khả năng lượm đồ vật bằng đuôi, trong khi đó một số khỉ Mỹ châu có khả năng này. Khỉ Phi châu và Á châu có hai lỗ mũi gần nhau, nhưng khỉ Mỹ châu có lỗ mũi cách xa hơn và cân đối hơn.
- [2] Năm 1856 (3 năm trước khi Charles Darwin xuất bản cuốn *The Origin of Species*), người ta phát hiện một sọ người có vẻ khác với người hiện đại. Sọ người này được phát hiện tại Sông Neander. Sau này, người ta phát hiện thêm nhiều sọ người tương tự chung quanh sông Neander. Do đó, sau này giới khảo cổ học đặt tên cho giống người này *Neandertal*.
- [3] Tishkoff SA, *et al.* The genetic diversity of linguistically diverse Tanzanian populations: A multilocus analysis. *American Journal of Physical Anthropology Supplement* 2003; 36:208–209.
- [4] Không như DNA nằm trong nhân của tế bào, Mitochondrial DNA nằm ngoài nhân của tế bào. MtDNA chỉ lưu truyền trong giống cái (ví dụ như từ mẹ sang con gái) do đó chúng rất có ích trong việc truy tìm những mối quan hệ di truyền giữa các nhóm dân. Nhưng mtDNA có hai nhược điểm: (i) mtDNA có nhiễm sắc rất nhỏ, chỉ khoảng 16500 mẫu tự (tức chỉ khoảng 16 kilobases); và (ii) sự phân phối của các mẫu tự cũng không đồng đều.
- [5] White TD, *et al.* Pleistocene Homo sapiens from Middle Awash, Ethiopia. *Nature* 2003; 423:742–747.
- [6] Krings M, *et al.* Neandertal DNA sequences and the origin of modern humans. *Cell* 1997; 90:19–30.
- [7] Barbujani G và G. Bertorelle. Were Cro-Magnons too like us for DNA to tell? *Nature* 2003; 424:127.
- [8] Khoảng cách di truyền (hay còn gọi là genetic distance) là một thông số di truyền học đo lường mức độ khác nhau giữa các nhóm dân. Chỉ số này có giá trị tối thiểu là 0 (tức hai nhóm dân giống nhau về mặt di truyền), và giá trị tối đa là 1 (tức hai nhóm dân hoàn toàn khác nhau).
- [9] Cavalli-Sforza LL. *Genes, People and Languages*. Penguin Books, 2001. Chương 1 và Chương 3.
- [10] Chu JY, *et al.* Genetic relationship of populations in China. *Proceedings of the National Academy of Science (USA)* 1998; 95: 11763-11768.
- [11] Su B, *et al.* Y-chromosome evidence for a northward migration of modern humans into eastern Asia during the last Ice Age. *American Journal of Human Genetics* 1999; 65:1718-1724.
- [12] Ivanova R, *et al.* Mitochondrial DNA polymorphism in the Vietnamese population". *European Journal of Immunogenetics* 1999; 26:417-422.

Suy nghĩ về nghệ thuật nhân phát hiện khảo cổ học ở Blombos (Nam Phi)

Nghệ thuật 77 000 năm về trước ?



Blombos, Nam Phi - Hình khắc trên một hiện vật bằng đất sét, niên đại – 77 000 năm

Văn Ngọc

Cách đây hơn hai năm, một ê-kíp khảo cổ học dưới sự điều khiển của Christopher Henshilwood, sau 10 năm khai quật một hang động ở Blombos, Nam Phi, trên một vách đá nhìn ra Ấn độ dương, cách thành phố Le Cap 200km về phía đông, đã công bố kết quả khai quật và nghiên cứu trên hai tạp chí : *Journal of Human Evolution* và *Sciences* (tháng 12-2001). Các nhà khảo cổ học cho biết đã tìm thấy ở đây nhiều hiện vật thời tiền sử, trong đó có những công cụ sản xuất làm bằng xương thú và những hình khắc trên đất sét mà niên đại lên tới 77 000 năm.

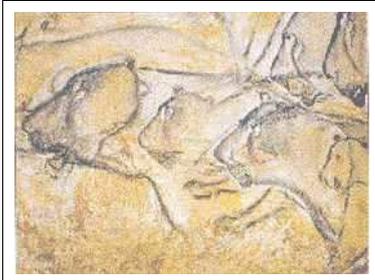
Đây là một phát hiện vô cùng quan trọng, vì nó cung cấp cho chúng ta những thông tin mới về những hoạt động của người nguyên thủy, đặc biệt của người « hiện đại » (*Homo sapiens sapiens*) trong khoảng thời gian giữa niên đại xuất hiện cách đây ít nhất 120 000 năm ở Phi châu, và niên đại - 40 000 năm, khi người « hiện đại » từ Phi châu di chuyển sang Á châu, để cuối cùng sang đến Âu châu.

Cho đến gần đây, người ta vẫn cho rằng người « hiện đại » đã chỉ có thể phát triển trí thông minh và năng khiếu thẩm mỹ của mình từ khi đặt chân sang tới Âu châu. Người ta mới chỉ biết có những hang động của người tiền sử ở Âu châu và ở Bắc Phi, xưa nhất là động Chauvet (Ardèche, Pháp) mới khám phá ra gần đây, với những bức bích họa khắc vẽ trên vách đá có niên đại - 32 000 năm.

Điều chắc chắn, là những tác phẩm của người tiền sử ở các động Chauvet (-32 000), Cussac (-27 000), Lascaux (-17 000), Altamira (-14 000) có thể được coi như là những « đỉnh cao » của nền nghệ thuật thời tiền sử. Tác giả của chúng là những họa sĩ đích thực, ngay từ cách đây 32 000 năm ở động Chauvet ! Họ không những có óc quan sát tinh tế, chính xác, lại có đủ tay nghề để thể hiện lên cái « thần » của từng con thú vật (đặc biệt, nét họa hổ báo và tê giác ở động Chauvet). Điều đáng chú ý nhất, là họ đã không cần nhìn mẫu ở trước mắt để tái tạo lại hiện thực, mà đã vẽ theo trí nhớ (chưa phải là theo « qui ước » như sau này, hơn 30 000 năm

sau, trong nền hội họa cổ điển Trung Quốc, chẳng hạn !). Hình tượng những con thú vật mà họ phải săn bắt để tồn tại, quả là quá quen thuộc với họ, và chắc hẳn vẫn luôn luôn ám ảnh họ trong tiềm thức. Nhưng tại sao họ lại phải vẽ chúng trong các hang động ? Với mục đích gì ? Điều này đối với chúng ta ngày nay vẫn còn là một bí ẩn, bởi ngay đến cả đời sống cụ thể hàng ngày, và trình độ nhận thức thế giới bên ngoài của họ, chúng ta cũng chưa biết rõ lắm !

Dấu sao, nếu mục đích của những bức bích họa này không phải là để thờ cúng, cầu đảo, yểm bùa, hay để trang trí cho nơi mình trú ngụ, thì ít nhất đó cũng là những biểu hiện nghệ thuật đích thực, ít nhất nói lên cái nhu cầu biểu đạt tâm tưởng của con người nguyên thủy bằng ngôn ngữ tạo hình.



Hình vẽ hổ báo ở động Chauvet, Ardèche (Pháp) - 32 000 năm.

Những hiện vật tìm thấy được ở Blombos, Nam Phi, phần lớn là những công cụ sản xuất bằng xương thú, chủ yếu là những chiếc dùi, những mũi lao, mà một số đã được mài nhẵn và đánh bóng bằng cát và da thú, không phải như những vật dụng hàng ngày, mà như thể những kỷ vật quý được cất giữ, bảo quản, kỷ lưỡng.

Ngoài ra, còn có trên dưới 8000 hiện vật bằng đất sét vàng (ocre) đã đóng cứng, trong đó có mười khối trên có nét khắc chìm. Trên một trong những khối đất sét này, có khắc những đường song hành đan chéo và hai đường song hành nằm ngang, tạo nên những hình tam giác và hình lục lăng, như những mô típ hoa văn hình học. Niên đại của những hiện vật này đã được đo bằng các-bon 14 và được xác định là xưa tới 77.000 năm ! Xưa hơn những hình vẽ trong động Chauvet tới 45 000 năm ! (Động Chauvet ở Ardèche, Pháp, phát hiện năm 1994, những hình vẽ trong động này có niên đại 32 000 năm), và xưa hơn động Lascaux tới 60 000 năm (động Lascaux ở Dordogne, Pháp - các hình vẽ có niên đại - 17 000 năm) ! (Xem Văn Ngọc, *Tìm về cội nguồn của hội họa*, ĐĐ số 99, 9-2000)

Phát hiện khảo cổ học ở Blombos, không những đã làm đảo lộn nhiều dữ kiện và giả thuyết về quá trình tiến hóa của loài người, đặc biệt là của con người « hiện đại » (Homo sapiens sapiens), mà còn nêu lên nhiều vấn đề lý thú về nguồn gốc và bản chất của nghệ thuật !

Trước hết, nó bác bỏ hoàn toàn luận điểm của nhiều nhà khảo cổ học và sử học, từ trước tới nay vẫn cho rằng con người « hiện đại », hay con người « thông minh », tuy « xuất hiện » ở Phi châu cách đây ít nhất 120 000 năm, nhưng phải chờ đến khi di rời sang châu Á, rồi vượt qua châu Á, tràn sang châu Âu, cách đây khoảng 40 000 năm, từ đó mới phát triển được thật sự bộ óc thông minh của mình để sáng tạo ra các công cụ sản xuất đầu tiên, và để có nhu cầu sáng tạo nghệ thuật ! (tranh khắc, vẽ ở các động Chauvet, Lascaux (Pháp), Altamira (Tây Ban Nha) ; tượng thần Vệ nữ ở Willendorf (Áo), ở Laussel (Pháp), v.v.)

Mặc dầu những nét khắc ở Blombos chỉ là những ký hiệu khá phôi thai, đơn lẻ, chưa đủ cho phép chúng ta có một ý niệm rõ rệt về trình độ thẩm mỹ, cũng như về sự khéo léo, của người nguyên thủy ở giai đoạn này. Cũng như, do số lượng quá ít ỏi, chúng chưa cho phép chúng ta so sánh được với những hình khắc trong các hang động khác.

Song, có thể chắc chắn rằng, cũng như tất cả các hình vẽ trong hang động của người Homo sapiens sapiens, nói chung, chúng đã xuất phát từ một nhu cầu biểu đạt, với mục đích hoặc giao tiếp, hoặc tín ngưỡng, hoặc nghệ thuật, dù cho đó có thể chưa phải là nghệ thuật, mà mới chỉ là một hình thức biểu hiện có một ý nghĩa tượng trưng nào đó.

Có thể nguyên cả hòn đá có khắc hoa văn hình lục lăng ở Blombos cũng chỉ là một vật thờ, có một ý nghĩa thần bí, một thứ bùa chú nào đó ? Cũng có thể đó đã là những ký hiệu của một ngôn ngữ sơ khai ?

Điều trước tiên mà chúng ta có thể nhận xét ngay được, là những hình khắc trên đất sét vàng ở Blombos là những hình thể *trừu tượng*, mà lại là *trừu tượng hình học*, không phải như những vết loang da báo trên hòn đá cuội ở Mas d'Azil (Ariège, Pháp), hay những vết chém sâu song song trên hòn đá tròn ở Laugerie Haute (Dordogne, Pháp), hoặc như những đường lượn song song uyển chuyển tạo ra bởi dấu ngón tay miết trên đất sét ở động Altamira (Tây Ban Nha).

Tại sao người nguyên thủy lại khắc, lại vẽ được những hình thể hình học này, trong khi họ chưa có những « khái niệm » hình học ? Điều này liệu có thể giải thích được bằng suy luận lô gích chăng ?

Trong thiên nhiên, nhất là trong môi trường sống của người " hiện đại " thời tiền sử, không có hình tam giác, lại càng không có hình lục lăng. Nhưng những đường song hành, đôi khi vẫn có thể bắt gặp được : hai thân cây mọc song song theo chiều thẳng đứng, hai cọng cỏ, hoặc hai đoạn củi thẳng nằm cạnh nhau, hai ngón tay khép lại, hai bờ của một dòng suối, v.v. Ba đoạn củi dài bằng nhau có thể làm thành một hình tam giác đều cạnh. Bốn đoạn củi khô nằm đan chéo nhau làm nên hình quả trám, hoặc hình chữ X, thêm hai đoạn thẳng nằm ngang ở trên và ở dưới nữa là thành hình lục lăng, v.v.

Con người nguyên thủy, nhờ ở trực giác, trí nhớ, và óc thực tiễn, do kinh nghiệm sống, đã ghi nhận và tái tạo lại được những hình thể « hình học » đó, và rất có thể chúng đã gây cho họ một ấn tượng mạnh mẽ, làm cho họ ngạc nhiên, thích thú, hoặc sợ hãi, bởi cái tính chất huyền bí, của chúng, dù là người nguyên thủy ở động Blombos, ở Dordogne, hay ở Altamira, cách nhau hàng mấy chục ngàn năm !

Mà họ ngạc nhiên cũng phải, vì trong bao nhiêu hình thể có thể có được trong thiên nhiên, mà họ nhìn thấy hàng ngày, thì những hình thể « hình học », nói chung, là những trường hợp đặc biệt, hiếm có : từ những đường thẳng chạy song song, đến hình tam giác, hình trám, hình lục lăng v.v. Rất có thể những hình thể hình học này, dưới con mắt của người nguyên thủy, có một tính chất « ma thuật » nào đó đối với họ ?

Mặt khác, nhận biết được những nét đặc thù của một hình thể, phải chăng cũng là một trong những yếu tố cấu thành của khiêu thẩm mỹ ?

Người ta đã nhận xét thấy, ở nhiều nơi, trong các hang động nổi tiếng như : Lascaux, Chauvet, Laussel, Le Portel, La Magdeleine (Pháp), Altamira (Tây Ban Nha), v.v., người tiền sử đôi khi đã dựa vào những hình thê, hình khối, có sẵn trên vách động để thể hiện một con thú vật nào đó có vóc dáng tương tự.

Tư duy thẩm mỹ, nói chung, thường dựa vào khả năng nhận biết những hiện tượng thẩm mỹ, hoặc những " cái đẹp » có sẵn ở ngoại giới để sáng tạo. Điều này có tính qui luật, và sẽ đóng một vai trò quan trọng trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, nói chung. Cũng như nó sẽ soi sáng thêm cho chúng ta về bản chất của nghệ thuật, và về sự vận động của tư duy sáng tạo trong nghệ thuật tạo hình.

Giai thoại về Kandinsky, người họa sĩ trừu tượng đầu tiên của hội họa hiện đại, người đã « ngẫu nhiên » phát hiện ra cái đẹp của hội họa trừu tượng từ một bức tranh tượng hình để ngược, là một thí dụ nổi tiếng. Thực ra, Kandinsky đã không thể nào nắm bắt được cái đẹp « trừu tượng » ấy, nếu trước đó ông đã không có một ý niệm cụ thể nào về cái đẹp thẩm mỹ. Một ý tưởng thẩm mỹ, đôi khi còn rất mơ hồ ở trong đầu người họa sĩ, nhưng nếu bất chợt gặp một hình ảnh nào đó ở bên ngoài, nó có thể « lồng » vào đó để trở thành cụ thể, chính xác.

Cũng như câu nói nửa đùa, nửa thật của nhà danh họa Picasso : « *Je ne cherche pas, je trouve !* » cũng mang nặng cái ý đó : người họa sĩ không tìm kiếm vu vơ trên mặt vải, anh ta chỉ vật lộn với chính mình để thể hiện cái ý tưởng mà anh ta đã có sẵn trong đầu trước khi đặt bút vẽ.

Khi ta không có một ý niệm nào về cái ta muốn vẽ, thì dù có tìm tòi cách mấy trên mặt vải cũng bằng vô ích. Đây cũng là một trong những bí ẩn của sự sáng tạo. Cái đẹp có thể nảy sinh từ một ý tưởng, từ một ý niệm mà ta có trong đầu về nó, từ một dự phóng nào đó. Nhưng cái đẹp trong ý tưởng mới chỉ là « ảo », đôi khi nó chưa rõ nét, thậm chí còn rất mơ hồ : nó cần một chỗ dựa cụ thể để trở thành hiện thực. Chỗ dựa đó chính là một cái gì đến từ bên ngoài trí óc ta, mà ta « nhìn » thấy được, nó « lồng » vào cái ý mà ta đã có sẵn ở trong đầu.

Bởi vậy cho nên, đôi khi một hình ảnh mà ta bắt gặp trong thiên nhiên, hay trong tác phẩm nào đó của một người khác, hoặc của một nền văn hóa khác, có thể vô tình đem đến cho ta một chỗ dựa cụ thể, một nguồn cảm hứng mới. Giao lưu văn hóa chính là để tạo ra những sự trao đổi, và để có được những ảnh hưởng qua lại như thế giữa các cá nhân và các nền văn hóa. Điều này đã được chiêm nghiệm qua nhiều thí dụ trong lịch sử nghệ thuật : nếu Picasso, Braque, không biết đến nghệ thuật điêu khắc Phi châu, thì chưa chắc đã có được hội họa lập thể. Nếu không có tranh Phù thế Nhật Bản, thì chưa chắc đã có Van Gogh, Gauguin. Cũng như nếu Kandinsky không nhìn thấy cái đẹp ở bức tranh tượng hình để ngược, thì chưa chắc đã có hội họa trừu tượng !

Nói tóm lại, những phát hiện khảo cổ học ở Blombos (Nam Phi), mặc dầu còn chưa cung cấp được cho chúng ta nhiều thông tin, song chúng cũng đã cho phép chúng ta có một cái nhìn khác về lộ trình tiến hóa của con người « hiện đại », tổ tiên trực tiếp của con người ngày nay.

Mặt khác, chúng còn cho ta thấy rằng, con người « hiện đại », cách đây 77 000 năm đã biết diễn đạt ý tưởng bằng ngôn ngữ tạo hình : họ đã biết tạo ra những ký hiệu, có ý

nghĩa tượng trưng nhất định.

Chỉ riêng điều đó chứng tỏ rằng tư duy nghệ thuật đã xuất hiện không phải chỉ cách đây 30 hay 40 000 năm trong các hang động ở Âu châu, mà đã manh nha tồn tại cách đây ít nhất cũng 77 000 năm ở Nam Phi châu, một trong những cái nôi xưa nhất của nhân loại.

Văn Ngọc

30 tháng Tư (tiếp theo trang 17)

Hình như, chưa ai có thì giờ để hỏi thêm chi tiết, để hỏi về ngày mai. Mừng cái đã.

Đoàn người vẫn đi. Đêm đã xuống từ lâu. Chúng tôi vẫn còn reo hò, ca hát...

Động lại lúc ấy là gì ?

Hoà Bình !!! The War is Over !!! No more killing !!!

Khi lòng có dịp lắng xuống. Lắng nghe lại mình một chút. Tôi nghĩ gì ? Không, đúng hơn phải hỏi : tôi mơ gì ? Tôi mơ con đường liên tỉnh đi qua vùng quê nội tôi sẽ yên lành hơn vào những buổi chiều, vào những buổi tối. Những người khách trên xe đò sẽ yên lòng hơn, thanh thản hơn, để có dịp mời đón buổi chiều, mời đón dòng sông đang chạy dọc theo con tỉnh lộ ở lại với mình, đi vào lòng mình. Êm ả. Với chút vui được quay về, được trú ngụ trong cái đầm ấm của chốn quê nhà. Như mình được lang thang với bạn bè, với đám anh chị em họ cùng lúa, trên con đường quê, trong bóng tối của một vùng rất xa phố thị. Để thỉnh thoảng thấy bóng mình hiện ra, phóng dài vào đêm tối dưới ánh sáng những ngọn đèn "măng sông" hắt ra từ phía những ngôi nhà. Đêm... *trời yên tiếng súng.*

Một mong ước thật nhỏ, thật riêng tư, đến với ngày 30-4. 29 năm rồi, tôi vẫn còn mơ rất nhỏ như thế. Rất nhiều ước mơ nhỏ, như thế.

Quý mến,

NL.

(California, 30-04-04)

Tìm đọc

HỢP LƯU

tập san văn học nghệ thuật biên khảo

18939 Magnolia Ave, Fountain Valley, CA 92708 USA

Tel (714) 965-4651 • Email : hopluu@saigonline.com

<http://www.hopluu.org/>

- ♦ nơi quy tụ những cây bút nổi tiếng của trong nước và ngoài nước
- ♦ nơi gặp gỡ những tâm lòng tha thiết với văn học Việt Nam

đại diện tại Âu châu : Mme Nguyễn Thị Xuân Sương
60 Av. Romain Roland, F-93200 Saint Denis France

Tel : 33 (0) 1 48 27 13 45

Thảm họa dioxin



Em bé Bùi Khắc Chương bị dị tật bẩm sinh, chỉ đi chuyển được bằng lưng.

Văn Ngọc

Về tác hại của chất dioxin («chất độc màu da cam») lên cơ thể con người, đã có không ít nghiên cứu và tranh luận khoa học từ mấy chục năm nay, ít nhất từ khi chất độc này được áp dụng đại trà bởi quân đội Mỹ ở Việt Nam (từ 1962 đến 1971, 41,6 triệu lít dioxin, trong đó có khoảng 167 kg dioxin nguyên chất, đã được rải xuống miền Nam Việt Nam), nhưng chưa có một kết luận khoa học nào xác định được mối quan hệ nhân quả, trực tiếp hay gián tiếp, giữa việc Mỹ rải thứ chất độc này xuống miền Nam Việt Nam trong chiến dịch «Cánh tay nhà nông» (1962-1971), và những nạn nhân của nó nhiều năm về sau (1).

Những nghiên cứu và tranh luận khoa học nói trên đã rất cần thiết và bổ ích, mặc dầu người ta biết rõ những khó khăn và giới hạn của chúng, do bối cảnh chính trị, quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam, sự thiếu hỗ trợ về phía chính phủ Mỹ và sự thiếu phương tiện và phương pháp nghiên cứu về phía Việt Nam (2).

Bởi vấn đề là làm sao xác định được một cách khoa học nguyên nhân của các chứng bệnh và dị tật của các nạn nhân, để qua kết quả nghiên cứu đó, có thể kết luận được về trách nhiệm của người đã sử dụng nó trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam, tức chính phủ Mỹ. Mặt khác, và đây cũng là một mục đích chính đáng : chỉ có qua nghiên cứu, thử nghiệm, trong nhiều năm, mới có thể tìm ra được biện pháp khắc phục những hậu quả lâu dài của chất độc này.

Tuy nhiên, các nghiên cứu, ngay cả từ phía các nhà khoa học Mỹ, trên nguyên tắc có đầy đủ phương tiện kỹ thuật và tài chính để thực hiện, cũng cần một thời gian tối thiểu, có khi đến hàng một, hai chục năm, mới đi đến được những kết luận có giá trị khoa học.

Cho đến năm 1996, « Ủy ban xét lại hậu quả của chất độc màu da cam đối với cựu quân nhân Mỹ », thuộc Viện Y tế quốc gia Mỹ, mới chỉ kết luận được rằng : chất dioxin gây ra một số bệnh ung thư, như : sácôm mô mềm, ung thư mô tạo bạch huyết cầu, ung thư gan, ung thư phổi. Nhưng còn quan hệ nhân quả giữa chất dioxyne và các dị tật bẩm sinh, vẫn chưa có được một kết luận gì rõ rệt.

Cái vòng lẩn quẩn, là : về phía chính phủ Mỹ, thì chỉ chịu nhận trách nhiệm của mình, và chỉ bồi thường cho các nạn nhân người Việt, người Mỹ, hay người các nước đã từng tham gia vào cuộc chiến tranh Việt Nam : Úc, Thái Lan, Philippin, Nam Triều Tiên, Canada, v.v., khi nào có đầy đủ chứng cứ khoa học xác nhận rằng chính chất dioxin đã gây nên những hậu quả tai hại trên cơ thể của những nạn nhân này (3).

Về phía Việt Nam, thì vì thiếu phương tiện tài chính, hoặc thiếu phương pháp, nên đã không nghiên cứu được một cách có hệ thống từ bấy đến nay (4).

Điều trớ trêu là, một phần không nhỏ những nạn nhân trực tiếp hay gián tiếp của chất độc da cam, nay không còn sống nữa (5) !

Một nghịch lý khác, là ngay từ 1984, dưới sức ép của các cựu chiến binh Mỹ đã từng tham gia chuyên chở, hoặc rải chất độc này ở Việt Nam, 7 công ty sản xuất ra các chất khai quang trong đó có chất dioxin, đã phải bồi thường cho các gia đình quân nhân Mỹ 180 triệu USD ! Còn đối với Việt Nam, mãi đến năm 1999, chính phủ Mỹ mới mở ra một ngân quỹ là 1,5 triệu USD để « đóng góp vào việc nghiên cứu các hậu quả lâu dài của chất dioxin » (theo Phạm Quang Thọ, *Tình độc của dioxine và trách nhiệm của con người*, ĐĐ số 100, 10-2000).

Trong khi chờ đợi, người ta không thể nào thờ ơ được trước hình ảnh các nạn nhân, đồng thời cũng là những « chứng nhân », hiện còn đang sống sót, hay đã chết, những hình ảnh nói lên một cách thuyết phục sức tàn phá khủng khiếp của những thứ chất độc này đối với thiên nhiên và con người ở Việt Nam. Đó là những cánh rừng bị hoàn toàn hủy diệt, những đứa trẻ bị dị dạng ngay từ lúc bẩm sinh, những quái thai ... Cũng như, người ta không thể nào thờ ơ được trước nỗi đau khổ và sức chịu đựng của những người bố, người mẹ, có những đứa con bị khuyết tật.

Cũng may mà con người ta còn nhạy cảm được trước những thông tin do hình ảnh chuyên chở ! Bởi nhiều khi câu chữ không nói lên được mức độ khủng khiếp của những hiện tượng đó, và của những sự việc đó. Tôi nghĩ đến những tác phẩm điện ảnh và nhiếp ảnh đã được thực hiện trên đề tài này : Bộ phim *Chiến Dịch Khai Quang* và toàn bộ tác phẩm nhiếp ảnh của Nakamura Goro, *Nỗi Đau Và Trách Nhiệm* của Minh Chuyên, *Chuyện Từ Góc Công Viên*, của Trần Văn Thủy, v.v.

Hình ảnh còn có một sức thuyết phục ghê gớm hơn

nữa, khi chúng nói lên được mức độ tác hại của chất độc hóa học trong cơ thể con người *qua những mốc thời gian cách xa nhau*. Câu chuyện mà nhà nhiếp ảnh Nhật Bản Nakamura Goro kể lại dưới đây bằng hình ảnh, qua bộ phim « *Chiến Dịch Khai Quang* » của ông, là một thí dụ cụ thể, minh họa cho điều đó.

Năm 1976, ngay sau khi chiến tranh chấm dứt ở Việt Nam, Nakamura Goro, một nhà nhiếp ảnh Nhật Bản, lúc đó còn trẻ, lần đầu tiên đặt chân đến vùng mũi đất Cà Mau với tư cách là phóng viên nhiếp ảnh. Đi qua những rừng đước bị các chất thuốc khai quang hủy diệt, chỉ còn trơ những gốc cây khô, ông rất lấy làm kinh ngạc, sững sờ. Chưa bao giờ ông thấy thiên nhiên bị tàn phá đến mức độ như vậy. Một hôm, đi qua một xóm làng nọ, đứng trước một cánh rừng khô trụi, xác xơ, ông bỗng thấy một cậu bé độ 7, 8 tuổi đang chạy chơi một mình quanh những thân cây tàn lụi. Cậu bé trông rất khỏe mạnh, bình thường, tên cậu là Nguyễn Văn Hùng. Ông chụp cho cậu bé một tấm ảnh đứng giữa đám gốc cây khô, rồi từ biệt lên đường, tiếp tục cuộc hành trình của mình. Lúc đó ông chưa có một ý niệm gì về tác hại của các chất thuốc « khai quang » lên con người.

Đến năm 1995, tức 19 năm sau, có dịp đi qua vùng này, ông ghé thăm gia đình Hùng, thì không nhận ra được cậu thanh niên tên Hùng nữa. Ông ngỡ ngàng hỏi lại, thì bà mẹ xác nhận đó chính là con bà, là cậu bé Hùng ngày xưa. Ông ngã ngửa người, không tin vào mắt mình. Hùng bây giờ chỉ còn là một thân xác hoàn toàn dị dạng, chân tay co quắp, mặt mũi méo mó, đi lại, ăn uống khó khăn, luôn luôn phải có bà mẹ giúp đỡ.

Năm 2000, ông Nakamura Goro lại trở lại nơi này một lần nữa. Lần này thì Hùng đã hoàn toàn trở thành một phế nhân, một gánh nặng cho gia đình anh và cho cả chính anh. Tất cả đầu, mình, mắt, mũi anh đều bị méo mó, siêu vẹo, anh không còn đi lại được nữa, ăn uống phải có người giúp. Không những thế, bây giờ anh không còn nhận ra ai nữa, kể cả bố mẹ, và điều đau đớn hơn cả là anh đã quên hẳn tiếng nói.

Từ gần 30 năm nay, vì tình nhân đạo và lương tâm nghề nghiệp, nhà nhiếp ảnh Nhật Bản vẫn tiếp tục công việc của mình, tiếp tục tố cáo những tác hại của chất độc da cam lên thiên nhiên và con người ở Việt Nam, đặc biệt là đối với những đứa trẻ bị tật nguyền vì chất độc này. Ông đã từng đi lại Việt Nam trên 28 lần, kể từ 1976 đến nay, đã từng làm nhiều cuộc triển lãm về đề tài này ở khắp các nước trên thế giới, kể cả ở Mỹ. Trong số các tác phẩm của ông, có cả những hình ảnh của trẻ em Mỹ, Úc, v.v. con cháu của các quân nhân đã từng tham gia vào việc chuyên chở và sử dụng chất độc màu da cam, và đã bị cùng chung số phận với các trẻ em Việt Nam : cũng những triệu chứng ấy, những dị tật ấy, và cùng một nỗi đau khổ của những người thân xung quanh.

Chất độc màu da cam đã không chỉ tác hại trực tiếp lên những người bị nó thấm vào da thịt khi đi qua những vùng bị rải chất độc, hoặc nhiễm phải nó trong các thức ăn, thức uống, mà còn tác hại lên những cái thai của những phụ nữ vốn đã bị chất độc này ngấm vào trong máu từ trước khi có thai.

Phải được nhìn thấy tận mắt, ở những cô nhi viện, bệnh viện, trường, xưởng, dành cho các trẻ em bị khuyết tật bẩm sinh vì chất độc dioxin, hoặc ngay cả ở những gia đình cựu chiến binh, quân nhân, đã từng hành quân qua những vùng bị rải chất độc trong chiến tranh, hoặc nông dân sống ở những vùng quê bị rải chất độc, mới tin được là có những trường hợp chất độc đã tác hại lên những cái thai một cách dã man như thế nào ! Có những em bé sinh ra hai mắt bị lấp kín như bị khâu lại, không còn nhìn thấy gì nữa. Có những em sinh ra vừa mù, vừa điếc, vừa câm, chân tay lại còn bị dị tật nữa. Có những em bé sinh ra không có chân, và gần như không có tay, phải lết đi bằng lưng trên mặt đất để di chuyển...

Các nghiên cứu khoa học gần đây cho biết chất dioxin khi thâm nhập vào cơ thể, tác động ưu tiên lên những mô bào mỡ trên người phụ nữ và đặc biệt là những bào thai, gây ra trường hợp những đứa trẻ bị dị tật bẩm sinh. Còn người lớn, trẻ con (như em bé Hùng) bị nhiễm độc tại chỗ, thì thường là bị những bệnh như : ung thư, bại não, tâm thần, dị tật, v.v. Mà như chúng ta đã thấy ở trường hợp em Hùng, bệnh tình cứ càng ngày càng trở nên trầm trọng, vì không có phương tiện và giải pháp y thuật để cứu chữa ngay từ lúc đầu.

Văn Ngọc

Chú thích :

- 1-Xem các bài viết về chất độc da cam đã đăng trên ĐĐ các số 100, 113, 117 của các tác giả :
- Phạm Quang Thọ *Tính độc của Dioxine và trách nhiệm của con người*, ĐĐ số 100
- Nguyễn Văn Tuấn, *Dioxin và bệnh tật*, ĐĐ số 113, 12-2001 ; *Dioxin, Việt Nam và Mỹ : giữa tình cảm và khoa học*, ĐĐ số 117, 4-2002.
- 2-Xem Nguyễn Văn Tuấn, *Dioxin, Việt Nam và Mỹ*, ĐĐ số 117, 4-2002.
- 3-Cái đó, tiếng Pháp kêu là « mauvaise foi » (V.N.). Tuy vậy, năm 1996, bộ Cựu chiến binh Mỹ (DVA) đã phải bồi thường cho 3 678 cựu binh, trên tổng số 75 084 hồ sơ khiếu nại !
- 4-Xem Nguyễn Văn Tuấn, *Dioxin, Việt Nam và Mỹ*, ĐĐ số 117, 4-2002.
- 5-Tháng 7-1999, một bản báo cáo của tỉnh Hóc Môn gửi Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, cho biết trong số 1070 trẻ em có dị tật bẩm sinh ở tỉnh này, 177 em đã chết, 148 dị dạng, 243 liệt và 192 bị bệnh tâm thần. (Phạm Quang Thọ, *Tính độc của dioxine và trách nhiệm của con người*, ĐĐ số 100, 10-2000)

Lâm thâm nước mắt ngày vui

CHÂU DIÊN

Đơn vị của tôi đi bộ từ một tỉnh miền Trung, lên đến Lũng Lô thì Điện Biên đã giải phóng. Sau một tháng đi bộ nhưng gần như chạy bộ, chúng tôi được phép nghỉ lại hai ngày ở một bản, hồi đó bản này nằm khá sâu trong rừng, nhưng nay thì nó đã ở bên một nhánh đường mới làm dẫn ra phố huyện Tuần Giáo để nối vào con đường số 6 chạy suốt lên Điện Biên Phủ.

Thời đó, không có chuyện nghỉ là nằm ườn ra đâu. Nghỉ là thay đổi hoạt động. Không có một tẹo tèo tèo thời giờ nào đủ cho ai đó ngồi một mình nghĩ vợ nghĩ vẫn đâu. Nhưng cũng chẳng có gì nhiều nhận để thay đổi, vì vậy cứ nói đến nghỉ là nghĩ ngay đến chuyện liên hoan. Một thì cũng liên hoan cái đã. Mà đã liên hoan thì thế nào cũng có tiết mục diễn kịch lửa trại. Và hể đã diễn kịch thì cái thân tôi thế nào cũng phải đóng vai nữ. Cái ông chính trị viên đại đội của tôi là một ông thích kịch. Và chẳng rõ vì sao, ông bao giờ cũng chủ trương kịch là phải vừa cảm động vừa vui. Mà muốn vui thì tốt nhất là cố nhét vào một vai nữ. Nhất hạng khi vai nữ lại do một anh lính đóng thì vui càng thêm vui. Nguyên cái việc người ta vừa xem diễn vừa bàn tán xem "ai đóng nữ đấy nhỉ" là đã đủ vui rồi, chả cần cốt truyện hấp dẫn lẫn diễn viên tài ba. Ấy vì thế mà tôi chẳng được nghỉ ngơi gì đã được chính trị viên lôi ngay vào cuộc tập kịch.

Tôi bảo anh:

- Xin phép thủ trưởng cho em sang bản bên kia, em có người nhà trong đại đội dân công nhẵn sang lấy thư gia đình.

- Thôi đi ông tướng, đừng có bịa chuyện, lại lần mò sang cô dân công nào bên đó chứ gì?

- Thật sự là em có thư nhà...

- Sao khi gặp người ta không đưa thư ngay, lại vẽ vờ bắt qua bên đó lấy?

- Nào ai ngờ là anh em gặp nhau trên đường chiến dịch?

- Anh em thật hay anh em kết nghĩa đấy?

- Báo cáo thủ trưởng, không phải anh em ruột, nhưng gọi là người làng thôi thì cũng đúng mà gọi là anh em họ cũng được, ở làng chúng em nhà nào mà chẳng có tí họ hàng với nhau... Em không biết nói sai đâu thủ trưởng ạ. Ở quê, em đã có người hứa hẹn rồi.

- Cậu này, lính mà dài dòng. Tôi chọn cậu đóng vai con gái quả là tinh đời. Được rồi, tôi tin cậu. Nhưng tập ba lần cho nó thuộc vở hòm hòm rồi cho cậu đi.

Vở kịch đúng là cảm động và vui. Lạy giờ đất, chính

trị viên của tôi giá mà sau đó anh không giẫm phải mìn, thì sau này chắc là phải có chân trong giới kịch. Cầu cho anh yên nghỉ ! Cầu cho mọi người không bao giờ quên anh !

Chính trị viên bữa đó đã bịa ra câu chuyện kịch như thế này. Cô gái tên là Lụa, chính trị viên giảng cho chúng tôi, tên cô gái này trùng tên cô Lụa trong vở kịch "Anh Sơ đầu quân" của ông Nguyễn Huy Tường, nhưng trong vở này cô Lụa đi dân công và bị thương. Một anh bộ đội trẻ đi ngang, liền dắt trộm một con trâu của đồng bào để cô ngồi lên cho đỡ mệt và tự anh dắt trâu đưa cô về trạm Quân Y. Đó là tội vi phạm kỷ luật rất lớn, vì theo đúng lời thể quân đội nhân dân, không ai được to hào cái kim sợi chỉ của dân, thế mà đây lại to hào hẳn một cái to đùng bằng cả một con trâu. Nhưng anh bộ đội trẻ trót thương và yêu cô Lụa, anh tìm cách cho cô cưỡi lên lưng trâu, đưa cô trót lọt về Quân Y. Người dân mất trâu đi mách cấp chỉ huy. Mọi người chắc mẫm khi anh bộ đội kia về thì thế nào cũng bị thi hành kỷ luật thôi. Nhưng anh đã không về kịp với mọi người để nhận kỷ luật. Trên đường trở về đơn vị, anh đã trúng bom địch và hy sinh. Còn con trâu thì quen đường đã chạy về với chủ. Người chủ đến gặp cấp chỉ huy xin tha kỷ luật anh bộ đội trẻ, và cũng là lúc nhận được tin anh bộ đội mới hy sinh...

Đúng là có điem gở hay sao ấy, chính trị viên nhất định đòi đặt tên cho vở kịch là "Lâm thâm nước mắt ngày vui". Anh xếp đặt cho câu chuyện xảy ra vào ngày chiến thắng, và đúng ngày chiến thắng thì có người bị thương và có người trúng mìn. Thủ trưởng quân sự không cho vở kịch được đứng cái tên đó. Bào là đặt tên thế nó sai. Sai là gì? Sai là sai, thế thôi, không đặt tên như vậy, chả ai đặt tên kịch như vậy hết. Sau đành thoả hiệp đặt cái tên vui vui, "*Con trâu bị thương ở đit*". Vì trong vở kịch có chi tiết anh bộ đội trẻ tán cô dân công, "*con trâu bị thương ở đit nhưng anh bảo đảm nó đủ sức chở em về trạm Quân Y, em đừng lo...*"

Nhưng trong câu chuyện này, đúng vào cái ngày sắp diễn kịch ấy, chính tôi mới thực sự là kẻ lâm thâm nước mắt ngày vui.

Tập kịch xong, đã thấy cô em từ bản bên kia sang. Cô sốt ruột chẳng hiểu vì sao chờ mãi mà không thấy tôi qua. Vừa gặp nhau, cô nói "*Mẹ nhớ eng lắm*" và mấy tiếng quê đó làm cho người tôi như tan ra. Ô, thế mà đã ba năm rồi đó. Ba năm rồi kể từ ngày tôi cầm tấm giấy chứng nhận đặc cách tốt nghiệp phổ thông 9 năm, rồi đi tòng quân. Giờ đây, cái gương mặt tròn căng da ngăm đen kia đang làm tôi nhìn lại và thấy hết, cái bến sông với những cô gái có gương mặt căng tròn thế kia, những chuyến đò chèo củi với những tay chèo có gương mặt căng tròn thế kia, nhưng câu hát vui hát gheo loang đi trên mặt sóng từ khoé miệng những cô gái giặt lụa có những gương mặt căng tròn thế kia...

Tôi ngây người không biết vì mãi nhìn em hay chỉ là vì chờ em đưa thư cho. Nhưng cô chỉ im lặng dắt tay tôi lôi ra phía đồi sim, rồi kéo tôi ngồi xuống bên cạnh. Hương vị người con gái kề sát bên mình khiến tôi chợt

nhớ tới điều cần nhớ:

- Thư đâu, cho anh xem nào.
- Gì mà vội thế?
- Thư ai viết cho anh?

- Thì cứ đôi hồi đã, em khác nói... Mà anh phải bình tĩnh kia... Không được dùng dùng lên đâu đấy... Em nói thật nhé... Ba bốn năm anh đi, anh có đoán hoài về nghi phép lần nào đâu... Từ bữa đó biết bao nhiêu đổi thay, anh có ở nhà cũng chẳng hiểu hết, phương chi là xa nhà xa làng nước...

Tôi bắt đầu cảm thấy có điều gì không ổn trong những lời rào đón của cô em.

- Chuyện cái Cảnh với anh hử?
- Còn cảnh về gì nữa, chị ấy cắt đứt anh rồi...
- Sao kia?
- Tuyên bố rồi, tuyên bố giữa cuộc họp xóm là cắt đứt, tuyên bố trước các bà con bản cố là không dây dưa gì hết nữa...

- Chuyện gì vậy, em?
- Thì đã bảo là anh phải bình tĩnh mà! ...

Tôi nhìn cô em, mơ hồ mong là em đang đùa trêu mình đây. Nó mới chưa đủ mười tám. Nó mới nhón. Trên nét mặt mặng tơ căng tròn, vẫn tưởng như nó đang cùng tốp thiếu nhi hát múa ở sân đình. Tôi vẫn thấy như nó còn rất trẻ con. Tôi vẫn nghĩ là nó đang trêu đùa. Nhanh thật! Mới đủ lông đủ cánh thế mà đã xung phong xa nhà đi dân công chiến dịch.

- Thôi, anh van em đấy, có chuyện gì ở nhà thì nói cho anh nghe đi. Đừng làm anh sốt ruột nữa. Tốt nhất là đưa thư đây cho anh coi.

Cô em không nói gì, quay mặt sang nhìn tôi mắt ngân ngấn nước. Rồi em ôm mặt khóc nức nở. Tôi đứng vụt dậy. Em ngừng khóc và lấy tay khê kéo tôi ngồi xuống.

- Nhiều điều lạ lắm anh ạ... Để em nói, anh đừng hỏi gì hết... Ôi, em thương anh quá... tội thân anh quá... Anh chẳng được ở nhà mà xem, mọi thứ hoàn toàn không giống như hôm anh ra đi đâu... Mà anh không biết cũng phải, thư từ chẳng ai gửi được... Có ai được đi khỏi nhà đâu? ... Là nói bên phía nhà anh ấy... Nhà em may còn là trung nông nên cũng có tự do không bị bao vây, nhưng cũng chẳng dám chạy qua chạy lại, vì sợ bị quy là liên quan...

Tôi chẳng hiểu gì hết về một loạt những điều mới lạ cô em gái vừa nói ra. Nào bao vây, nào liên quan, nào trung nông, nào tuyên bố, nào cắt đứt, nào dây dưa...

- Tôi ngắt lời cô:
- Mẹ anh thế nào hả em?
- Mẹ ốm nặng... Ốm đói...
- Thế còn chị dâu cả nhà anh đâu?

- Chị cả đã bỏ ra ở riêng. Anh cả ở bộ đội mãi đầu đầu chắc là cũng chưa biết tin tức gì... Chị cả tuyên bố cắt đứt rồi. Cũng như cái cô Cảnh của anh ấy. Cũng cắt đứt rồi... Em chỉ thương ông nội... Ông nội đói lắm... Người nhỏ nhả thế mà chiều tối phải đứng bên rào gọi sang nhà

cháu dâu... Con lạy bà, bà thương con, bà cho con xin nắm sắn khô... Cả làng im phăng phắc, nghe rõ tiếng ông nói hừ hừ như người rên...

- Vậy là đã xảy ra chuyện gì ở làng?
- Em cũng chẳng hiểu hết nữa. Bố anh thì bị bắt...
- Thế là nghĩa gì?
- Em cũng chẳng biết nữa. Hôm nào chiến thắng giặc Pháp anh về anh khác biết. Bây giờ, em chỉ biết báo tin cho anh đến vậy thôi.
- Vậy là em không mang theo thư từ gì hết?

Em ngược mắt nhìn tôi, cặp mắt trong veo như thể muốn nêu câu hỏi: hoá ra em nói với anh từ nãy giờ anh vẫn chưa hiểu gì cả sao? Cô chờ đợi ngồi im một lát. Như thể cô chẳng còn biết cách kể nhiều hơn nữa sao cho tôi hiểu nhiều hơn nữa. Rồi cô nói, chẳng ra nói với tôi, chẳng ra nói với ai hết:

- Gì ơi là đất ơi, giá mà lúc nào cũng cứ vui như cái ngày tiễn anh đi tòng quân, làng nước sung sướng biết bao nhiêu!

Những ngày vui như cô em mới nhắc đến tôi đã quên rồi. Hay nói cho đúng, lúc vui thì chẳng để ý, bây giờ có người nhắc lại, bỗng thấy ngỡ ngàng. Ba năm trước, nó nhảy múa sòn la đổ để tiễn đưa các anh trai lên đường. Chia tay mà vui như ngày hội. Vậy là đã từng có những ngày vui. Bây giờ đã là những ngày vui xưa, liệu có còn những ngày vui khác? Tôi không rõ. Tôi chỉ biết một điều, cô em đây, mười tám tuổi, nhón nhao rồi, không còn nhảy múa như xưa, em sống giữa những biến cố, mà chỉ biết kể lể, ngoài ra thì không biết vì sao lại có những điều này nọ đã xảy ra. Sau này về già, tôi còn biết thêm một điều nữa, rằng cũng chẳng nên trách ai, vì chính tôi đây nào cũng có biết gì nhiều...

Buổi tối, vở diễn "Lâm thâm nước mắt ngày vui" vẫn phải ra mắt mọi người.

Tôi không biết nói với chính trị viên như thế nào để được thủ trưởng cho phép nghỉ diễn. Mà làm sao nghỉ được? Tôi như người chiến sĩ bị thương. Bị thương mà có điều kiện thì vẫn phải làm nhiệm vụ chứ? Tôi không thể vì việc riêng mà làm hỏng cuộc liên hoan của tất cả mọi người. Lửa trại hồng rực một góc rừng. Trên trời máy bay địch không bay đêm nữa. Vẫn cứ người canh gác máy bay, nhưng chưa một lần nào tiếng keng phách gõ lên và nước phải giội vào đồng lửa khuya bập bùng như mọi khi.

Tiếng nói yếu ớt của tôi trong vai cô Lụa khiến cho ai ai cũng cảm thấy tôi sấm vai nữ giới, đúng là cái chất giọng khoẻ nhưng bị hụt hơi của một cô gái đi dân công bị thương... Hết buổi diễn, có mấy người còn đến gần đưa tay sờ sờ vào vai tôi xem có đúng là con gái không...

Câu chuyện vừa kể là một chi tiết trong cuộc đời nhà nghiên cứu văn hoá họ Mai. Tết Giáp Thân, ông tặng tôi những bài thơ ông viết cách đây nửa thế kỷ. Tôi xin phép

Xem tiếp trang 32

Đọc sách

VỀ “ĐẾ QUỐC MỸ” CỦA NIALL FERGUSON*

Trần Hữu Dũng

* Niall Ferguson, *Colossus – The Price of America’s Empire*, NY: Penguin Press, 2004, 385 trang, 25.95 USD.

Niall Ferguson là một sử gia trẻ (sinh năm 1964) người Anh, hiện dạy ở New York, viết hăng và dễ hiểu (gần như mỗi vài tuần là có một bài khá dài trên các tạp chí Anh Mỹ). Ông chuyên về các vấn đề tài chính quốc tế và đế quốc, có khuynh hướng tân bảo thủ. Tháng tư vừa qua, tuần báo Time của Mỹ bình chọn Ferguson là một trong 100 nhân vật nhiều ảnh hưởng nhất thế giới hiện nay.

Bố cục cuốn sách vừa xuất bản của ông (“*Người khổng lồ -- Cái giá của đế quốc Mỹ*”¹) không chắc chắn cho lắm (vì phần lớn quyển này là gán ghép những bài báo ông đã đăng trong hai năm qua), nhiều chi tiết dư thừa, nhưng chung quy có ba luận điểm chính. Thứ nhất, Ferguson ca tụng chủ nghĩa đế quốc, nhất là đế quốc Anh. Thứ hai, ông cho là lịch sử nước Mỹ là lịch sử của một đế quốc, dù đa số dân Mỹ không nhận điều đó. Và thứ ba, vì thể chế nước Mỹ và bản tính người Mỹ, đế quốc này sẽ không tồn tại lâu.

I. Ưu điểm của đế quốc

Như trong cuốn “best-seller” năm 2003 của ông về đế quốc Anh,² trong quyển này Ferguson hung phấn ca tụng chủ nghĩa đế quốc nói chung và đế quốc Anh nói riêng. Ông nhấn mạnh hai điều. Một là, nhiều quốc gia sau khi được độc lập thì lại hỗn loạn, nghèo khổ hơn lúc còn là thuộc địa. Đa số rơi vào chế độ độc tài tham nhũng thối nát, nội chiến, tàn sát chủng tộc, giặc giã liên miên với láng giềng.

Hai là, không chỉ biện hộ cho đế quốc như một “mission civilisatrice” (dù Ferguson không dùng cụm từ này) của thực dân thế kỉ 19, ông đi xa hơn, biện hộ cho đế quốc trên căn bản “toàn cầu hoá” thời thượng ngày nay. Theo Ferguson, muốn thực hiện lợi ích của toàn cầu hoá thì ngoài tự do thương mại, tự do đầu tư xuyên quốc gia, truyền giao công nghệ... mọi quốc gia còn cần có chung một khung thể chế hoàn chỉnh, trật tự, tôn trọng luật pháp, và một bộ máy hành chính trong sạch, có khả năng. Và chính trong khâu này mà nhiều quốc gia cần nương nhờ một chế độ “đế quốc phóng khoáng” (liberal imperialism).³

II. Mỹ đã là đế quốc

Theo Ferguson (và nhiều tác giả khác) “đế quốc Mỹ” không phải là chưa có hoặc mới có. Ngay từ thuở lập quốc, xuyên qua thế kỉ 19 (khi mà Mỹ chiếm đóng các đảo

giữa Thái Bình Dương), cho đến ngày nay, thì Mỹ đã cư xử như một đế quốc rồi. Ferguson gọi chính sách Mỹ là “chủ nghĩa đế quốc của chủ nghĩa chống đế quốc” (“imperialism of anti-imperialism”).

Mỹ đã là một đế quốc song, theo Ferguson, lại không dám tự nhận. Đa đa số dân Mỹ vẫn nghĩ rằng nước Mỹ là hiện thân của một quốc gia sinh ra từ một cuộc đấu tranh chống thực dân dành độc lập. Trong tâm tưởng dân Mỹ, “đế quốc” (hiểu là thực dân) là một nước đem quân chiếm đóng nước khác vì tài nguyên của nước ấy. Hiểu như vậy thì, theo họ, Mỹ không phải là đế quốc/thực dân. Vì không tự nhận là một đế quốc, nước Mỹ, theo Ferguson, đã không làm tròn “trách nhiệm” chính trị và đạo đức của một đế quốc.

III. Đế quốc Mỹ sẽ đi xuống

Theo Ferguson, Mỹ bị ba “thâm hụt: (1) thâm hụt kinh tế (2) thâm hụt con người, (3) và thâm hụt kiên nhẫn.

Về kinh tế, Ferguson đưa ra những con số mà hầu như ai cũng biết: Mỹ nhập nhiều hơn xuất, về hàng hoá cũng như vốn. Song cái thâm hụt kinh tế đáng báo động nhất là về bảo hiểm xã hội (đặc biệt là hệ thống hưu bổng cho người lớn tuổi):⁴ với tỉ số người về hưu ngày càng cao so với dân số làm việc, hầu hết các nhà kinh tế đều tiên đoán rằng chỉ trong vòng 20-30 năm nữa thì ngân quỹ hưu bổng của chính phủ Mỹ sẽ cạn kiệt. Chẳng những chính quyền Mỹ hiện không có biện pháp nào để đối phó với cuộc khủng hoảng này, những tổn phí quân sự của Mỹ càng đem lại gần hơn ngày khủng hoảng ấy.

Về nhân lực, theo Ferguson, Mỹ có một thâm hụt: ít người Mỹ nào muốn sống lâu dài ở các nước thuộc địa. Ferguson nhận xét: (1) trái với Anh ngày xưa, số người muốn vào Mỹ là nhiều hơn số người muốn rời Mỹ, (2) những người muốn rời Mỹ thì chỉ thích sang các nước đã phát triển, (3) trái với các đế quốc ngày xưa, Mỹ không muốn gửi quân đến đóng tại các nước thuộc địa, (4) khi người Mỹ sang nước khác thì họ không ở lâu và không hoà nhập với dân địa phương, và (5), quan trọng nhất, đa số giới “ưu tú” (elite) của Mỹ không muốn sống ở nước khác, nhất là ở các nước kém phát triển.

Về thâm hụt kiên nhẫn, Ferguson cho rằng Mỹ không có khả năng có đế quốc (thành công) như Anh vì bản tính dân Mỹ thiếu kiên nhẫn, muốn có kết quả ngay, và hiến pháp Mỹ lại cho phép họ thay đổi tổng thống mỗi bốn năm. Không một tổng thống Mỹ nào có thể có kế hoạch lâu hơn bốn năm.

IV. Phê bình

Nếu Ferguson không thú nhận ngay từ đầu rằng ông là “fan” của đế quốc thì một vài dữ kiện ông nêu ra cũng đáng làm suy nghĩ. Tiếc thay, cuốn sách của Niall Ferguson cơ bản là một bài bình luận thiếu khoa học, đưa ra những ý kiến chủ quan, dựa vào những dữ kiện lọc lựa để biện luận cho ý kiến mà tác giả đã có trước khi viết. Chẳng hạn như khi ông kê ra những “thất bại”, những bước lùi của một số quốc gia sau khi dành độc lập, rồi kết luận rằng làm thuộc địa là tốt cho các nước

này hơn. Hoặc khi ông viết rằng đế quốc sẽ tạo những thể chế cần thiết cho toàn cầu hóa. Về phương diện thuần lý thuyết, đây không phải là một giả thuyết không đáng chú ý (xem Dani Rodrik⁵ chẳng hạn), song phải khách quan so sánh nó với những học thuyết khác về vai trò thể chế trong toàn cầu hoá, không thể chủ quan dựa vào nó để biện hộ, hay bài bác, chế độ đế quốc bất luận của nước nào.

Là một sử gia chuyên nghiệp, Ferguson lắm lúc ngây thơ, dễ tin một cách không ngờ. Chẳng hạn ông cho rằng Mỹ đóng quân ở Saudi Arabia chỉ là để phòng thủ nước này chống lại Iraq, như các tổng thống Mỹ cho biết qua các bài diễn văn của họ. Ferguson cũng có vẻ không biết gì về những tranh cãi trong nội bộ chính quyền Bush, dù chỉ trong vấn đề Iraq, mà mọi người đều biết qua những tiết lộ gần đây của Richard Clarke,⁶ Bob Woodward,⁷ và nhất là James Mann⁸.

Trong những lí do mà Ferguson đưa ra để biện hộ cho đế quốc Mỹ, ông quên rằng chính thái độ của dân Mỹ cũng là quan trọng. Có thể ông gọi đó (một cách lấy làm tiếc) là hội chứng “thâm hụt kiên nhẫn”, và rằng dân Mỹ đã không dám nhận rằng nước họ là một đế quốc. Nhưng hai điều này có liên hệ với nhau: có thể là khi dân Mỹ phát giác là nước họ là một đế quốc thì cũng chính là lúc họ kêu gọi phải chấm dứt chính sách đó.

Những người như Ferguson, nhìn chế độ đế quốc từ quan điểm của người dân một đế quốc (hơn nữa lại là một đế quốc trong quá khứ xa xăm), không hiểu nổi cái vô luân tàn bạo của đế quốc đối với dân tộc bị trị. “Đế quốc” của Ferguson không có người cai trị chà đạp nhân phẩm của dân bị trị. Chính trong cách Ferguson tiên đoán sự thất bại của đế quốc Mỹ cũng thể hiện thái độ “đế quốc” của ông: Mỹ sẽ thất bại không phải vì sự đối kháng của các dân tộc bị trị mà chính vì dân Mỹ thiếu kiên nhẫn!

Cũng nên nói thêm rằng, vài tuần gần đây (sau khi cuốn sách này đã xuất bản) thì Niall Ferguson đã đăng nhiều bài bình luận nhấn mạnh đến sự cần thiết của “hợp tác quốc tế”, và tỏ vẻ lo ngại là chính sách đế quốc của Mỹ hiện nay thiếu tính “chính đáng” (legitimacy)⁹. Nói khác đi, hình như ông chợt nhận ra rằng, “chủ nghĩa đế quốc”, xưa cũng như nay, rốt cuộc chỉ là sự thống trị của kẻ mạnh, và các dân tộc bị trị chắc chắn sẽ có ngày đứng lên phá vỡ nó.

Trần Hữu Dũng

18-5-2004

1 : Một chi tiết khá thú vị là cuốn này được xuất bản ở Anh với tựa “The Rise and Fall of the American Empire” (Sự thăng trầm của đế quốc Mỹ)

2 : Niall Ferguson, 2003, *The Rise and Demise of the British World Order and the Lessons for Global Power*, NY: Basic Books.

3 : Về ý niệm “đế quốc phóng khoáng” xin xem Trần Hữu Dũng, “Mỹ, một đế quốc?”, trên *Thời Đại Mới* (<http://www.thoidai.org>) số 2, tháng 7/2004 (sắp ra).

4 : Nói cho đúng, nhà kinh tế Lawrence Kotlikoff mới là chuyên gia báo động gánh nặng bảo hiểm xã hội ở Mỹ,

Ferguson chỉ ghép những phân tích của Kotlikoff vào thuyết về đế quốc. Xem Niall Ferguson và Lawrence Kotlikoff, “Going Critical: American Power and the Consequences of Fiscal Overstretch,” *National Interest*, 73, Fall 2003, tr. 22-32

5 : Dani Rodrik, 2003, “Feasible Globalization,” bản thảo chưa xuất bản.

6 : Richard Clarke, 2004, *Against All Enemies: Inside America's War on Terror*, NY: Free Press

7 : Richard Clarke, 2004, *Against All Enemies: Inside America's War on Terror*, NY: Free Press

8 : James Mann, 2004, *Rise of the Vulcans: The History of Bush's War Cabinet*, NY: Viking Press

9 : Robert Kagan, nòng cốt của nhóm tân bảo thủ, cũng đã bắt đầu có những lo âu tương tự.

Tiếp theo trang 30

từ cuộc đời ông viết ra một câu chuyện khác, thì ông bảo :

- Cũng được, nhưng văn chương sao nói hết?
- Sau chiến dịch, ông về nhà chứ?
- Vẫn chưa về được. Xuất ngũ. Rồi công nhân thu lợi. Sửa sai mới về. Cả gia đình đoàn tụ hết, có người chiến đấu ở Nam bộ ra tập kết cũng về, cả chị dâu nữa, cùng đi bốc mộ ông nội. Mẹ thì già rồi, nhưng đi nhanh con con...
- Thế còn cô Cảnh?
- Cảnh về gì nữa...
- Quên, còn bố?
- Bố bị án tù chung thân, sửa sai thì được tha ngay, rồi đi tham quan Liên Xô, rồi được ra làm việc trở lại, cụ là một trong những đồng chí sáng lập Đảng hồi ba mươi ba một mà...
- Sao rồi anh thành nhà nghiên cứu văn hoá?
- Cũng như mọi người thôi. Làm công nhân một hồi thì nhờ bố được sửa sai thì con cũng được cho đi đại học. Mình chọn đi học Sư. Học cái mệnh lâm thâm nước mắt ngày vui ấy mà...

Châu Diên

Biệt thự Thu Trang, giữa tháng 2-2004

Diễn Đàn Forum

Directeur de publication: Nguyễn Quang Đổ
Imprimé par Point Conception, Vitry sur Seine
Dépôt légal: 178/91 * Commission Paritaire: AS 73 324 * Prix: 6 €

Địa chỉ bưu điện:

BP 50, F-92340 Bourg la Reine (FRANCE)

Địa chỉ điện tử (E-mail):

diendan@diendan.org

Trang nhà : <http://www.diendan.org>

Đại diện các nước: xin coi thể lệ mua báo (trang 2)

Bài viết tay hay đánh máy trên một mặt giấy, hay trên đĩa PC (phông Unicode, VNI, TCVN, VPS, ...); hoặc qua Email (bỏ dấu theo quy ước Vietnet VIQR)